

Số: /ĐA-UBND

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2026

Dự thảo

ĐỀ ÁN

**Thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương
trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Bắc Ninh**

Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2045 đã xác định mục tiêu đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, nâng cao chất lượng đô thị, hình thành các cực tăng trưởng mạnh, các đô thị có tầm vóc khu vực và quốc tế, phát triển đô thị xanh, thông minh, hiện đại; đồng thời tại Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW nêu trên định hướng trong năm 2026 đẩy mạnh phát triển đô thị tăng trưởng xanh, bền vững, chống chịu biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm không khí, chất thải, chống ùn tắc giao thông, bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, phát triển một số tỉnh đủ điều kiện trở thành thành phố.

Xuất phát từ vị trí chiến lược, vai trò quan trọng của tỉnh Bắc Ninh đối với vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Thủ đô Hà Nội, Bắc bộ và cả nước; từ thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, thực tiễn phát triển đô thị trên địa bàn tỉnh, yêu cầu phát triển theo định hướng quy hoạch, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt gắn với nhiệm vụ bảo vệ quốc phòng, an ninh, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử đặc sắc của dân tộc; thực hiện Kết luận số 52-KL/TW ngày 20/6/2026 của Bộ Chính trị về chủ trương thành lập thành phố Bắc Ninh trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Bắc Ninh, UBND tỉnh Bắc Ninh trình Chính phủ, Bộ Nội vụ Đề án thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương, nội dung cụ thể như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

**CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP
THÀNH PHỐ BẮC NINH TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG**

I- CĂN CỨ CHÍNH TRỊ, PHÁP LÝ

1. Căn cứ chính trị

- Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/1/2022 của Bộ Chính trị về Quy

hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;

- Kết luận số 212-KL/TW ngày 18/11/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về định hướng xây dựng tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, phân loại đơn vị hành chính và phân loại đô thị;

- Kết luận số 224-KL/TW ngày 08/12/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Kết luận số 52-KL/TW ngày 20/6/2026 của Bộ Chính trị về chủ trương thành lập thành phố Bắc Ninh trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Bắc Ninh;

- Nghị quyết số 03-NQ/ĐH ngày 30/9/2025 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030.

2. Căn cứ pháp lý

- Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 203/2025/QH15;

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

- Luật Quy hoạch đô thị và Nông thôn số 47/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 144/2025/QH15;

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ về việc Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị;

- Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính;

- Nghị định số 321/2025/NĐ-CP ngày 16/12/2025 của Chính phủ hướng dẫn việc lấy ý kiến Nhân dân về thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới và đổi tên đơn vị hành chính;

- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ

phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

- Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1279/QĐ-TTg ngày 28/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 612/QĐ-TTg ngày 04/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

II- SỰ CẦN THIẾT THÀNH LẬP THÀNH PHỐ BẮC NINH TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

1. Về cơ sở chính trị

a) Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XIV của Đảng đề ra mục tiêu đưa tỷ lệ đô thị hóa của nước ta đạt trên 50% vào năm 2030. Theo đó, đặt mục tiêu tỷ lệ đô thị hóa giai đoạn 2026-2030 tăng mạnh, hướng tới mục tiêu quốc gia phát triển, thu nhập cao vào năm 2045; tập trung phát triển đô thị xanh, thông minh, đô thị bền vững, có khả năng chống chịu cao với biến đổi khí hậu; nâng cao chất lượng quy hoạch, gắn kết phát triển đô thị với kinh tế tuần hoàn, tăng cường kết nối hạ tầng đồng bộ, đặc biệt là giao thông, giữa các đô thị và khu vực nông thôn; phát triển đô thị trở thành các trung tâm kinh tế, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo động lực chính cho phát triển kinh tế - xã hội.

b) Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đề ra mục tiêu đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hoá, phát triển đô thị bền vững theo mạng lưới, hình thành một số đô thị, chuỗi đô thị động lực thông minh kết nối với khu vực và thế giới. Theo đó, tỷ lệ đô thị hoá của nước ta đến năm 2030 đạt trên 50% và đến năm 2045 tỷ lệ đô thị hoá thuộc nhóm trung bình cao của khu vực ASEAN và châu Á.

c) Nghị quyết số 30-NQ/TW ngày 23/11/2022 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Hồng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đề ra mục tiêu đến năm 2030 Đồng bằng sông Hồng có hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, đô thị thông minh, có tính kết nối cao; đến năm 2030, tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 55%.

d) Thông báo số 119-TB/VPTW ngày 20/01/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng thông báo kết luận của đồng chí Tổng Bí thư trong chuyến thăm và làm việc tại tỉnh Bắc Ninh.

đ) Thông báo số 175-TB/VPTW ngày 24/4/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về ý kiến của đồng chí Tổng Bí thư về việc cho lùi thời gian báo cáo Đề án thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương.

e) Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030 đề ra mục tiêu đưa Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030 và đến năm 2045 là thành phố xanh, văn minh, mang đậm bản sắc văn hóa Kinh Bắc.

f) Kết luận số 52-KL/TW ngày 20/6/2026 của Bộ Chính trị về chủ trương thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Bắc Ninh.

2. Về cơ sở pháp lý

a) Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025) đã xác định Bắc Ninh nằm trong vùng động lực phía Bắc, gắn với các tuyến đường vành đai 4, vành đai 5, các trục Quốc lộ 5, Quốc lộ 18, các cao tốc Bắc - Nam phía Đông, cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, cao tốc Nội Bài - Lào Cai, cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên. Trong đó, xây dựng vùng động lực phía Bắc đi đầu trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, xã hội số; phát huy vai trò trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của quốc gia. Tập trung phát triển một số ngành dịch vụ hiện đại, chất lượng cao; các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; phát triển nhanh công nghiệp công nghệ số và các ngành công nghiệp mới nổi. Phát triển khu vực trở thành trung tâm công nghệ cao với các ngành công nghiệp bán dẫn và logistics. Phát triển khu thương mại tự do và các loại hình khu chức năng theo mô hình mới phù hợp với xu thế chung của thế giới, có môi trường hấp dẫn vượt trội để tạo động lực phát triển mới.

Như vậy, Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tiếp tục xác định Bắc Ninh một trong những trung tâm công nghiệp, đô thị, dịch vụ phát triển năng động, thuộc vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc. Bắc Ninh giữ vai trò là "cực tăng trưởng" phụ trợ đặc lực và liên kết chặt chẽ với Thủ đô Hà Nội; là trung tâm công nghiệp điện tử, công nghệ cao, logistics và đô

thị dịch vụ hiện đại, gắn kết chặt chẽ với Thủ đô Hà Nội trong hành lang kinh tế Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; đến năm 2030, Bắc Ninh nằm trong mạng lưới các đô thị, phấn đấu trở thành đô thị loại I và thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Quyết định số 612/QĐ-TTg ngày 04/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 định hướng phát triển vùng động lực, bao gồm thành phố Hà Nội và các địa bàn gắn với các tuyến đường vành đai 4, vành đai 5, các trục quốc lộ 5 và quốc lộ 18, các tuyến cao tốc CT01, CT04, CT05, CT07, CT09 qua thành phố Hải Phòng và các tỉnh Quảng Ninh, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình. Trong đó, Thủ đô Hà Nội là cực tăng trưởng trung tâm, vùng động lực này giữ vai trò là vùng động lực phía Bắc của quốc gia, đầu tàu phát triển công nghiệp, dịch vụ, khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo của vùng Đồng bằng sông Hồng và cả nước, tạo động lực lan tỏa ra toàn miền Bắc; đồng thời, phát triển đô thị vùng theo mô hình mạng lưới đa cực, đa trung tâm, có sự phân công và chia sẻ chức năng hợp lý, liên kết chặt chẽ với hệ thống hạ tầng vùng và quốc gia. Hình thành hai vành đai phát triển đô thị - công nghiệp - dịch vụ (vành đai 4 và vành đai 5 vùng Thủ đô Hà Nội), kết nối Hà Nội - Bắc Ninh - Hưng Yên - Hải Phòng - Quảng Ninh và Ninh Bình.

c) Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị, nông thôn thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2050 định hướng phát triển tỉnh Bắc Ninh thành thành phố trực thuộc Trung ương; với vai trò là một trong các đô thị lớn, trọng điểm phía Bắc, kết nối với thủ đô Hà Nội; mục tiêu phát triển theo hướng đô thị thông minh, hiện đại, có chất lượng sống cao.

d) Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 637/QĐ-UBND ngày 19/8/2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh) đã xác định mục tiêu đến năm 2030 xây dựng Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, đạt tiêu chuẩn đô thị loại I, phát triển bền vững, hài hòa giữa kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường; đến năm 2050, Bắc Ninh trở thành thành phố thông minh, đô thị văn minh, hiện đại, có bản sắc văn hóa đặc trưng, là trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục và y tế cao cấp của vùng Thủ đô và cả nước.

3. Cơ sở thực tiễn

a) Thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương xuất phát từ lợi thế về vị trí địa lý và vai trò của tỉnh Bắc Ninh trong vùng Thủ đô Hà Nội, vùng Đồng bằng sông Hồng, Bắc Bộ và cả nước

- Về vị trí địa lý

Tỉnh Bắc Ninh được thành lập theo Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh năm 2025.

Theo đó, tỉnh Bắc Ninh có diện tích tự nhiên 4.713,75 km², quy mô dân số là 3.989.623 người và 99 đơn vị hành chính cấp xã (33 phường, 66 xã). Nằm ở cửa ngõ phía Bắc của Thủ đô Hà Nội, là trung tâm của tam giác kinh tế trọng điểm, tam giác tăng trưởng kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, cửa ngõ kết nối các tỉnh trung du miền núi phía Bắc với Thủ đô Hà Nội.

Bắc Ninh nằm trên hai hành lang kinh tế quan trọng của miền Bắc là Côn Minh - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh và Nam Ninh - Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; đồng thời, gắn với trục động lực phát triển Bắc - Nam. Trong mỗi liên kết vùng, tỉnh Bắc Ninh giữ vai trò mắt xích chuyển tiếp quan trọng trong tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, có điều kiện thuận lợi để tận dụng hiệu quả hệ thống hạ tầng dùng chung của vùng như: Sân bay quốc tế Nội Bài, hệ thống cảng biển tại Hải Phòng và các tuyến cao tốc huyết mạch, qua đó nâng cao khả năng kết nối, giảm chi phí logistics và gia tăng sức hấp dẫn đối với các dòng vốn đầu tư trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, vị trí liền kề các đầu mối giao thông và cửa ngõ giao thương quốc tế giúp Bắc Ninh rút ngắn thời gian vận chuyển, tăng hiệu quả kết nối liên vùng và quốc tế, củng cố vai trò là trung tâm trung chuyển quan trọng trong mạng lưới sản xuất và lưu thông hàng hóa của toàn vùng. Địa bàn tỉnh hiện có Quốc lộ 1A, 1B (hướng Hà Nội - Lạng Sơn), Quốc lộ 18 (Nội Bài - Hạ Long - Móng Cái) và Quốc lộ 38 kết nối Hải Phòng, Hưng Yên; tuyến cao tốc Hà Nội - Bắc Giang đi qua, cùng các dự án đường Vành đai 4, Vành đai 5 đang triển khai, giúp tăng cường kết nối liên vùng; tuyến đường sắt Hà Nội - Bắc Ninh - Lạng Sơn, tạo điều kiện thuận lợi cho vận chuyển hàng hóa và hành khách.

- Về vai trò của tỉnh trong vùng Thủ đô Hà Nội, vùng Đồng bằng sông Hồng, Bắc Bộ và cả nước

Với vị trí địa lý kinh tế đặc biệt quan trọng, Bắc Ninh không chỉ đóng vai trò là một trong các tỉnh động lực của vùng Thủ đô, là một cực tăng trưởng, tạo sức lan tỏa mạnh về phát triển kinh tế - xã hội cho cả vùng, mà còn đóng góp ngày càng quan trọng đối với sự phát triển chung của cả nước. Theo đó, với vùng Thủ đô Hà Nội, vùng Đồng bằng sông Hồng và Bắc bộ, Bắc Ninh là một trong những địa phương dẫn đầu về tốc độ tăng trưởng GRDP (đạt 10,27% năm 2025), quy mô kinh tế thuộc top đầu của cả nước; là nơi tập trung các tập đoàn đa quốc gia, đặc biệt trong lĩnh vực điện tử, công nghệ cao; nằm trên các hành lang kinh tế lớn (Lạng Sơn - Hà Nội - Hải Phòng), là đầu mối giao thông quan trọng với Cảng hàng không quốc tế Gia Bình (quy mô 4F) đang đầu tư xây dựng cùng hệ thống đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa quốc gia đồng bộ, kết nối thuận lợi với sân bay Nội Bài và cảng biển Hải Phòng; là "cánh tay nối dài" của Hà Nội về phía Đông Bắc, cùng Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh tạo thành tam giác kinh tế trọng điểm. Với cả nước, Bắc Ninh là một trong những địa phương thu hút vốn FDI hàng đầu cả nước, đóng góp quan trọng vào dòng vốn nước ngoài; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của tỉnh luôn đứng vị trí cao, đóng góp đáng kể vào tổng kim ngạch chung của cả nước;

mô hình phát triển từ nông nghiệp sang công nghiệp hiện đại, công nghệ cao tạo tiền đề, kinh nghiệm cho cả nước; là cái nôi văn hóa Kinh Bắc, đóng góp vào sự đa dạng văn hóa vùng Đồng bằng sông Hồng.

Vị trí, vai trò của Bắc Ninh trong cấu trúc phát triển quốc gia: Theo Quyết định số 836/QĐ-BXD ngày 01/6/2026 của Bộ Xây dựng về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050: Bắc Ninh có vị trí trong cấu trúc không gian đô thị lớn và là một thành phần quan trọng thuộc Vùng đô thị Hà Nội (01 trong 04 vùng đô thị lớn cả nước). Được xác định là một trong những cực tăng trưởng thứ cấp của Vùng đô thị Hà Nội. Nằm trong cấu trúc mô hình chùm đô thị hướng tâm, giữ vai trò là đô thị vệ tinh, đối trọng, chia sẻ chức năng và hỗ trợ phát triển vùng. Bắc Ninh được quy hoạch là đô thị trung tâm vùng của vùng Đồng bằng sông Hồng. Theo quy hoạch tổng thể hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Bắc Ninh được xác lập vị thế là một trung tâm cấp quốc gia và là động lực tăng trưởng chủ đạo không chỉ cho tỉnh mà còn cho cả vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng đô thị hạt nhân phía Bắc. (2) Cấu trúc đa cực và vai trò "chia sẻ áp lực" cho Thủ đô Hà Nội, Bắc Ninh đóng vai trò tiếp quản và phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch dịch chuyển ra khỏi trung tâm Hà Nội, giúp Thủ đô tập trung không gian cho chức năng hành chính, chính trị, dịch vụ tài chính cao cấp; giảm áp lực cho Hà Nội bằng việc hình thành tổ hợp công nghiệp y sinh, y tế chuyên sâu và đô thị đại học đa ngành. (3) Vai trò liên kết phát triển và giá trị gia tăng sau khi nâng cấp vị thế, Bắc Ninh đóng vai trò trung tâm sản xuất kỹ thuật cao, kết nối trực tiếp với năng lực nghiên cứu, phát triển phần mềm của Khu công nghệ cao Hòa Lạc, tạo ra một hệ sinh thái cung ứng khép kín, bền vững, không bị đứt gãy; là "mắt xích" điều tiết dòng luân chuyển hàng hóa công nghệ cao đi từ các nhà máy phía Bắc đến hệ thống cảng biển nước sâu Hải Phòng, Quảng Ninh một cách tối ưu, giảm giá thành logistics toàn vùng. Theo đó, Bắc Ninh tiếp tục duy trì vị thế tốp đầu về quy mô GRDP, kim ngạch xuất nhập khẩu và thu nộp ngân sách Trung ương, tạo dư địa quốc gia để điều tiết cho các vùng khó khăn.

Việc thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương là cần thiết, khách quan, phù hợp với quy hoạch tổng thể quốc gia và xu thế phát triển đô thị của cả nước, của tỉnh. Đây không chỉ là yêu cầu tất yếu từ thực tiễn phát triển nhanh, năng động của Bắc Ninh mà còn là điều kiện quan trọng để tỉnh phát huy vai trò cực tăng trưởng mới của đất nước. Thực hiện Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh đến năm 2045 và Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tỉnh sẽ tập trung triển khai có hiệu quả các Quy hoạch phân khu đã được phê duyệt để kịp thời đẩy mạnh xúc tiến, thu hút đầu tư phát triển các khu đô thị, thương mại, dịch vụ, không gian văn hóa - du lịch, trung tâm thương mại cấp vùng, cảng cạn (ICD), logistics có quy mô lớn, phát triển hạ tầng giao thông (*Sân bay Gia Bình, đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, Hà Nội - Quảng Ninh, đường sắt dọc Vành đai 4, đường*

sắt đô thị, giao thông ngầm; giao thông kết nối nội vùng, liên vùng như: Dự án đường Vành đai 4; Dự án đường kết nối Sân bay Gia Bình với thủ đô Hà Nội; Dự án Cầu Kênh Vàng...); khu công nghiệp (theo hướng chuyển đổi xanh, chuyển đổi số, tuần hoàn, bền vững); nâng cao các tiện ích đô thị; tạo sự kết nối trong tỉnh, đẩy mạnh liên kết vùng với Thủ đô Hà Nội và các tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Hồng.

b) Thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương mang đặc trưng văn hóa Kinh Bắc

Bắc Ninh - Kinh Bắc nổi tiếng là vùng đất “địa linh nhân kiệt”, giàu truyền thống lịch sử, văn hiến và cách mạng. Trung tâm của xứ Kinh Bắc, xưa kia Luy Lâu từng là trung tâm kinh tế - chính trị - tôn giáo sớm nhất của Việt Nam; nơi khởi dựng cơ đồ của Thủy tổ Việt Nam - Kinh Dương Vương; nơi phát tích Vương triều Lý - Triều đại khai mở và xây dựng nền văn minh Đại Việt; sản sinh, nuôi dưỡng nhiều danh nhân lịch sử, văn hoá, quân sự tiêu biểu như: Lê Văn Thịnh, Cao Lỗ Vương, Hoàng Hoa Thám và nhiều nhà cách mạng tiền bối của Đảng như: Nguyễn Văn Cừ, Lê Quang Đạo, Ngô Gia Tự, Hoàng Quốc Việt...; quê hương của lễ hội, của nghệ thuật dân gian và làng nghề truyền thống như: Chạm khắc Phù Khê; đúc đồng Đại Bái; gốm Phù Lãng, tranh dân gian Đông Hồ, mĩ Chũ, mây tre đan Tăng Tiến và hương Linh Sơn... Cùng với đó là các lễ hội dân gian mang đậm dấu ấn lịch sử sống động, đậm đà bản sắc Kinh Bắc, mỗi năm có 1.319 lễ hội lớn, nhỏ được tổ chức vào tất cả các mùa trong năm. Nét văn hóa đặc sắc nhất của Bắc Ninh là làn điệu Dân ca Quan họ mượt mà đắm thắm và Ca trù, hát then, tín ngưỡng thờ Mẫu đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Bắc Ninh cũng là một trong ba nơi sở hữu Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc đã được UNESCO công nhận di sản thế giới; 02 điểm di tích là: Chùa Vĩnh Nghiêm, phường Tân An; chùa Bồ Đà, phường Vân Hà được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa thế giới.

Bắc Ninh hướng tới trở thành thành phố xanh, văn minh, mang đậm bản sắc văn hóa Kinh Bắc. Theo đó, quy hoạch đô thị mới không phá vỡ cảnh quan di tích lịch sử, làng nghề truyền thống; tập trung bảo tồn hệ thống di tích đặc biệt; kết hợp các khoảng xanh, mặt nước vào kiến trúc đô thị, giảm mật độ xây dựng tại các khu vực lõi di sản; xây dựng các trung tâm văn hóa, phố đi bộ, không gian cộng đồng mang âm hưởng Kinh Bắc, tạo "khuôn nhạc mềm" trong bản giao hưởng công nghiệp hiện đại. Đồng thời, xây dựng không gian đô thị hiện đại xung quanh các di tích lịch sử, làng nghề truyền thống và không gian văn hóa Quan họ; quy hoạch đô thị kết nối các trung tâm thương mại, khu vui chơi với các khu du lịch văn hóa tâm linh đặc sắc, mang lại trải nghiệm độc đáo cho người dân và du khách; đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhưng vẫn giữ gìn cốt cách, truyền thống hiếu học và khoa bảng của vùng đất Kinh Bắc; chú trọng quy hoạch không gian đô thị mở rộng, đồng bộ nhưng tôn trọng cảnh quan tự nhiên và các di tích văn hóa lâu đời; xây dựng nếp sống đô thị mới dựa

trên nền tảng ứng xử văn hóa, giàu truyền thống cách mạng và hiếu khách.

Bắc Ninh - Kinh Bắc không chỉ là vùng đất giàu truyền thống văn hiến mà còn là một trong những trung tâm hội tụ và lan tỏa các giá trị văn hóa đặc sắc của dân tộc Việt Nam. Đặc biệt, với 08 di sản thế giới được UNESCO vinh danh, cùng hệ thống hàng trăm di tích được xếp hạng cấp quốc gia đặc biệt và cấp quốc gia, hàng chục bảo vật quốc gia, Bắc Ninh sở hữu nguồn tài nguyên văn hóa đặc biệt quý giá, có giá trị tầm quốc gia và quốc tế. Truyền thống hiếu học, khoa bảng được kết tinh qua 05 làng tiến sĩ tiêu biểu (Yên Ninh, Kim Đôi, Tam Sơn, Nội Duệ, Lương Xá), phản ánh chiều sâu trí tuệ và bản sắc văn hiến của vùng đất Kinh Bắc. Đồng thời, hệ thống hàng trăm làng nghề truyền thống không chỉ bảo tồn tinh hoa nghề thủ công mà còn tạo nền tảng phát triển kinh tế văn hóa và du lịch bền vững. Những giá trị này không chỉ là di sản cần bảo tồn mà còn là nguồn lực nội sinh đặc biệt quan trọng, góp phần hình thành bản sắc riêng, nâng cao năng lực cạnh tranh và vị thế của thành phố Bắc Ninh trong mạng lưới đô thị quốc gia và quốc tế.

Như vậy, có thể khẳng định Văn hóa Kinh Bắc có ý nghĩa to lớn trong việc định hình bản sắc dân tộc, giáo dục truyền thống và tạo lợi thế mềm phát triển kinh tế trải nghiệm, du lịch bền vững.

c) Thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương xuất phát từ thực trạng phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thời gian qua

Phát huy truyền thống văn hóa và cách mạng, cùng với những tiềm năng, thế mạnh, bề dày lịch sử đã hun đúc, tạo tiền đề thuận lợi để phấn đấu xây dựng tỉnh Bắc Ninh phát triển bền vững, trở thành thành phố trực thuộc Trung ương theo hướng văn minh, hiện đại. Trong những năm gần đây, tỉnh Bắc Ninh đã vươn lên mạnh mẽ và khẳng định vị thế mới của tỉnh trong công cuộc phát triển của đất nước, trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại, với nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội đứng đầu và trong nhóm đứng đầu cả nước, như: Quy mô kinh tế đứng thứ 5 cả nước và thứ 3 vùng Đồng bằng sông Hồng; các chỉ tiêu GRDP bình quân đầu người, giá trị sản xuất công nghiệp, kim ngạch xuất khẩu đứng đầu cả nước. Địa bàn tỉnh hiện có 39 khu công nghiệp và 96 cụm công nghiệp được thành lập (phấn đấu đến năm 2030 Bắc Ninh có 52 khu công nghiệp); thu nhập bình quân đầu người đứng thứ 6 cả nước; nhiều chỉ tiêu trong lĩnh vực giáo dục, y tế thuộc nhóm dẫn đầu; nhiều chính sách an sinh xã hội đi trước và thực hiện ở mức cao hơn như: Hỗ trợ nhà ở cho người nghèo; trợ cấp cho người cao tuổi; hỗ trợ tiền điện thấp sáng cho khu vực nông thôn, chương trình sữa học đường, hỗ trợ bảo hiểm y tế cho người cao tuổi,...

Giai đoạn 2021-2025, tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh (trước hợp nhất) luôn được đánh giá là điểm sáng trong phát triển kinh tế - xã hội của cả nước với những kết quả nổi bật, kinh tế tiếp tục phát triển toàn diện, nhiều chỉ tiêu quan trọng nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước. Năm 2025, tốc độ tăng trưởng GRDP đạt 10,27%, đứng thứ 5 cả nước, đứng thứ 4 vùng Đồng bằng sông Hồng và là 1

trong 6 tỉnh, thành phố đạt mức tăng trưởng hai con số năm 2025. GRDP bình quân đầu người đạt 5.852 USD, gấp 1,16 lần bình quân cả nước. Thu nhập bình quân đầu người đạt 6,01 triệu đồng/người/tháng.

d) Thành lập thành phố Bắc Ninh xuất phát từ yêu cầu thực tiễn phát triển đô thị và nhu cầu cần thiết chuyển đổi mô hình tăng trưởng

- Về phát triển đô thị

Phát huy tiềm năng, lợi thế sẵn có, tỉnh Bắc Ninh đã chủ động đề ra nhiều mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể thúc đẩy tiến trình đô thị hóa. Quá trình phát triển đô thị của tỉnh Bắc Ninh đã diễn ra một cách mạnh mẽ, liên tục và có sự chuyển đổi mang tính đột phá, đặc biệt tăng tốc trong những năm gần đây, hướng tới mục tiêu trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương. Trong đó, giai đoạn từ 2010 đến nay là giai đoạn bứt phá và đồng bộ hạ tầng. Tỉnh đã thực hiện các quy hoạch tổng thể mang tầm quốc tế, xác định rõ các vùng kinh tế trọng điểm, các hành lang và vành đai kinh tế; đầu tư hạ tầng giao thông, việc đầu tư mạnh mẽ vào các công trình hạ tầng chiến lược, tạo ra sự kết nối liên vùng, thay đổi hoàn toàn diện mạo và vị thế của các đô thị. Quá trình phát triển mạnh mẽ về đô thị của tỉnh Bắc Ninh đã đẩy tỷ lệ đô thị hóa đạt mức cao so với mặt bằng chung cả nước; đồng thời, diện mạo đô thị được hình thành và từng bước hiện đại với các đô thị được đầu tư xây dựng hiện đại, xanh, sạch, đẹp, với nhiều khu đô thị kiểu mẫu, công viên, cảnh quan được chú trọng đầu tư xây dựng. Với mô hình chính quyền hai cấp tinh gọn, tỉnh đang là địa phương tiên phong về cải cách hành chính và chính quyền số.

Tuy nhiên, quá trình phát triển đô thị quy mô lớn đòi hỏi: Cơ chế quản trị đô thị thống nhất, chuyên nghiệp và linh hoạt hơn; tăng thẩm quyền quyết định về quy hoạch, đất đai, đầu tư, tổ chức bộ máy; nâng chất lượng cung ứng dịch vụ công và dịch vụ đô thị; đầu tư mạnh hơn cho hạ tầng số, giao thông thông minh, quản trị dữ liệu và hạ tầng xã hội chất lượng cao. Trong bối cảnh cạnh tranh thu hút đầu tư ngày càng cao trong nước và quốc tế, một thành phố trực thuộc Trung ương sẽ giúp Bắc Ninh có vị thế cao hơn trong điều phối vùng, thu hút nguồn lực chiến lược; tăng khả năng tiếp cận các chính sách đặc thù về tài chính, ngân sách, đầu tư công và cơ chế phát triển đô thị bền vững - đô thị sinh thái; tạo thương hiệu quốc tế mạnh hơn cho công nghiệp công nghệ cao và dịch vụ; thu hút đội ngũ chuyên gia, lao động chất lượng cao và các tập đoàn đa quốc gia. Ngoài ra, xu hướng phát triển "đại đô thị - thành phố thông minh - đô thị xanh" là chiến lược của nhiều nước. Bắc Ninh cần một cơ chế đô thị cấp quốc gia để đủ quyền hạn, nguồn lực và thẩm quyền tổ chức không gian phát triển hiện đại, bền vững, mang tầm quốc tế.

Bắc Ninh đang vận hành một nền kinh tế công nghiệp - dịch vụ phát triển nhưng lại chịu sự giới hạn bởi mô hình quản lý hành chính của tỉnh (chính quyền nông thôn). Việc thành lập thành phố trực thuộc Trung ương giúp thiết lập bộ máy quản trị đô thị, giúp tăng cường năng lực tự chủ, tự quyết; đồng thời,

việc thành lập thành phố trực thuộc Trung ương đáp ứng yêu cầu tạo lực đẩy mới cho vùng Thủ đô và vùng kinh tế trọng điểm Bắc bộ; trong đó, Bắc Ninh đóng vai trò là cửa ngõ giao thương, hạt nhân liên kết hành lang kinh tế phía Bắc; Bắc Ninh sẽ có cơ sở pháp lý và tiềm lực kinh tế để cùng với thành phố Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh xây dựng các chuỗi liên kết hạ tầng dùng chung, định hình lại không gian phát triển toàn vùng Đồng bằng sông Hồng.

Việc công nhận Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương mang lại nhiều ý nghĩa chiến lược: (1) Tạo động lực tăng trưởng mới cho vùng và cả nước: Tỉnh Bắc Ninh sẽ đóng vai trò trung tâm điều phối phát triển logistics, công nghiệp công nghệ cao. (2) Thúc đẩy cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả quản trị đô thị: Chính quyền đô thị cấp Trung ương giúp tăng tính tự chủ, tinh gọn bộ máy và thực hiện phân cấp - ủy quyền mạnh hơn. (3) Tăng năng lực thu hút vốn đầu tư ODA, FDI, đầu tư công và tư nhân: Vị thế thành phố trực thuộc Trung ương giúp Bắc Ninh tiếp cận ưu đãi đặc thù, chương trình phát triển đô thị chiến lược và các gói hỗ trợ quốc tế. (4) Nâng cao chất lượng sống của người dân: Hạ tầng kỹ thuật - xã hội được đầu tư đồng bộ, dịch vụ đô thị hiện đại, môi trường sống tốt hơn, an ninh - an toàn hơn. (5) Góp phần đảm bảo an ninh - quốc phòng.

đ) Thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương xuất phát từ yêu cầu của nhiệm vụ quốc phòng, an ninh

Bắc Ninh có Trường bắn Quốc gia khu vực 1 (TB1), với vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng về quốc phòng - an ninh, là tỉnh tiếp giáp liền kề, là phen dậu của Thủ đô Hà Nội nên tỉnh luôn xác định quốc phòng - an ninh là trụ cột, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững mạnh, sẵn sàng xử lý mọi tình huống bảo vệ an ninh quốc gia. Việc xây dựng, phát triển Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương có ý nghĩa quan trọng về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội đối với Quân khu 1 và cả nước. Trong đó:

Mô hình Thành phố trực thuộc Trung ương giúp tổ chức bộ máy hành chính thống nhất, hiệu quả hơn, đảm bảo sự chỉ đạo, điều hành thông suốt từ Trung ương đến địa phương trong các vấn đề liên quan đến quốc phòng - an ninh. Cơ chế quản lý mới tạo thuận lợi cho sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng vũ trang trong việc nắm bắt tình hình, xử lý các tình huống phức tạp về an ninh trật tự, đặc biệt là khu vực phát triển công nghiệp mạnh mẽ như Bắc Ninh.

Với vị thế thành phố trực thuộc Trung ương cho phép Bắc Ninh chủ động hơn về ngân sách và các cơ chế tài chính đặc thù, tăng cường đầu tư cho các công trình quốc phòng, khu kinh tế quốc phòng và hiện đại hóa lực lượng vũ trang địa phương. Việc phát triển hạ tầng kinh tế được quy hoạch và xây dựng theo tiêu chuẩn cao, dễ dàng chuyển đổi sang mục đích quân sự khi cần, đảm bảo khả năng cơ động, hậu cần cho lực lượng quốc phòng.

Củng cố thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân với nguồn lực

lớn hơn và cơ chế quản lý tốt hơn, Thành phố Bắc Ninh sẽ có điều kiện chăm lo tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người dân; đời sống ổn định, người dân tin tưởng vào chính quyền sẽ tạo nên “thế trận lòng dân” vững chắc, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ngay từ cơ sở.

Với năng lực quản lý đô thị hiện đại và nguồn lực lớn, thành phố Bắc Ninh sẽ nâng cao vị thế, có khả năng ứng phó tốt hơn với các thách thức an ninh phi truyền thống như thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, khủng hoảng kinh tế, đảm bảo sự ổn định chung cho vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Thủ đô Hà Nội cả nước.

e) Thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương đáp ứng đủ tiêu chuẩn của thành phố theo quy định

Căn cứ quy định về tiêu chuẩn thành phố trực thuộc Trung ương tại Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; trên cơ sở nghiên cứu, phân tích, dự báo về mật độ dân số, kinh tế phát triển theo hướng đô thị hóa, hạ tầng được xây dựng ngày càng đồng bộ và hiện đại, tỉnh Bắc Ninh nhận thấy có đủ điều kiện tiêu chuẩn trở thành thành phố trực thuộc Trung ương năm 2026 (*Chi tiết tại phần đánh giá tiêu chuẩn tại Đề án*).

g) Dự báo, đánh giá thuận lợi, khó khăn sau khi Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương

(1) Các yếu tố thuận lợi: Vị thế mới giúp Bắc Ninh nâng cao uy tín quốc tế, trở thành điểm đến ưu tiên hàng đầu của dòng vốn FDI công nghệ cao (bán dẫn, vi mạch,...) và các quỹ đầu tư bảo hiểm lớn toàn cầu; Thành phố sẽ được áp dụng các cơ chế quản lý tài chính, ngân sách, quy hoạch đất đai tự chủ và linh hoạt hơn, tạo dư địa lớn để tái đầu tư cho hạ tầng và an sinh xã hội. (2) Những khó khăn, thách thức cốt lõi: Dân số cơ học tăng nhanh từ dòng dịch chuyển lao động đặt ra bài toán cần giải quyết về các thiết chế xã hội (*trường học, bệnh viện, giao thông,...*) an ninh trật tự và nhu cầu lớn về nhà ở xã hội cho lao động nhập cư; bộ máy chính quyền từ cấp tỉnh đến cơ sở phải chuyển đổi tư duy từ “quản lý hành chính nông thôn” sang “quản trị đô thị hiện đại”, đòi hỏi sự thay đổi toàn diện về trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ. (3) Giải pháp gắn kết giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh: Tích hợp sẵn phương án động viên quốc phòng, sẵn sàng chuyển trạng thái khi có tình huống an ninh xảy ra; xây dựng lực lượng tác chiến mạng tinh nhuệ để bảo vệ tuyệt đối an toàn thông tin. (4) Đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, có toàn bộ hoạt động an toàn trên môi trường số, có mô hình hoạt động được thiết kế lại và vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số để có khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng hơn, đưa ra quyết định kịp thời hơn, ban hành chính sách tốt hơn, sử dụng nguồn lực tối ưu hơn, kiến tạo phát triển, dẫn dắt chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh, giải quyết hiệu quả những vấn đề lớn trong phát triển và quản lý kinh tế - xã hội. (5) Tăng cường kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực bằng cách công khai, minh bạch quy trình sắp xếp, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ; kiên quyết loại bỏ hiện tượng chạy chức, chạy quyền, “lợi ích nhóm” trong công tác nhân sự; đẩy

mạnh thanh tra công vụ đột xuất, áp dụng chế độ trách nhiệm liên đới của người đứng đầu nếu để xảy ra tình trạng cán bộ, công chức vi phạm;...

Như vậy, từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên thì việc thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương không chỉ là yêu cầu phát triển của địa phương mà còn là yêu cầu khách quan trong tái cấu trúc không gian phát triển quốc gia.

PHẦN THỨ HAI

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH, HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, ĐÔ THỊ CỦA TỈNH BẮC NINH VÀ ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP THÀNH PHỐ

Mục I

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH, HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ ĐÔ THỊ CỦA TỈNH BẮC NINH

A- LỊCH SỬ HÌNH THÀNH TỈNH BẮC NINH

Tỉnh Bắc Ninh có lịch sử hình thành lâu đời gắn liền với nền Văn minh sông Hồng. Luy Lâu từng là trung tâm tôn giáo cổ xưa nhất của Việt Nam, ngoài ra từng là trị sở Giao Chỉ. Từ hàng nghìn năm trước người Việt cổ đã cư trú và lập làng ở ven sông Cầu, sông Dâu, sông Đuống, sông Ngũ Huyện Khê, sông Tiêu Vương, sống chủ yếu bằng canh tác nông nghiệp kết hợp làm nghề thủ công. Hàng loạt di vật như trống đồng, dao găm, rìu, giáo, tấm che ngực, mảnh giáp bằng đồng với những hoa văn độc đáo được tìm thấy ở các di tích Lãng Ngâm, Đại Trạch, Quả Cảm, Đại Lai mảnh khuôn đúc trống đồng trong thành cổ Luy Lâu đã chứng tỏ người xứ Bắc rất tinh xảo trong nghề đúc đồng, chế tác các đồ trang sức, làm gốm. Những giá trị tinh thần, tư tưởng được phản ánh qua các huyền thoại ông Đùng, bà Đùng, ông khổng lồ cắn nát núi, hút sạch rừng, băng ngang lũ; về Kinh Dương Vương, Lạc Long Quân, Âu Cơ. Cùng với huyền thoại truyền thuyết là các di tích tiêu biểu như lăng mộ Kinh Dương vương, đền thờ Lạc Long Quân, Âu Cơ ở Thuận Thành.

Thời kỳ Hồng Bàng, nước Văn Lang được chia làm 15 bộ, bộ Vũ Ninh là vùng lãnh thổ thuộc phần lớn tỉnh Bắc Ninh hiện nay. Trong thời Bắc thuộc, Giao Chỉ gồm có 10 huyện trong đó có huyện Luy Lâu. Luy Lâu đã từng là đô thị lớn, là trung tâm thương mại trong suốt thời kỳ dài từ cuối thế kỷ thứ II đến thế kỷ IX, X. Xung quanh Luy Lâu là các làng nông nghiệp, làng thủ công, làng buôn bán phát triển. Tại đây, tư tưởng Nho giáo và văn hoá Hán Đường đã được truyền bá liên tục vào Việt Nam. Trung tâm Luy Lâu là nơi đầu tiên có trường dạy chữ và văn hoá Hán ở Việt Nam. Ngoài ra Luy Lâu còn là trung tâm Phật giáo lớn và cổ xưa nhất của người Việt. Hệ thống di tích, chùa tháp quần tụ đậm đặc ở đây với trung tâm là chùa Dâu cùng nhiều nguồn di vật, tài liệu như tượng pháp, bia ký, bản khắc Cổ Châu Pháp Vân và lễ hội chùa Dâu - lễ hội Phật giáo lớn nhất trong đồng bằng Bắc Bộ với các nghi lễ Tân Phật, rước Tứ Pháp, rước nước chứng tỏ Luy Lâu là tổ đình của Phật giáo Việt Nam. Luy Lâu là không gian điển hình đan xen, hỗn dung tiếp xúc, biến đổi hội tụ và kết tinh văn hoá Việt Nam cổ với văn hoá Phật - Ấn, Nam Á và Trung Á, văn hoá Nho Lão (Trung Hoa - Đông Á) để rồi sinh thành bản sắc văn hoá Kinh Việt. Đến thời Ngô Quyền, Giao Châu gồm các vùng phía nam sông Hồng và sông Đuống, thuộc Hà Nội, Bắc Ninh, một phần Hưng Yên.

Thời loạn 12 sứ quân, địa bàn Bắc Ninh là nơi chiếm đóng của 2 sứ quân Nguyễn Thủ Tiệp và Lý Khuê với các căn cứ ở Tiên Du và Thuận Thành. Các vua thời Lý lập Phủ Thiên Đức (vốn là châu Cổ Pháp). Bắc Ninh là đất phát tích nhà Lý - triều đại khai mở ra nền văn minh Đại Việt gắn liền với tên tuổi của những nhân vật lịch sử - văn hoá kiệt xuất như: Lý Công Uẩn, Lý Nhân Tông, Lê Văn Thịnh. Đây là nơi vang vọng bài thơ Nam quốc sơn hà - Bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc Việt Nam.

Cuối thời Trần, cả nước có 24 đơn vị hành chính. Lộ Bắc Giang bao trùm Bắc Ninh và một phần Hà Nội ngày nay, gồm có 3 châu, lộ trực tiếp quản lý 2 huyện Siêu Loại và Gia Lâm. Châu Gia Lâm gồm 3 huyện: An Định, Tế Giang, Thiện Tài. Châu Vũ Ninh gồm: Tiên Du, Vũ Ninh, Đông Ngàn (Từ Sơn và một phần Sóc Sơn thuộc Hà Nội hiện nay), Từ Sơn (Quế Võ hiện nay), Yên Phong (Yên Phong hiện nay). Châu Bắc Giang gồm 3 huyện Tân Phúc (Đa Phúc cũ, một phần Sóc Sơn hiện nay), Phất Thệ (Hiệp Hòa thuộc Bắc Giang hiện nay), Yên Việt (Việt Yên hiện nay).

Năm 1490, vua Lê Thánh Tông cho định lại bản đồ cả nước, gồm 13 (đạo) xứ thừa tuyên. Vùng đất Bắc Ninh thuộc trấn (xứ) Kinh Bắc.

Thời Minh Mạng, cả nước được chia thành 31 đơn vị hành chính: phủ Thừa Thiên là trung tâm, các trấn (tên đơn vị hành chính thời Hậu Lê và Tây Sơn) được đổi thành 30 tỉnh. Việc lập các tỉnh được thực hiện trong 2 đợt. Đợt đầu tiên vào năm 1831, Minh Mạng thực hiện chia các trấn phía bắc làm 18 tỉnh, Tỉnh Bắc Ninh được thành lập.

Bắc Ninh là cửa ngõ của cổ đô Thăng Long, là vùng đất trung chuyển giữa kinh đô xưa với miền địa đầu giáp ranh Trung Quốc. Do có đường quốc lộ lên ải Bắc chạy qua, nên vị trí quân sự của Bắc Ninh cực kỳ hệ trọng. Chính vì thế, mùa xuân 1884, Pháp đánh thành Bắc Ninh thống trị và bảo hộ Việt Nam.

Năm 1895, tách phủ Lạng Giang ra lập tỉnh Bắc Giang. Năm 1903, tách các huyện Đông Anh, Kim Anh, Đa Phúc nhập vào tỉnh Vĩnh Yên (từ năm 1977, 02 huyện Kim Anh và Đa Phúc hợp nhất thành huyện Sóc Sơn). Năm 1947, huyện Văn Giang của Bắc Ninh được tách sang tỉnh Hưng Yên. Ngày 28 tháng 11 năm 1948, huyện Gia Lâm sáp nhập vào tỉnh Hưng Yên nhưng đến ngày 07 tháng 11 năm 1949 lại sáp nhập trở lại tỉnh Bắc Ninh.

Ngày 20 tháng 4 năm 1961, Quốc hội ban hành nghị quyết về việc mở rộng thành phố Hà Nội. Theo đó, tách toàn bộ huyện Gia Lâm gồm 15 xã: Giang Biên, Phúc Lợi, Thạch Bàn, Cự Khối, Trung Thành, Tiền Phong, Quyết Tiến, Quyết Thắng, Toàn Thắng, Quyết Chiến, Tân Hưng, Đại Hưng, Thừa Thiên, Quang Minh, Kim Lan) nhập vào thành phố Hà Nội.

Ngày 31 tháng 5 năm 1961, tách thị trấn Yên Viên và 5 xã: Dương Hà, Đình Xuyên, Ninh Hiệp, Quang Trung, Tiền Phong thuộc huyện Từ Sơn; 2 xã Phù Đổng, Trung Hưng thuộc huyện Tiên Du; 2 xã Đức Thắng, Chiến Thắng thuộc huyện Thuận Thành để nhập vào huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Cùng

với đó, tách 5 xã Liên Hà, Vân Hà, Dục Tú, Đông Hội, Mai Lâm của huyện Từ Sơn nhập vào huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Ngày 27 tháng 10 năm 1962, tỉnh Bắc Giang hợp nhất với tỉnh Bắc Ninh thành tỉnh Hà Bắc. Khi hợp nhất, tỉnh Hà Bắc ban đầu gồm 2 thị xã: Thị xã Bắc Giang (tỉnh lỵ), thị xã Bắc Ninh và 16 huyện: Gia Lương, Hiệp Hòa, Lạng Giang, Lục Nam, Lục Ngạn, Quế Dương, Sơn Động, Tân Yên, Thuận Thành, Tiên Du, Từ Sơn, Việt Yên, Võ Giàng, Yên Dũng, Yên Phong, Yên Thế.

Năm 1962, hợp nhất 02 huyện Quế Dương và Võ Giàng thành huyện Quế Võ. Ngày 14 tháng 4 năm 1963, hợp nhất 2 huyện Tiên Du và Từ Sơn thành huyện Tiên Sơn.

Ngày 01 tháng 01 năm 1997, theo Nghị quyết của Quốc hội khoá IX, kỳ họp thứ 10, ngày 06 tháng 11 năm 1996. Tách thị xã Bắc Giang và 09 huyện: Hiệp Hòa, Lạng Giang, Lục Nam, Lục Ngạn, Sơn Động, Tân Yên, Việt Yên, Yên Dũng, Yên Thế để thành lập tỉnh Bắc Giang. Khi đó, tỉnh Bắc Ninh còn lại 06 đơn vị hành chính gồm thị xã Bắc Ninh (tỉnh lỵ) và 05 huyện Gia Lương, Quế Võ, Thuận Thành, Tiên Sơn, Yên Phong. Ngày 09 tháng 8 năm 1999, chia huyện Tiên Sơn thành hai huyện Tiên Du và Từ Sơn; chia huyện Gia Lương thành 2 huyện Gia Bình và Lương Tài.

Ngày 25 tháng 01 năm 2006, chuyển thị xã Bắc Ninh thành thành phố Bắc Ninh. Ngày 24 tháng 9 năm 2008, chuyển huyện Từ Sơn thành thị xã Từ Sơn. Ngày 25 tháng 6 năm 2014, thành phố Bắc Ninh được công nhận là đô thị loại II và đến ngày 25 tháng 12 năm 2017 được công nhận là đô thị loại I trực thuộc tỉnh Bắc Ninh. Ngày 01 tháng 11 năm 2021, chuyển thị xã Từ Sơn thành thành phố Từ Sơn. Ngày 10 tháng 4 năm 2023, chuyển hai huyện Thuận Thành và Quế Võ thành hai thị xã có tên tương ứng; tỉnh Bắc Ninh có 02 thành phố, 02 thị xã, 04 huyện.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh (nghị quyết có hiệu lực ngày thông qua và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2025). Theo đó, hợp nhất tỉnh Bắc Giang và tỉnh Bắc Ninh cũ thành một đơn vị hành chính mới với tên gọi tỉnh Bắc Ninh. Sau khi hợp nhất, tỉnh Bắc Ninh mới có 4.713,75 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 3.989.623 người.

Ngày 16 tháng 6 năm 2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1658/2025/UBTVQH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã thuộc tỉnh Bắc Ninh (Nghị quyết có hiệu lực từ ngày 16 tháng 06 năm 2025); theo đó, tỉnh Bắc Ninh được chia thành 99 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 33 phường và 66 xã.

B- KHÁI QUÁT CHUNG VỀ TỈNH BẮC NINH

I- VỀ VỊ TRÍ ĐỊA LÝ

Bắc Ninh là một tỉnh thuộc vùng Đồng bằng sông Hồng, trung tâm vùng thủ đô Hà Nội, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Bắc Ninh tương ứng với

xứ Kinh Bắc xưa, là cái nôi của dân ca Quan họ và các di sản ca trù, hát then, tín ngưỡng thờ Mẫu được ghi danh là di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại. Bắc Ninh cũng là một trong ba nơi sở hữu Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc đã được UNESCO được công nhận di sản thế giới.

Tỉnh Bắc Ninh nằm về phía Bắc của vùng Đồng bằng sông Hồng, cách trung tâm Thủ đô Hà Nội khoảng 50 km về phía Đông bắc, có vị trí địa lý:

Phía Bắc giáp tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Thái Nguyên;

Phía Tây giáp Thủ đô Hà Nội;

Phía Nam giáp thành phố Hải Phòng và tỉnh Hưng Yên;

Phía Đông giáp tỉnh Quảng Ninh.

II- ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Về địa hình

Tại khu vực Bắc Ninh (cũ) có địa hình trải dài từ đồng bằng đến trung du và là vùng chuyển tiếp giữa vùng núi phía bắc với châu thổ sông Hồng ở phía nam. Tuy phần lớn diện tích tự nhiên của tỉnh là núi đồi nhưng nhìn chung địa hình không bị chia cắt nhiều. Phía bắc và phía đông nam của tỉnh là vùng rừng núi cao từ 300m - 900m. Vùng đồi núi thấp và đồng bằng trung du nằm kẹp giữa hai dãy núi hình cánh cung là cánh cung Đông Triều ở phía đông nam và cánh cung Bắc Sơn ở phía tây - bắc. Cánh cung Đông Triều với dãy núi Yên Tử, cao trung bình 300m - 900m so với mặt biển, trong đó đỉnh cao nhất là 1.068m. Tại vùng núi phía đông bắc tỉnh, giáp với Quảng Ninh có khu rừng nguyên sinh Khe Rồ rộng 7153 ha với hệ động vật và thực vật phong phú, bao gồm 236 loài cây thân gỗ, 255 loài cây dược liệu, 37 loài thú, 73 loài chim và 18 loài bò sát.

Tại khu vực Bắc Giang (cũ) chủ yếu của địa hình miền núi (chiếm 72% diện tích toàn tỉnh) là chia cắt mạnh, phức tạp chênh lệch về độ cao lớn. Nhiều vùng đất đai còn tốt, đặc biệt ở khu vực còn rừng tự nhiên. Vùng đồi núi thấp có thể trồng được nhiều cây ăn quả, cây công nghiệp như vải thiều, cam, chanh, na, hồng, đậu tương, chè...; chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm, thủy sản. Đặc điểm chủ yếu của địa hình miền trung du (chiếm 28% diện tích toàn tỉnh) là đất gò, đồi xen lẫn đồng bằng rộng, hẹp tùy theo từng khu vực. Vùng trung du có khả năng trồng nhiều loại cây lương thực, thực phẩm, cây ăn quả, cây công nghiệp, chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm, cá và nhiều loại thủy sản khác.

2. Về thủy văn

Bắc Ninh có mạng lưới sông ngòi khá dày đặc, mật độ mạng lưới sông khá cao, trung bình 1 - 1,2 km/km², có 5 sông lớn chảy qua gồm sông Đuống, sông Cầu, sông Thái Bình, sông Thương, sông Lục Nam. Đây là 5/6 con sông của Lục Đầu Giang cùng với sông Kinh Thầy.

Sông Đuống có chiều dài 42 km nằm trên đất Bắc Ninh, tổng lượng nước bình quân 31,6 tỷ m³. Mức nước cao nhất tại bến Hồ tháng 8/1945 là 9,64 m, cao hơn so với mặt ruộng là 3m - 4m. Sông Đuống có hàm lượng phù sa cao, vào mùa mưa trung bình cứ 1 m³ nước có 2,8 kg phù sa.

Sông Cầu có chiều dài sông Cầu là 290 km với đoạn hữu ngạn chảy qua tỉnh Bắc Ninh dài 70 km, lưu lượng nước hàng năm khoảng 5 tỷ m³. Sông Cầu có mực nước trong mùa lũ cao từ 3 m - 6 m, cao nhất là 8 m, trên mặt ruộng 1 - 2 m, trong mùa cạn mức nước sông lại xuống quá thấp (0,5 - 0,8 m).

Sông Thái Bình thuộc vào loại sông lớn của miền Bắc có chiều dài 385 km, đoạn chảy qua tỉnh Bắc Ninh dài 17 km. Do phần lớn lưu vực sông bắt nguồn từ các vùng đồi trọc miền Đông Bắc, đất đai bị xói mòn nhiều nên nước sông rất đục, hàm lượng phù sa lớn. Do đặc điểm lòng sông rộng, ít dốc, đáy nông nên sông Thái Bình là một trong những sông bị bồi lấp nhiều nhất. Theo tài liệu thực đo thì mức nước lũ lụt lịch sử sông Thái Bình đo được tại Phả Lại năm 1971 đạt tới 7,21 m với lưu lượng lớn nhất tại Cát Khê là 5000 m³/s.

Sông Thương bắt nguồn từ hai vùng có địa hình và địa chất khác nhau nên nước chảy đôi dòng: bên đục, bên trong.

Sông Lục Nam chảy qua vùng núi đá vôi nên quanh năm nước trong xanh.

Ngoài ra trên địa bàn tỉnh còn có các hệ thống sông ngòi nội địa như sông Ngũ huyện Khê, sông Ngụ, sông Dâu, sông Đông Côi, sông Bùi, ngòi Tào Khê, sông Đồng Khởi, sông Đại Quảng Bình. Bắc Ninh cũng có nhiều hồ, đầm, trong đó có hồ Cẩm Sơn và Khuôn Thần. Hồ Cẩm Sơn nằm ở khu vực giáp tỉnh Lạng Sơn, dài 30 km, nơi rộng nhất 07 km và chỗ hẹp nhất 200m. Hồ Cẩm Sơn có diện tích mặt nước 2.600 ha, vào mùa mưa có thể lên tới 3.000 ha. Hồ Khuôn Thần có diện tích mặt nước 240 ha và lòng hồ có 5 đồi đảo được phủ kín bởi rừng thông 20 tuổi. Người ta có thể dạo chơi trên hồ Khuôn Thần bằng thuyền đạp chân hoặc thuyền gắn máy, vừa cùng người Sán Chỉ, Cao Lan, Nùng bản địa hát soong hao, vừa thưởng thức những sản phẩm độc đáo của địa phương như hạt dẻ, mật ong và rượu tắc kè.

Với hệ thống sông này, việc khai thác trị thủy và điều tiết nước sẽ đóng vai trò quan trọng trong hệ thống tiêu thoát nước của tỉnh. Trong khi đó tổng lưu lượng nước mặt của Bắc Ninh ước khoảng 177,5 tỷ m³, trong đó lượng nước chủ yếu chứa trong các sông là 176 tỷ m³; được đánh giá là khá dồi dào. Cùng với kết quả thăm dò địa chất cho thấy trữ lượng nước ngầm cũng khá lớn, trung bình 400.000 m³/ngày, tầng chứa nước cách mặt đất trung bình 3 - 5 m và có bề dày khoảng 40 m, chất lượng nước tốt. Toàn bộ nguồn nước này có thể khai thác để phục vụ chung cho cả sản xuất và sinh hoạt trong toàn tỉnh, trong đó có các hoạt động của đô thị.

3. Về khí hậu

Bắc Ninh nằm trong vùng khí hậu cận nhiệt đới ẩm, chia làm 4 mùa rõ rệt (xuân, hạ, thu, đông). Có sự chênh lệch rõ ràng về nhiệt độ giữa mùa hè nóng

ẩm và mùa đông khô lạnh, sự chênh lệch đạt 15 - 16 °C. Mùa Đông có khí hậu khô, lạnh; mùa Hè khí hậu nóng, ẩm; mùa Xuân và mùa Thu khí hậu ôn hòa. Lượng mưa hàng năm đủ đáp ứng nhu cầu nước cho sản xuất và đời sống. Lượng nắng trung bình hàng năm từ 1.500 - 1.700 giờ, thuận lợi cho canh tác, phát triển các cây trồng nhiệt đới. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 9 hàng năm. Lượng mưa trong mùa này chiếm 80% tổng lượng mưa cả năm. Lượng mưa trung bình hàng năm 1.400 - 1.700 mm. Nhiệt độ trung bình 23,3 °C. Số giờ nắng trong năm 1.530 - 1.776 giờ. Độ ẩm tương đối trung bình 79%.

4. Về tài nguyên khoáng sản

Tài nguyên rừng không lớn, chủ yếu là rừng trồng. Tổng diện tích đất rừng là 661,26 ha phân bố tập trung ở Lục Ngạn, Sơn Động. Tổng trữ lượng gỗ ước tính 3.279 m³, trong đó rừng phòng hộ 363 m³, rừng đặc dụng 2916 m³.

Khu vực Bắc Giang cũ hiện có khoảng 146.435,4 ha, trong đó, diện tích rừng đặc dụng là 14.093,3 ha, chiếm 9,6%; rừng phòng hộ có 18.879,9 ha, chiếm 12,9%; rừng sản xuất 113.462,2 ha, chiếm 77,5% tổng diện tích đất lâm nghiệp. Rừng ở Bắc Giang có vai trò cực kỳ quan trọng trong việc phòng, chống xói mòn, rửa trôi, ngăn lũ ống, lũ quét và có vai trò phòng hộ đầu nguồn bảo vệ vùng hạ du đồng bằng Bắc Bộ. Bắc Giang cũng có tài nguyên khá phong phú về khoáng sản với các loại: Than, kim loại, khoáng chất, khoáng sản, vật liệu xây dựng.

Khu vực Bắc Ninh nghèo về tài nguyên khoáng sản, chủ yếu chỉ có vật liệu xây dựng như: Đất sét làm gạch, ngói, gốm, với trữ lượng khoảng 04 triệu tấn ở Quế Võ và Tiên Du, đất sét làm gạch chịu lửa ở thành phố Bắc Ninh, đá cát kết với trữ lượng khoảng 1 triệu tấn ở Thị Cầu - Bắc Ninh, đá sa thạch ở Vũ Ninh - Bắc Ninh có trữ lượng khoảng 300.000 m³. Ngoài ra, còn có than bùn ở Yên Phong với trữ lượng 60.000 - 200.000 tấn.

III- DÂN SỐ, LAO ĐỘNG VÀ ĐẶC TRƯNG VĂN HÓA

1. Dân số, lao động và thành phần dân cư

a) Về dân số

Năm 2025 sau sáp nhập tỉnh, dân số Bắc Ninh là 3.989.623 người, đứng thứ 14/34 tỉnh, thành phố; trong đó quy mô dân số đô thị trong khu vực nội thành, nội thị theo phạm vi được xác nhận tại Quyết định công nhận loại đô thị trên địa bàn tỉnh hiện nay là 2.431.887 người, tỷ lệ đô thị hóa 60,96%; dân số nông thôn 1.557.736 người, tỷ lệ 39,04%; với mật độ dân số 767 người/km².

b) Về lao động

Bắc Ninh có lực lượng lao động là 1,86 triệu người, chiếm 46,7% tổng dân số, tăng 2,2% so với năm 2024; trong đó:

- Lao động công nghiệp - xây dựng là 924,9 ngàn người, chiếm 51,4%;
- Lao động thương mại - dịch vụ là 579,4 ngàn người, 32,2%;
- Lao động nông nghiệp là 295,8 ngàn người, chiếm 16,4%.

c) Thành phần dân cư và tôn giáo

- Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 45 thành phần dân tộc, trong đó có 07 dân tộc thiểu số có dân số đông, sinh sống thành cộng đồng (Nùng 97.876 người, Tày 57.224 người, Sán Dìu 33.135 người, Hoa 22.960 người, Cao Lan 19.021 người, Sán Chí 12.495 người, Dao 12.271 người), còn lại trên 2.200 người thuộc 29 dân tộc thiểu số (DTTS) khác. Có 04 huyện đông người DTTS, gồm: Sơn Động 45.338 người, Lục Ngạn 122.294 người, Lục Nam 35.972 người, Yên Thế 36.054 người.

- Cũng giống như phần lớn các tỉnh khác tại Miền Bắc Việt Nam, Bắc Ninh có đại đa số cư dân "không tôn giáo". Theo thống kê năm 2019, số người theo có tôn giáo tại tỉnh Bắc Ninh là 43.573 người, tức chiếm 3,7% tổng dân số của tỉnh. Hiện nay, Bắc Ninh có 07 tôn giáo hoạt động là Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hồi giáo, Minh Lý đạo, Phật giáo Hòa Hảo và Cao Đài. Bắc Ninh có 40 xứ đạo Công giáo hoạt động và tất cả các hoạt động Công giáo ở Bắc Ninh đều do Toà Giám mục Giáo phận Bắc Ninh chỉ đạo.

2. Về lễ hội truyền thống

Hàng năm, trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh diễn ra hơn 1.319 lễ hội lớn nhỏ khác nhau. Một số lễ hội tiêu biểu được liệt kê dưới đây (theo Âm lịch):

Lễ hội Kinh Dương Vương - Lạc Long Quân và Âu Cơ (Tổ dân phố Á Lữ, phường Thuận Thành) được tổ chức vào ngày 16-17-18 tháng Giêng, nơi thờ Thủy Tổ người Việt, ông nội vua Hùng.

Hội chùa Tổ (Thôn Vạn Ty, xã Nhân Thắng). Đây là quê hương của Huyện Quang (Lý Đạo Tái) một trong ba vị sáng lập thiền phái Trúc Lâm đời Trần. Lễ hội diễn ra từ 18-21 tháng 2 Âm lịch hàng năm.

Lễ hội làng Đại Lâm (xã Tam Đa) được tổ chức vào 24-25-26 tháng Giêng, Hội có môn bơi chải kỷ niệm chiến thắng sông Như Nguyệt.

Lễ hội Lim ở xã Tiên Du, được tổ chức vào 11 - 13 tháng giêng; Lễ hội làng Tam Tảo (xã Tiên Du) được tổ chức vào mùng 10 tháng 2 hằng năm.

Lễ hội Đền Bà Chúa Kho (thuộc phường Vũ Ninh ngay bên bờ hữu ngạn sông Cầu), khai hội vào ngày 14 tháng Giêng nhằm tưởng niệm ngày giỗ Bà.

Lễ hội chùa Phật Tích (chùa nằm trên đồi Phật Tích hay còn gọi là núi Lạn Kha, Rìu Mực) thuộc xã Phật Tích, lễ hội từ mùng 3 đến mùng 5 Tết.

Lễ hội làng Kim Chân (làng Tiên sĩ) thuộc phường Vũ Ninh, được tổ chức vào ngày 26 đến 28 tháng 2 hằng năm.

Lễ hội Đền Đô (phường Từ Sơn) để kỷ niệm ngày đăng quang của vua Lý Thái Tổ - 15 tháng 3 năm Canh Tuất 1010 và tưởng niệm các vị vua nhà Lý.

Lễ hội chùa Bút Tháp (chùa Tháp) ngày 22 - 24 tháng 3 Âm lịch ở tổ dân phố Bút Tháp, phường Trí Quả.

Lễ hội Thập Đình ngày 5 - 7 tháng 2 âm lịch (10 làng thuộc hội Thập đình gồm: Bảo Tháp, Cứu Sơn, Yên Việt, Hiệp Sơn, Đông Cao (xã Đông Cứu), Hương Vinh (xã Gia Bình), Chi Nhị, Huề Đông, Địch Chung (xã Đại Lai) và tổ dân phố Vân Xá (phường Bồng Lai)) để kỷ niệm trạng nguyên đầu tiên của Việt Nam tức Thái sư Lê Văn Thịnh và Doãn Công (Cao Doãn Công), chính hội được tổ chức ở Đình Cả tại thôn Bảo Tháp, xã Đông Cứu.

Lễ hội Cao Lỗ Vương ngày 10 - tháng 3 ở làng Tiểu Than (làng Dựng) và làng Đại Than (làng Lớ) ở xã Cao Đức; Lễ hội Đồng Kỵ (phường Đồng Nguyên) ngày 4 - tháng Giêng.

Lễ hội Khám (chùa Linh Ứng, phố Khám, phường Thuận Thành) ngày 7 tháng 4 âm lịch; Lễ hội Chùa Dâu ngày 8 tháng 4 Âm lịch. Chùa tọa lạc ngay cạnh Quốc lộ 17 thuộc tổ dân phố Khương Tự, phường Trí Quả.

Lễ hội truyền thống làng Vĩnh Kiều thuộc phường Đồng Nguyên; Lễ hội kéo co khu phố Hữu Chấp, phường Kinh Bắc - Ngày mùng 4 tháng Giêng.

Lễ hội truyền thống chùa Thượng Phúc thuộc khu phố Cung Kiệm, phường Nhân Hòa, ngày 10 tháng 2 Âm lịch hằng năm. Nơi đặt tượng "Quan Thế Âm" - Bảo vật quốc gia được khắc từ năm 1449.

Lễ hội Xương Giang: Ngày 06, 07 tháng Giêng hằng năm; Lễ hội Yên Thế: Ngày 16 tháng Ba Dương lịch; Lễ hội Tiên Lục: Ngày 09 tháng Giêng các năm nhuận; Lễ hội đền Từ Hà: Ngày 07, 08 tháng Giêng; Lễ hội Cầu Vòng: Ngày 15, 16, 17 tháng Giêng; Lễ hội Thổ Hà: Ngày 21, 22 tháng Giêng;

Lễ hội chùa Vĩnh Nghiêm: Ngày 13, 14, 15 tháng 02 Âm lịch; Lễ hội Bồ Đà: Ngày 17, 18 tháng 02 âm lịch; Lễ hội đình Đình Thép: Ngày 06 tháng 3 Âm lịch; Lễ hội Suối Mỡ: Ngày 30 tháng 3 và ngày 01 tháng 4 Âm lịch.

3. Về di tích, di sản văn hóa

Bắc Ninh có khoảng 1600 di tích lịch sử văn hoá, trong đó có 651 di tích được xếp hạng (trong đó có 204 di tích xếp hạng cấp Quốc gia, 04 di tích Quốc gia đặc biệt, 443 di tích xếp hạng cấp tỉnh), 24 bảo vật quốc gia. Là tỉnh có nhiều di tích cấp quốc gia chỉ sau thành phố Hà Nội. Điều đặc biệt ở Bắc Ninh là tín ngưỡng thờ Thánh Tam Giang rất phổ biến với vài trăm làng thờ, tập trung nhiều ở các làng quan họ ven sông Cầu.

Bắc Ninh có chùa Vĩnh Nghiêm, Chùa Bồ Đà, Khu di tích và danh thắng Tây Yên Tử nằm trong Quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn, Kiếp Bạc đã được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới. Di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu nhất ở Bắc Ninh là dân ca Quan họ Bắc Ninh đã được Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc xếp vào Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể nhân loại.

4. Về làng nghề truyền thống

Bắc Ninh với nhiều làng nghề truyền thống có tuổi đời hàng trăm năm, đã làm ra những sản phẩm thủ công tinh xảo, độc đáo. Hiện nay, Bắc Ninh có 62

làng có nghề; trong đó: 30 làng nghề đã được cấp bằng công nhận gồm 21 làng nghề truyền thống, 09 làng nghề mới, 32 làng có nghề. Các làng nghề chủ yếu trong các lĩnh vực như đồ gỗ mỹ nghệ xuất khẩu, sản xuất giấy, gốm, sắt, thép tái chế, đúc đồng. Các làng nghề đã góp phần rất lớn trong việc giải quyết công ăn việc làm cho nhân dân trong tỉnh (trên 72.000 lao động thường xuyên và trên 10.000 lao động thời vụ).

IV- DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN VÀ CƠ CẤU HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

Theo số liệu thống kê, tính đến ngày 31/12/2025, tổng diện tích tự nhiên của tỉnh Bắc Ninh là 4.713,75 km² (471.375 ha); trong đó:

Đất nông nghiệp là 340.959 ha, chiếm tỷ lệ 72,33%;

Đất phi nông nghiệp là 128.865 ha, chiếm tỷ lệ 27,34%;

Đất chưa sử dụng là 1.551 ha, chiếm tỷ lệ 0,33%.

C- HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HỆ THỐNG HẠ TẦNG ĐÔ THỊ CỦA TỈNH BẮC NINH

Quá trình hình thành và phát triển, tỉnh Bắc Ninh luôn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của Trung ương, thể hiện tại Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030, Quy hoạch tổng thể quốc gia, Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng giai đoạn 2021 - 2030 và các Nghị quyết liên quan đến phát triển Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ. Các văn kiện đều xác định Bắc Ninh là trung tâm công nghiệp, dịch vụ, du lịch quốc gia; là đầu mối giao thông chiến lược với đầy đủ các loại hình đường bộ, đường thủy, đường sắt và hàng không. Trên cơ sở đó, tỉnh đã hình thành chuỗi đô thị liên hoàn từ Từ Sơn - Kinh Bắc - Bắc Giang tạo thành trục đô thị động lực có vai trò quốc gia. Nhiều chỉ tiêu về tỷ lệ đô thị hóa, dân số khu vực đô thị, hạ tầng kỹ thuật, dịch vụ đô thị, không gian kiến trúc cảnh quan cơ bản đã đạt tiêu chí đô thị loại I. Trong nhiều năm liên tiếp, tỉnh Bắc Ninh luôn đứng trong nhóm đầu cả nước về tăng trưởng GRDP, thu ngân sách, chất lượng điều hành kinh tế, chuyển đổi số và cải cách hành chính. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh sang công nghiệp, dịch vụ và du lịch chất lượng cao; tỷ trọng nông nghiệp giảm còn mức rất thấp. Hệ thống hạ tầng giao thông hiện đại, mang tính kết nối vùng và quốc tế, bao gồm: Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, Trung tâm logistics Quốc tế Bắc Giang, ICD Tân Cảng - Quế Võ, Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, đường cao tốc chạy xuyên tỉnh, các khu công nghiệp - khu kinh tế quy mô lớn và các khu di tích lịch sử, du lịch quốc gia.

Năm 2025 là năm toàn quốc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp. Dù gặp nhiều khó khăn, thách thức song dưới sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh và chung sức, đồng thuận của các tầng lớp Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, tỉnh Bắc Ninh đã đạt được kết quả ấn tượng, toàn diện trên các lĩnh vực. Đặc biệt, tỉnh đã khởi công dự án Cảng hàng không quốc tế Gia Bình,

là một trong 80 công trình trọng điểm được khởi công, khánh thành nhân kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9 (1945 - 2025). Ngoài dự án trên, trong năm, tỉnh khởi công, khánh thành nhiều công trình lớn, quan trọng. Một số công trình tiêu biểu đã khánh thành như: Đường nối quốc lộ 37- quốc lộ 17-Võ Nhai (Thái Nguyên); đường và cầu Hà Bắc 2 nối tuyến nhánh 2, đường vành đai IV với Khu công nghiệp Yên Phong và quốc lộ 18; Trung tâm Văn hóa -Triển lãm tỉnh; Tòa nhà Liên cơ quan mới; mở rộng Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Bắc Ninh... Có 4 dự án quy mô lớn khởi công ngày 19/12 chào mừng Đại hội toàn quốc lần thứ XIV của Đảng gồm: Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Quế Võ II - giai đoạn 2; xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Phúc Sơn; đầu tư xây dựng nhà ở xã hội tại Khu đô thị và dịch vụ VSIP Bắc Ninh và dự án Khu nhà ở xã hội tại phường Nénh.

I- HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Tăng trưởng kinh tế

Động lực tăng trưởng kinh tế tỉnh năm 2025 vẫn là công nghiệp chế biến chế tạo, các hoạt động kinh tế khác ổn định duy trì mức tăng trưởng trung bình của các năm. Kết quả tăng trưởng GRDP đạt 10,27%, đứng thứ 5 cả nước. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,39%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 11,51%; khu vực dịch vụ tăng 7,56%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 6,62%.

Khu vực công nghiệp - xây dựng tiếp tục là khu vực kinh tế có tốc độ tăng trưởng và tỷ lệ đóng góp cao nhất vào mức tăng trưởng chung của nền kinh tế (đóng góp 8,52 điểm phần trăm), đây là khu vực chính dẫn dắt tốc độ tăng trưởng nền kinh tế của tỉnh; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm nay gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng bởi cơn bão số 10 và 11, nhưng sản lượng sản thiêu lại tăng đột biến kéo tăng trưởng của khu vực I lên mức rất cao (đóng góp 0,25 điểm phần trăm vào mức tăng chung); khu vực dịch vụ duy trì mức tăng trưởng khá (đóng góp 1,3 điểm phần trăm vào mức tăng chung).

2. Cơ cấu kinh tế

Cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng giảm tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản; tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, xây dựng. Tuy nhiên tỷ trọng đóng góp của khu vực dịch vụ chưa tương xứng với mức tăng của khu vực công nghiệp và chưa đạt được cơ cấu kinh tế hiện đại.

Công nghiệp - xây dựng có mức tăng trưởng cao, ước cả năm tăng 11,51%; đóng góp 8,52 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Riêng công nghiệp ước tăng 12,33%; đóng góp 8,61 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với tốc độ tăng 12,45%, đóng góp chủ yếu vào mức tăng trưởng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 2,46%; ngành cung cấp nước và hoạt động xử lý, quản lý nước thải, rác thải tăng 24,31%; ngành khai khoáng giảm 12,17% so với cùng kỳ. Ngành xây dựng có một năm gặp khó khăn khi giải ngân vốn đầu tư công chậm, nhu cầu xây dựng

nhà ở trong dân cư thấp, các công trình dân dụng và chuyên dụng chậm được triển khai, tốc độ sụt giảm 1,93 % so với cùng kỳ.

Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh khởi sắc và có tốc độ tăng cao ở nhiều ngành. Đóng góp của một số ngành dịch vụ có tỷ trọng lớn vào giá trị tăng thêm như: Bán buôn và bán lẻ tăng 8,9% so với năm 2024; ngành vận tải, kho bãi tăng 7,8%; hoạt động kinh doanh bất động sản tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2024.

3. Kết quả đạt được trên một số ngành, lĩnh vực

a) Sản xuất công nghiệp

Năm 2025, sản xuất công nghiệp tiếp tục phát huy tốt vai trò động lực tăng trưởng cho kinh tế của tỉnh, đặc biệt là ngành công nghiệp chế biến chế tạo. Chỉ số sản xuất công nghiệp cả năm 2025 tăng khá cao 17,09% so với cùng kỳ, trong đó ngành công nghiệp trọng điểm sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 27,12% đóng góp chính vào tốc độ tăng chung của ngành công nghiệp cũng như kinh tế của tỉnh.

- Về chỉ số sản xuất công nghiệp tăng cao 20,34%, trong đó: Ngành khai khoáng giảm 0,35%; ngành công nghiệp chế biến chế tạo ước tăng 20,62%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 18,76%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 33,17%.

- Một số sản phẩm chủ lực của tỉnh có mức tăng cao trong năm 2025 so với năm trước có thể kể đến như: Bánh quy đạt 55,5 nghìn tấn, tăng 19,6%; bia đóng chai đạt 5.938,8 nghìn lít, tăng 30,7%; hàng thêu dạng chiếc, dạng dải hoặc dạng theo mẫu đạt 2.675,2 nghìn m², tăng 34,4%; mạch tích hợp điện tử đạt 586,2 triệu chiếc, tăng 29,3%; máy tính xách tay, kể cả notebook và subnotebook đạt 15.268,9 nghìn cái, tăng 130,3%; điện thoại thông minh có giá >10 triệu đạt 12,1 triệu cái, tăng 33,2%; đồng hồ thông minh có giá từ 3 đến < 6 triệu đạt 18 triệu cái, tăng 38,3%; máy thu đổi và truyền hoặc tái tạo âm thanh, hình ảnh đạt 204,7 triệu cái, tăng 74,5%.

b) Thực hiện vốn đầu tư

Năm 2025, hoạt động triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn tỉnh đã có sự chuyển biến tích cực ở tất cả các thành phần kinh tế so với năm trước.

Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn tỉnh cả năm 2025 đạt 157.010 tỷ đồng, tăng 12,7% so với cùng kỳ. Trong đó, vốn Nhà nước đạt 20.414,9 tỷ đồng, tăng 8,5% so với năm trước do việc giải ngân nguồn vốn đầu tư công đã được cải thiện, cùng với đó là năng lực một số nhà thầu tăng hơn đã đáp ứng yêu cầu, công tác hoàn thiện hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, hồ sơ lựa chọn nhà thầu thi công có chuyển biến tích cực, đặc biệt là công tác giải phóng mặt bằng phục vụ thi công các dự án kéo dài đã được giải quyết nhanh.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đạt 84.896,5 tỷ đồng, tăng 16% so với năm

trước, nguyên nhân tăng là do một số doanh nghiệp FDI mới được cấp phép đã thực hiện giải ngân vốn đầu tư để đẩy nhanh tiến độ thi công các dây chuyền sản xuất, nhà xưởng, trụ sở quản lý nhằm sớm đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm chi phí.

c) Xây dựng

Năm 2025, giá các loại nguyên vật liệu đầu vào như gạch, cát, sỏi, xi măng, sắt thép tiếp tục biến động theo chiều hướng tăng và duy trì ở mức cao; chi phí nhân công ngành xây dựng cũng tăng cao. Tuy nhiên, nhu cầu nhà xưởng phục vụ sản xuất, nhà ở cho công nhân, nhà ở đô thị, công trình công cộng, vui chơi giải trí... vẫn ở mức cao đã góp phần duy trì hoạt động xây dựng trên địa bàn không giảm quá sâu so với cùng kỳ.

Giá trị sản xuất toàn ngành năm 2025 đạt 105,3% so với năm trước. Quy mô giá trị sản xuất (theo giá hiện hành) đạt 73.151,2 tỷ đồng. Theo loại hình sở hữu: khu vực doanh nghiệp nhà nước đạt 86,1 tỷ đồng; khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước đạt 40.285,5 tỷ đồng; khu vực FDI đạt 7.466,3 tỷ đồng; khu vực khác đạt 25.313,3 tỷ đồng. Theo loại công trình: công trình nhà ở đạt 26.415 tỷ đồng; công trình nhà không để ở đạt 22.516,4 tỷ đồng; công trình kỹ thuật dân dụng đạt 13.792,7; hoạt động xây dựng chuyên dụng đạt 10.427,1 tỷ đồng.

d) Tài chính, ngân hàng

- Thu, chi ngân sách Nhà nước: Thu ngân sách trên địa bàn tỉnh năm 2025 vẫn giữ đà tăng so với cùng kỳ, trong đó các sắc thuế quan trọng đều có mức tăng cao so với cùng kỳ như thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài:

Tổng thu ngân sách trên địa bàn tỉnh năm 2025 là 123.604,21 tỷ đồng. Tốc độ tăng năng suất lao động đạt 9%. Huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội 157.010 tỷ đồng. Thu hút vốn FDI 5,73 tỷ USD. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 181,11 tỷ USD; trong đó, xuất khẩu 93,27 tỷ USD, nhập khẩu 87,84 tỷ USD (Kế hoạch: Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu 144,3 tỷ USD; trong đó, xuất khẩu 78,7 tỷ USD; nhập khẩu 65,6 tỷ USD). Đón 6,3 triệu lượt khách du lịch. Tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn đạt 78,82%. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt 95,8% (Kế hoạch: 95,7%).

Tổng chi và cơ cấu chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh 120.627,71 tỷ đồng. Cụ thể các khoản chi như sau: Chi đầu tư phát triển đạt 94,3% dự toán; chi thường xuyên đạt bằng 115,6% dự toán trong chi thường xuyên ngân sách đảm bảo kinh phí cho các đơn vị, địa phương theo dự toán được giao, chi kịp thời, đầy đủ tiền lương và các khoản có tính chất lương, các chế độ, chính sách về an sinh xã hội và chi cho an ninh, quốc phòng,...

Tỉnh Bắc Ninh thuộc địa phương tự cân đối ngân sách, không nhận trợ cấp cân đối từ ngân sách Trung ương.

đ) Thương mại - dịch vụ

Năm 2025, hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh tiếp tục duy trì mức tăng trưởng; thị trường hàng hóa và giá cả tương đối ổn định, nguồn cung dồi dào, chủng loại đa dạng, phong phú, đáp ứng tốt nhu cầu tiêu dùng của người dân, không xảy ra hiện tượng khan hiếm hàng hóa kể cả trong các kỳ nghỉ lễ với thời gian nghỉ khá dài. Các hoạt động xúc tiến thương mại được đẩy mạnh như tổ chức các hoạt động: Hội chợ mùa thu, Lễ hội trái cây và Hội chợ nông sản, Livestream bán hàng trên các nền tảng số,...nhằm kích cầu tiêu dùng, quảng bá sản phẩm OCOP, làng nghề, nông sản địa phương tạo hiệu ứng mạnh mẽ, tác động tích cực đến hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh. Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 145.236,5 tỷ đồng, tăng 17,3% so với năm trước.

II- HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI

Năm 2025, công tác an sinh xã hội tiếp tục được chính quyền các cấp triển khai, quan tâm thực hiện, bảo đảm chính sách được triển khai toàn diện, bao trùm, bảo đảm quyền lợi cho nhân dân sau sắp xếp và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

1. Công tác an sinh xã hội

Công tác an sinh xã hội được tỉnh quan tâm chỉ đạo quyết liệt, triển khai đồng bộ các chính sách đối với người có công, hộ nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và người lao động bị ảnh hưởng bởi thiên tai, rủi ro. Các hoạt động hỗ trợ, thăm hỏi và chăm lo đời sống được thực hiện kịp thời, đúng đối tượng; nhiều chương trình an sinh được mở rộng, đặc biệt là hỗ trợ kịp thời với số tiền 90.203 triệu đồng và 62 tấn gạo để khắc phục hậu quả cơn bão số 11, sửa chữa các hạng mục hạ tầng dân sinh và ổn định cuộc sống của người dân vùng bị ảnh hưởng.

Công tác quản lý nhà nước về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội được thực hiện tốt. Về cơ bản thu nhập của người lao động trong các doanh nghiệp ổn định. Tập trung công tác quản lý, cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh, từ đầu năm đến nay đã thực hiện việc cấp, cấp lại, gia hạn GPLĐ cho 20.315 người lao động nước ngoài (cấp mới là 14.483, cấp lại 1.339, gia hạn 4.493 GPLĐ và thu hồi 4.166 GPLĐ).

Thu nhập người lao động trong doanh nghiệp ổn định; các chính sách BHXH được thực hiện đầy đủ, kịp thời góp phần ổn định đời sống người lao động.

Công tác giải quyết việc làm cho người lao động được quan tâm triển khai thực hiện, kết quả giải quyết việc làm năm 2025: Toàn tỉnh tạo việc làm mới cho 50.162 lao động, trong đó có 3.216 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng.

Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn tỉnh năm 2025 đạt trên 72,07 triệu/người/năm, 6,01 triệu đồng/người/tháng, tăng 9,8% so với cùng kỳ.

2. Công tác giáo dục và đào tạo

Năm 2025 là năm có ý nghĩa đặc biệt, ngành Giáo dục của tỉnh đạt được

hiều thành tích, dấu ấn nổi bật: Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025 đứng thứ 09 toàn quốc với tỷ lệ tốt nghiệp đạt 99,46. Tỉnh tổ chức thành công Kỳ thi chọn học sinh giỏi văn hóa cấp quốc gia năm học 2024-2025, ghi nhận thành tích nổi bật khi toàn tỉnh có 206 học sinh dự thi ở 12 môn, đạt 180 giải, trong đó có 17 giải Nhất - đứng thứ hai toàn quốc với 04 thủ khoa HSGQG ở các môn Vật lý, Lịch sử, Địa lý và Tiếng Anh; có 03 á khoa HSGQG ở các môn Hóa học, Lịch sử và Tiếng Trung. Trên đấu trường quốc tế, Bắc Ninh tiếp tục ghi dấu ấn mạnh mẽ với 17 học sinh được lựa chọn tham gia các đội tuyển Olympic khu vực và quốc tế. Kết quả, học sinh Bắc Ninh mang về 01 HCV Olympic Vật lý châu Á, 01 HCV và 01 bằng khen Olympic Vật lý châu Âu, 01 HCV Olympic Hóa học quốc tế, 01 HCB Olympic Vật lý quốc tế và 01 HCD Olympic Toán học quốc tế. Với 06 lượt học sinh đạt giải, Bắc Ninh xếp thứ nhất toàn quốc về thành tích Olympic khu vực, quốc tế trong năm học 2024-2025.

3. Hoạt động văn hóa - thể dục thể thao, du lịch

a) Về lĩnh vực văn hóa

Năm 2025, đã tổ chức thành công nhiều hoạt động, sự kiện văn hóa lớn chào mừng các ngày lễ, kỷ niệm của tỉnh, của đất nước như: Chương trình nghệ thuật đặc biệt chào mừng thành lập tỉnh Bắc Ninh mới; Tham gia triển lãm thành tựu Đất nước với chủ đề “Bắc Ninh ngàn năm văn hiến - Khát vọng vươn mình trong kỷ nguyên mới” nhân dịp kỷ niệm 80 năm Ngày Quốc khánh nước CHXHCN Việt Nam 2/9; tuyên truyền Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030; Đăng cai tổ chức Liên hoan Chèo toàn quốc năm 2025; Lễ kỷ niệm 1.015 năm ngày Lý Thái Tổ - Công Uẩn đăng quang Hoàng đế (15/3) và đón nhận bằng xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt đình Đình Bảng; Di tích quốc gia Nhà lưu niệm đồng chí Lê Quang Đạo; Chương trình nghệ thuật đặc biệt chào mừng kỷ niệm 135 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; Chương trình nghệ thuật đặc biệt chào mừng thành lập tỉnh Bắc Ninh mới và nhiều hội thi, hội diễn, liên hoan...; tổ chức 03 đoàn nghệ sỹ, diễn viên tham gia biểu diễn quảng bá Dân ca Quan họ và trình diễn tranh dân gian Đông Hồ ở nước ngoài (gồm tại Australia, châu Âu và Trung Quốc); tổ chức đa dạng các hoạt động trưng bày chuyên đề tại Bảo tàng tỉnh, Thư viện tỉnh; tổ chức Ngày Sách và Văn hóa đọc; Cuộc thi Đại sứ Văn hóa đọc... Năm 2025, tỉnh Bắc Ninh có 08 di sản văn hóa được UNESCO công nhận, ghi danh; 1.451 di tích được xếp hạng, trong đó có 02 điểm di tích là: Chùa Vĩnh Nghiêm, phường Tân An; chùa Bồ Đà, phường Vân Hà được UNESCO ghi danh là Di sản văn hóa thế giới; 09 di tích, cụm di tích quốc gia đặc biệt (với 41 điểm), 295 di tích quốc gia và 1.113 di tích cấp tỉnh; 24 bảo vật quốc gia; 27 di sản văn hóa phi vật thể quốc gia; 1.319 lễ hội hàng năm; 246 nghệ nhân trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể.

b) Về lĩnh vực thể dục, thể thao

Trong năm 2025, tỉnh Bắc Ninh đã đăng cai tổ chức thành công 08 giải thể thao quốc gia, 02 giải quốc tế (bao gồm: Giải vô địch Cờ vua; giải vô địch

Pickleball; giải Karate; giải hạng Bóng đá hạng Nhất quốc gia đối với các trận đấu tại Bắc Ninh; giải thể thao quốc tế (Quần vợt quốc tế Davis Cup châu Á); Giải Đá cầu Quốc gia; giải Cầu lông Quốc tế; giải vô địch Vật cổ điển, Vật tự do quốc gia; giải vô địch Kickboxing; giải quần vợt vô địch đồng đội quốc gia Cúp Vương triều Lý) cùng 12 giải thể thao cấp tỉnh và nhiều giải thể thao phối hợp với các sở, ngành, địa phương. Năm 2025, Các đội tuyển thể thao Bắc Ninh tổ chức tập luyện, tham gia 140 giải thể thao quốc gia, 19 giải thể thao quốc tế giành 1.600 huy chương các loại (438 HCV, 447 HCB, 715 HCD), có 80 lượt VĐV đạt đẳng cấp quốc gia. Tại Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 33 (SEA Games 33 tổ chức tại Thái Lan), Thể thao Bắc Ninh có 15 VĐV tham gia, thi đấu cho Đoàn thể thao Việt Nam, giành được 15 huy chương (07 HCV, 03 HCB, 05 HCD).

c) Về lĩnh vực phát triển du lịch

Năm 2025, tỉnh Bắc Ninh đã tích cực tuyên truyền, tổ chức thành công nhiều sự kiện, hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch tiêu biểu như: Tuần văn hóa, du lịch “Gốm và Làng nghề truyền thống Bắc Ninh”; Giới thiệu tinh hoa ẩm thực và đặc sản tiêu biểu của tỉnh Bắc Ninh tại Triển lãm thành tựu phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh nhân kỷ niệm 80 năm Quốc khánh 02/9; Quảng bá ẩm thực và du lịch tại Hội chợ Mùa thu năm 2025; tổ chức chuỗi hoạt động văn hóa, du lịch tại Lễ hội Trái cây tỉnh Bắc Ninh năm 2025... Không những vậy, tỉnh còn tổ chức các tour du lịch miễn phí phục vụ nhân dân và du khách gắn với các sự kiện văn hóa, du lịch, qua đó góp phần quảng bá du lịch và kích cầu du lịch; phối hợp Tổng Công ty đường sắt Việt Nam kết nối thành công chuyến tàu Hà Nội 5 cửa Ô, tuyến Hà Nội - Bắc Ninh, với điểm đến Đền Đô; triển khai các giải pháp quảng bá trên sóng truyền hình, quảng bá trên nền tảng ứng dụng mạng xã hội và tạo môi trường kết nối giữa doanh nghiệp lữ hành với các nhà vườn, các làng nghề thủ công để khai thác, phát triển loại hình du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với vùng cây ăn quả và làng nghề... Cùng với đó là sức lan tỏa của MV Bắc Bling (Bắc Ninh), lượng khách năm 2025 tăng cao so với cùng kỳ năm 2024.

Tổng số lượng khách du lịch năm 2025 ước đạt 6.300.000 lượt (khách nội địa: 5.945.000 lượt khách, khách quốc tế: 355.000 lượt khách), tăng 26% so với năm 2024 và đạt 112,5 % so với kế hoạch năm 2025. Tổng thu du lịch đạt 5.500 tỷ đồng tăng 13% so với năm 2024 và đạt 105% so với kế hoạch năm 2025.

4. Công tác quốc phòng, an ninh

Duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu, trực phòng không, tuần tra canh gác bảo đảm an toàn, nhất là dịp lễ, tết, ngày kỷ niệm và các sự kiện trọng đại của địa phương. Tổ chức giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh cho các đối tượng huấn luyện dân quân tự vệ, quân nhân dự bị bảo đảm chất lượng, an toàn. Hoàn thành 100% chỉ tiêu công dân nhập ngũ được giao. Bảo đảm tốt công tác hậu cần, kỹ thuật cho các nhiệm vụ thường xuyên và đột xuất.

Công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm, triển khai quyết liệt các biện pháp phòng ngừa, kéo giảm tội phạm về trật tự xã hội. Chủ động triển khai các phương án, kế hoạch bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm; hoạt động của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và các đoàn ngoại giao, khách quốc tế đến thăm và làm việc; các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội quan trọng trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn giao thông (ATGT), đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường bảo đảm trật tự ATGT; tiếp tục rà soát, xử lý điểm đen, điểm tiềm ẩn nguy cơ gây tai nạn; khắc phục các bất cập trong tổ chức giao thông đường bộ, hệ thống tín hiệu giao thông và đèn chiếu sáng; tăng cường xử lý lái xe vi phạm quy định về nồng độ cồn, sử dụng ma túy, tốc độ, không đội mũ bảo hiểm khi đi mô tô xe gắn máy.

III- HIỆN TRẠNG PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG ĐÔ THỊ

1) Hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông

Tỉnh Bắc Ninh đã xác định đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông là một trong những khâu đột phá chiến lược quan trọng, tập trung huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để xây dựng hệ thống giao thông đồng bộ, hiện đại, có tính kết nối cao, qua đó tạo nền tảng vững chắc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng không gian phát triển và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh trong khu vực và cả nước. Với tư duy phát triển dài hạn, cách làm chủ động, linh hoạt và quyết liệt, Bắc Ninh đã triển khai và đưa vào khai thác nhiều công trình giao thông trọng điểm có quy mô lớn, tác động lan tỏa mạnh mẽ đến các ngành, lĩnh vực và địa bàn trong tỉnh.

- Cao tốc:

Trên địa bàn tỉnh có tuyến Cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn đi qua tỉnh Bắc Ninh dài khoảng 120km; cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên đi qua tỉnh Bắc Ninh dài khoảng 21km; Cao tốc Nội Bài - Bắc Ninh - Hạ Long đi qua Bắc Ninh dài khoảng 40km.

- Quốc lộ

Hiện tại, trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh có 07 tuyến quốc lộ (gồm: QL1, QL17, QL18, QL31, QL37, QL38, QL279) dài khoảng 370 km đảm bảo mối liên kết chặt chẽ với các trung tâm lớn của Vùng thủ đô Hà Nội. Đồng thời, phát huy tiềm năng phát triển về vị trí, giao thương đối với các hành lang kinh tế, vùng trọng điểm kinh tế phía Bắc.

- Đường tỉnh

Hệ thống đường tỉnh trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (mới) được hình thành trên cơ sở hợp nhất mạng lưới của hai tỉnh Bắc Ninh và Bắc Giang trước đây, gồm khoảng trên 30 tuyến chính (ĐT.276 - ĐT.398) và các tuyến nhánh, tuyến bỏ

sung. Năm 2025, tỉnh đã điều chỉnh, nâng cấp 12 tuyến đường huyện thành đường tỉnh với tổng chiều dài khoảng 181 km, góp phần hoàn thiện mạng lưới giao thông liên kết nội tỉnh và liên vùng.

Hệ thống giao thông đường bộ của Bắc Ninh đã đáp ứng được chức năng liên kết, vận tải trong khu vực, tuy mật độ mạng lưới đường không cao, mặt cắt nhỏ, cấp đường thấp chủ yếu là loại V. Các tuyến giao thông trọng yếu phân bố chủ yếu tại khu vực trung tâm, kết nối các đô thị, khu kinh tế tạo thành trục phát triển liên hoàn. Tại các đô thị thuộc huyện miền núi, mật độ đường thấp nhưng vẫn tiếp cận được với hệ thống giao thông chung của tỉnh.

- Đường sắt

Tuyến đường sắt quốc tế Hà Nội - Đồng Đăng đi qua địa bàn tỉnh với chiều dài khoảng 70 km, đóng vai trò quan trọng trong vận tải hành khách và hàng hóa.

Trong thời gian tới, mạng lưới đường sắt của tỉnh sẽ tiếp tục được phát triển với nhiều tuyến quan trọng như đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, Hà Nội - Quảng Ninh, đường sắt dọc Vành đai 4, qua đó tăng cường khả năng vận chuyển hàng hóa giữa các khu công nghiệp của Bắc Ninh với hệ thống cảng biển và cửa khẩu quốc tế.

Bên cạnh đó, các tuyến đường sắt đô thị và metro đang được nghiên cứu triển khai và Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, góp phần hình thành hệ thống giao thông công cộng khối lượng lớn kết nối trực tiếp giữa Thủ đô Hà Nội với các trung tâm kinh tế của tỉnh.

- Đường thủy

Về luồng đường thủy nội địa: Trên địa bàn tỉnh có 37 tuyến luồng đường thủy nội địa với chiều dài 837,5 km, gồm:

Luồng đường thủy nội địa quốc gia: Gồm 19 tuyến với tổng chiều dài 528,9 km và nằm chủ yếu trên 2 hành lang đường thủy nội địa quốc gia kết nối đến, là hành lang đường thủy quốc gia số 1 (Quảng Ninh - Hải Phòng - Hà Nội - Việt Trì) và số 2 (Quảng Ninh - Hải Phòng - Thái Bình - Nam Định - Ninh Bình). Hầu hết các tuyến đạt cấp sông từ I ~ IV, là những tuyến quan trọng trong mạng lưới giao thông thủy Quốc gia, mật độ vận tải tương đối cao như sông Đá Bạc, sông Móng Cái...

Các luồng đường thủy nội địa địa phương gồm 18 luồng, với tổng chiều dài 308,6km; các luồng hầu hết đều đạt cấp II~IV, một số cấp V. Ngoài ra, còn có các luồng sông trong đất liền kết nối với tuyến luồng đường thủy nội địa quốc gia và địa phương. Các luồng sông địa phương quản lý đều đã có báo hiệu chỉ luồng đảm bảo chạy tàu an toàn.

- Đường hàng không

Cảng hàng không quốc tế Gia Bình là công trình trọng điểm quốc gia, được quy hoạch với diện tích 1.960 ha, với công suất thiết kế đạt 30 triệu lượt hành khách và 1,6 triệu tấn hàng hóa mỗi năm vào năm 2030 và tầm nhìn dài hạn đạt

50 triệu hành khách cùng 2,5 triệu tấn hàng hóa vào năm 2050 Theo chỉ đạo của Chính phủ, giai đoạn 1 dự án đang được tập trung triển khai với mục tiêu hoàn thành và đưa vào khai thác cuối năm 2026 đầu năm 2027. Khi hoàn thành, sân bay Gia Bình được định hướng là cảng hàng không quốc tế hiện đại hướng tới tiêu chuẩn 5 sao, đóng vai trò sân bay cửa ngõ thứ hai của vùng Thủ đô Hà Nội và là động lực phát triển quan trọng đối với vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc. Sự hình thành của sân bay Gia Bình đang thúc đẩy mạnh mẽ quá trình phát triển các ngành logistics, thương mại quốc tế, dịch vụ tài chính và công nghiệp công nghệ cao của tỉnh.

b) Cấp điện

Hiện toàn tỉnh có 06 nhà máy phát điện gồm: (1) Nhà máy nhiệt điện Sơn Động; (2) Nhà máy nhiệt điện của Công ty Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc; (3) Nhà máy điện rác Thăng Long, (4) Nhà máy xử lý chất thải rắn sinh hoạt công nghệ cao phát năng lượng của Công ty TNHH năng lượng xanh T&J; (5) khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung phát điện tại xã An Thịnh của Công ty TNHH năng lượng mới EU; (6) Khu liên hợp xử lý chất thải công nghiệp và chất thải rắn sinh hoạt.

c) Viễn thông

Hạ tầng viễn thông trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được đầu tư đồng bộ, hiện đại với mạng cáp quang phủ rộng đến 100% xã, phường; mạng di động 4G phủ sóng toàn diện và từng bước triển khai 5G tại các khu vực trọng điểm. Các doanh nghiệp viễn thông lớn như Viettel, VNPT, Mobifone hoạt động hiệu quả, cung cấp đa dạng dịch vụ số chất lượng cao. Hệ thống viễn thông đã trở thành nền tảng quan trọng phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh của một trung tâm công nghiệp công nghệ cao của khu vực phía Bắc.

d) Cấp nước

Hệ thống cấp nước trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được đầu tư phát triển tương đối đồng bộ, với nhiều nhà máy nước tập trung quy mô lớn và mạng lưới cấp nước phủ rộng các đô thị và khu công nghiệp. Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch đạt cao, khu vực nông thôn từng bước được cải thiện. Hệ thống cấp nước cơ bản đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số hạn chế như tỷ lệ cấp nước khu vực nông thôn chưa đồng đều, thất thoát nước còn xảy ra. Trong thời gian tới, tỉnh tiếp tục đầu tư mở rộng, nâng cao chất lượng và hiệu quả hệ thống cấp nước theo hướng hiện đại, bền vững.

Trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh hiện có 29 nhà máy nước cấp nước đô thị (tương ứng với 21 đơn vị cấp nước), cơ bản đến nay các nhà máy hoạt động bền vững, 01 nhà máy hoạt động kém hiệu quả (Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung thị trấn Kép - nay thuộc xã Kép, tỉnh Bắc Ninh), 01 nhà máy không hoạt động (Cấp nước sinh hoạt tập trung liên xã Yên Mỹ - Thị trấn Vôi, nay thuộc xã

Lạng Giang, tỉnh Bắc Ninh). Một số công trình cấp nước tập trung quy mô nhỏ hoạt động không hiệu quả cần bổ sung nước từ các hệ thống cấp nước khác để đảm bảo cung cấp nước cho người dân trên địa bàn. Nguồn nước cấp cho sinh hoạt trên địa bàn tỉnh chủ yếu từ các nguồn nước mặt, nước mưa và nước ngầm. Tổng công suất của các nhà máy cấp nước theo thiết kế là 344.124 m³/ngày đêm; tổng công suất cấp nước cho đô thị khoảng 214.600 m³/ngày đêm; tổng nhu cầu cấp nước sinh hoạt cho khu vực đô thị năm 2026 dự kiến khoảng 85 triệu m³ (tương ứng khoảng 92% dân số đô thị được cung cấp nước sạch).

Năm 2025, trên địa bàn tỉnh có 118 công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung hoàn thành đưa vào sử dụng với công suất thiết kế là 395.581 m³/ngày đêm. Trong đó, công suất thực tế khai thác của các công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung khoảng 248.728 m³/ngày đêm (tương đương 90,7 triệu m³/năm). Nhu cầu khai thác, sử dụng của công trình cấp cho sinh hoạt nông thôn năm 2026 dự kiến 104,4 triệu m³/năm (tăng 15% tương ứng với mức tăng 5% tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước sạch).

đ) Thoát nước thải

Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (mới) đã được quan tâm đầu tư, từng bước đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị và công nghiệp. Các đô thị và khu công nghiệp đã hình thành mạng lưới thoát nước và một số công trình xử lý nước thải tập trung. Tuy nhiên, hệ thống còn chưa đồng bộ, chủ yếu là thoát nước chung; tỷ lệ nước thải sinh hoạt được thu gom, xử lý còn thấp, đặc biệt tại khu vực nông thôn. Trong thời gian tới, tỉnh tiếp tục đầu tư hoàn thiện hệ thống thoát nước, nâng cao năng lực xử lý nước thải theo hướng hiện đại, bền vững, góp phần bảo vệ môi trường và phát triển đô thị.

Đến nay, tỉnh Bắc Ninh có 03 nhà máy xử lý nước thải tập trung trên địa bàn 03 đô thị loại II của tỉnh là: Nhà máy xử lý nước thải thành phố Bắc Ninh, công suất 28.000 m³/ng.đ; Nhà máy xử lý nước thải Từ Sơn, công suất 33.000 m³/ng.đ; Nhà máy xử lý nước thải thành phố Bắc Giang, công suất 20.000 m³/ng.đ và các trạm xử lý nước thải nhỏ lẻ nằm tại các khu đô thị, khu dân cư trên địa bàn với công suất 29.943 m³/ng.đ, bảo đảm nước thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả ra môi trường.

e) Thu gom, xử lý chất thải rắn và vệ sinh môi trường

Trong giai đoạn 2021 - 2025, công tác quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đã có nhiều chuyển biến tích cực:

+ Hệ thống chính sách quản lý chất thải rắn khá đầy đủ, bao phủ nhiều lĩnh vực và loại chất thải.

+ Công tác thu gom, xử lý CTRSH đạt tỷ lệ cao (95,8%); mô hình thu gom, vận chuyển dần được củng cố và kiện toàn theo hướng chuyên nghiệp, có 173 đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển với 79 xe chuyên dụng (trong đó, 50 xe đã được gắn thiết bị định vị GPS để theo dõi lộ trình); còn lại là các xe ô tô, xe tự chế, xe đẩy tay (79 ô tô, 315 xe cơ giới tự chế, 4.000 xe đẩy tay), bố trí

16 ga rác và trên 1.000 điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt; hạ tầng các khu xử lý cơ bản đáp ứng nhu cầu xử lý hiện tại và từng bước nâng cao chất lượng với các nhà máy đốt rác phát điện hiện đại. Toàn tỉnh có 04 Nhà máy xử lý chất thải rắn công nghệ cao phát điện, tổng công suất thiết kế 1.330 tấn/ngày; hiện đang triển khai đầu tư tiếp 02 Nhà máy đốt rác phát điện tại phường Đa Mai 750 tấn/ngày và tại xã Hiệp Hòa 500 tấn/ngày, dự kiến năm 2027 hoạt động; 01 Nhà máy xử lý rác tại Kiên Lao (không phát điện) công suất 100 tấn/ngày; Khu xử lý rác thu hồi năng lượng tái tạo tại phường Yên Dũng công suất trên 500 tấn/ngày; khu xử lý rác bằng phương pháp đốt không phát điện tại phường Tự Lạn công suất 180 tấn/ngày) và 73 khu xử lý bố trí 74 lò đốt công suất nhỏ từ 200 kg/giờ - 5.000kg/giờ, bố trí tại các xã, xử lý khoảng 400 tấn/ngày.

Quản lý chất thải rắn công nghiệp, y tế trên địa bàn đi vào nề nếp và tuân thủ đúng quy định, cơ bản 100% chất thải phát sinh được thu gom, xử lý; chất thải trong nông nghiệp, chăn nuôi được quan tâm thực hiện, phần lớn phế phẩm trong sản xuất trồng trọt (khoảng 80% khối lượng phát sinh) được trả lại trên đồng ruộng trở thành nguồn phân hữu cơ, một phần làm thức ăn chăn nuôi, một số do người dân thu gom, đốt; chất thải chăn nuôi hầu hết được xử lý biogas, làm đệm lót sinh học, ủ phân hữu cơ bón cho cây trồng,...

g) Nghĩa trang đô thị

Trong bối cảnh đẩy mạnh đô thị hóa, phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn toàn tỉnh, đặc biệt tại các khu vực công nghiệp, đô thị, tỉnh đang chịu áp lực ngày càng lớn về bố trí quỹ đất và đầu tư hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là các hạ tầng khu nghĩa trang đô thị. Trước yêu cầu phát triển bền vững, tỉnh đã từng bước định hướng sắp xếp, điều chỉnh hệ thống nghĩa trang theo hướng tập trung, đồng bộ, hiện đại, gắn với bảo vệ môi trường.

Hệ thống nghĩa trang trên địa bàn tỉnh cơ bản đã được quan tâm đầu tư, từng bước hình thành mạng lưới gồm các nghĩa trang nhân dân hiện hữu và các khu vực nghĩa trang quy hoạch mới, cơ bản đáp ứng nhu cầu an táng của người dân. Tổng diện tích nghĩa trang nhân dân hiện trạng khoảng 313 ha, diện tích theo quy hoạch khoảng 550 ha, thể hiện được định hướng mở rộng, phát triển lâu dài.

Các nghĩa trang nhân dân được bố trí trên phạm vi hầu hết các huyện, thị xã, thành phố (cũ). Tuy nhiên, phần lớn vẫn mang tính phân tán, quy mô nhỏ, chủ yếu phục vụ trong phạm vi cấp xã hoặc liên xã. Một số địa bàn có tốc độ đô thị hóa và phát triển công nghiệp nhanh như thị xã Việt Yên, thành phố Bắc Giang, thành phố Từ Sơn, thành phố Bắc Ninh (cũ) đã hình thành các khu nghĩa trang có quy mô lớn hơn nhằm đáp ứng nhu cầu an táng của nhân dân.

Bên cạnh đó, một số dự án nghĩa trang tập trung quy mô lớn đã được nghiên cứu, đưa vào quy hoạch như: Công viên nghĩa trang sinh thái Đông Hưng (huyện Lục Nam cũ) với quy mô khoảng 150 ha - 180 ha, cùng các khu nghĩa trang liên huyện tại khu vực Hiệp Hòa, Việt Yên, Yên Dũng (cũ). Đây là

các dự án có vai trò định hướng, từng bước chuyển dịch từ mô hình nghĩa trang nhỏ lẻ sang mô hình nghĩa trang tập trung, hiện đại, đảm bảo môi trường.

2. Về hạ tầng xã hội

a) Công trình Nhà ở

Nhà ở trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh phát triển nhanh cả về số lượng và chất lượng, đáp ứng cơ bản nhu cầu của người dân trong bối cảnh đô thị hóa và công nghiệp hóa mạnh mẽ. Nhiều khu đô thị mới, khu nhà ở thương mại và nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng, đặc biệt chương trình phát triển nhà ở xã hội đạt kết quả tích cực với quy mô lớn. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại tình trạng thiếu nhà ở cho công nhân và người thu nhập thấp, phát triển chưa đồng đều giữa các khu vực. Trong thời gian tới, tỉnh tiếp tục đẩy mạnh phát triển nhà ở theo hướng đồng bộ, hiện đại, chú trọng nhà ở xã hội và nhà ở công nhân, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

b) Công trình Y tế

Tỉnh Bắc Ninh là một trong những địa phương có hệ thống y tế được đầu tư đồng bộ và hiện đại, đáp ứng tốt nhu cầu khám, chữa bệnh của người dân và du khách trong nước, quốc tế. Năng lực y tế dự phòng của tỉnh thuộc nhóm dẫn đầu cả nước; các chương trình mục tiêu y tế được triển khai hiệu quả, công tác phòng, chống dịch bệnh được chủ động thực hiện, cùng với việc tăng cường đầu tư trang thiết bị y tế hiện đại.

Trong những năm qua, mạng lưới cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh không ngừng được củng cố và mở rộng; số lượng bác sĩ, giường bệnh tăng rõ rệt, chất lượng khám chữa bệnh từng bước được nâng cao. Tỉnh Bắc Ninh cơ bản hoàn thành mục tiêu 100% xã, phường, đặc khu đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Hệ thống y tế công lập từ tuyến tỉnh đến cơ sở được đầu tư nâng cấp, trong đó các bệnh viện tuyến tỉnh đã làm chủ nhiều kỹ thuật cao, chuyên sâu, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong quản lý và cải cách hành chính.

Toàn ngành có 135 cơ sở y tế (02 Chi cục: An toàn thực phẩm; Dân số và Trẻ em; 01 Trung tâm Kiểm soát bệnh tật; 01 Trung tâm Pháp y; 01 Trung tâm Y tế các khu công nghiệp; 15 bệnh viện đa khoa/chuyên khoa tuyến tỉnh gồm: Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 1; Bệnh viện Đa khoa Bắc Ninh số 2; Bệnh viện Sản - Nhi Bắc Ninh số 1; Bệnh viện Sản - Nhi Bắc Ninh số 2; Bệnh viện Phổi Bắc Ninh số 1; Bệnh viện Phổi Bắc Ninh số 2; Bệnh viện Phục hồi chức năng Bắc Ninh; Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Bắc Ninh số 1; Bệnh viện Sức khỏe tâm thần Bắc Ninh số 2; Bệnh viện Y học cổ truyền Bắc Ninh; Bệnh viện YHCT và PHCN Bắc Ninh; Bệnh viện Ung bướu; Bệnh viện Nội tiết; Bệnh viện Mắt, Bệnh viện Da Liễu. 16 Bệnh viện đa khoa (trước là Trung tâm Y tế): Yên Dũng; Sơn Động; Lục Ngạn; Lục Nam; Lạng Giang; Yên Thế; Tân Yên; Hiệp Hòa; Việt Yên; Từ Sơn; Tiên Du; Lương Tài; Gia Bình; Thuận Thành; Yên Phong; Quế Võ; 99 trạm y tế trực thuộc UBND xã, phường. Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có 02 cơ sở của Bệnh viện Quân y 110 (quy mô 560 giường bệnh) và 01

bệnh xá Công an tỉnh.

- Bên cạnh sự phát triển của y tế công lập, hệ thống y tế ngoài công lập được khuyến khích phát triển; số cơ sở y, được tư nhân ngày càng phát triển về quy mô và số lượng. Toàn tỉnh có 1.023 cơ sở hành nghề y ngoài công lập được cấp giấy phép hành nghề (trong đó có 23 bệnh viện tư nhân đang hoạt động với quy mô 1.942 giường bệnh, 67 phòng khám đa khoa) và 2.937 cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc, mỹ phẩm (12 cơ sở sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc; 73 cơ sở bán buôn thuốc, xuất nhập khẩu nguyên liệu làm thuốc; 2.852 cơ sở bán lẻ thuốc).

Quy mô giường bệnh tại các cơ sở y tế công lập tăng dần theo thời gian, theo nhu cầu khám chữa bệnh của người dân, tình trạng bệnh nhân phải nằm ghép trong điều kiện cơ sở vật chất chật hẹp đã được khắc phục. Công suất sử dụng giường bệnh được duy trì ở mức 90 - 95%. Đến hết năm 2025, số giường bệnh/10.000 dân đạt 36,2 giường. Công tác chuyển đổi số đạt kết quả nổi bật với 100% cơ sở y tế triển khai bệnh án điện tử. Công tác phòng, chống dịch bệnh được kiểm soát hiệu quả, không để xảy ra dịch lớn. Nhìn chung, hệ thống y tế cơ bản đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế về chất lượng dịch vụ và phân bố nguồn lực.

c) Công trình Văn hóa - Xã hội - Thể dục thể thao

Lĩnh vực văn hóa - xã hội, thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh (mới) tiếp tục phát triển toàn diện. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa được quan tâm, hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở được củng cố, phong trào xây dựng đời sống văn hóa đạt nhiều kết quả tích cực. Các chính sách an sinh xã hội được triển khai hiệu quả, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao. Phong trào thể dục thể thao phát triển rộng khắp, tỷ lệ người dân tham gia luyện tập thường xuyên ngày càng tăng. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế về chênh lệch phát triển giữa các khu vực và chất lượng thiết chế văn hóa, thể thao cần tiếp tục được đầu tư, hoàn thiện.

Cùng với đầu tư hạ tầng, tỉnh chú trọng bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa và di tích cách mạng; đẩy mạnh xã hội hóa trong lĩnh vực văn hóa, qua đó góp phần thu hút trung bình khoảng 06 triệu lượt khách du lịch mỗi năm.

Trong những năm qua tỉnh Bắc Ninh đã quan tâm dành nhiều nguồn lực đầu tư các công trình phúc lợi xã hội, trong đó tập trung xây dựng và nâng cấp các công trình thiết chế văn hóa thể thao trên địa bàn, nhiều công trình mang tầm khu vực và quốc tế. Đến hết năm 2025 hệ thống thiết chế văn hóa thể thao từ tỉnh đến cơ sở đã và đang dần được hoàn thiện về số lượng cũng như chất lượng, phục vụ nhu cầu đời sống văn hóa của nhân dân.

Hiện nay, tỉnh Bắc Ninh có mạng lưới cơ sở vật chất thể dục thể thao tương đối đa dạng. Tuy nhiên, chất lượng và mức độ phân bố các công trình thể thao giữa các địa phương còn chưa đồng đều.

Trong thời gian tới, tỉnh tiếp tục ưu tiên huy động nguồn lực để đầu tư xây

dựng và hoàn thiện các công trình thể thao trọng điểm, đáp ứng nhu cầu luyện tập thể dục thể thao quần chúng, thể thao thành tích cao, đồng thời phục vụ tổ chức các sự kiện chính trị, văn hóa và thể thao quy mô lớn.

Phong trào rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại và hoạt động thể dục thể thao quần chúng được triển khai sâu rộng, thu hút sự tham gia tích cực của các cấp, các ngành và đông đảo nhân dân. Đến nay, 99/99 phường, xã trên địa bàn tỉnh đều hình thành phong trào tập luyện thể dục thể thao, gắn với quy hoạch và đầu tư các điểm tập luyện phù hợp, góp phần nâng cao sức khỏe cộng đồng và đời sống tinh thần của người dân.

d) Công trình Giáo dục - Đào tạo

Hiện nay, hệ thống giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được tổ chức tương đối hoàn chỉnh, bao phủ đầy đủ các cấp học và loại hình đào tạo. Toàn tỉnh có 506 cơ sở giáo dục từ mầm non đến trung học phổ thông, bao gồm 466 trường công lập. Song song với giáo dục phổ thông, tỉnh có các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp, gồm các trường đại học, cao đẳng, trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề. Ngoài ra, mạng lưới giáo dục ngoài công lập và hỗ trợ học tập phát triển đa dạng với hàng trăm nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập tư thục, trung tâm ngoại ngữ, tin học, kỹ năng sống, tư vấn du học và các trung tâm học tập cộng đồng, góp phần đáp ứng nhu cầu học tập ngày càng đa dạng của người dân và thúc đẩy xã hội học tập.

Nhìn chung, mạng lưới cơ sở giáo dục - đào tạo của tỉnh đã được đầu tư theo hướng đồng bộ, từng bước hiện đại hóa, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập của người học ở tất cả các cấp học, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập suốt đời. Cơ sở vật chất trường lớp được quan tâm đầu tư, cải tạo và nâng cấp; nhiều đề án quan trọng của ngành giáo dục đã được xây dựng, phê duyệt và triển khai, tập trung vào nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, phát triển giáo dục mầm non tư thục, cải thiện điều kiện cơ sở vật chất ngành giáo dục và đẩy mạnh công tác phân luồng, định hướng nghề nghiệp cho học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông. Nhờ đó, chất lượng giáo dục toàn tỉnh tiếp tục có những chuyển biến tích cực, từng bước nâng cao vị thế của giáo dục Bắc Ninh trong khu vực.

Đến nay, tỷ lệ phòng học kiên cố trên toàn tỉnh đạt khoảng 90,8%, phản ánh sự cải thiện rõ rệt về điều kiện dạy và học. Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 87,48% (552/631 trường), vượt mục tiêu đề ra trong quy hoạch phát triển giáo dục của tỉnh. Đây là kết quả của việc ưu tiên nguồn lực đầu tư cho giáo dục, đặc biệt là tại các khu vực đô thị và những địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội phát triển.

Đối với giáo dục mầm non, mạng lưới trường, lớp được mở rộng phù hợp với tốc độ tăng dân số tự nhiên, với số lượng trường mầm non tăng trưởng ổn định qua các năm.

Năm học 2025 - 2026, toàn tỉnh có 424 cơ sở giáo dục mầm non, phân bố tại tất cả các xã, phường, bảo đảm điều kiện tiếp cận giáo dục cho trẻ em trong độ tuổi. Số trường chuẩn quốc gia mức độ 1 là 397 trường đạt tỷ lệ 93,63%. Tỷ lệ kiên cố trường lớp học đạt 97,3%. Tỷ lệ huy động trẻ mẫu giáo đạt 100%, tỷ lệ huy động trẻ nhà trẻ đạt 39,7%. 100% cơ sở giáo dục mầm non thực hiện chương trình GDMN, tổ chức học 02 buổi/ngày và ăn bán trú, bảo đảm chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm.

Giáo dục phổ thông tiếp tục được phát triển đồng đều ở cả ba cấp học, với mạng lưới trường lớp phủ rộng đến tận xã, phường, tạo điều kiện thuận lợi để học sinh trong độ tuổi đến trường. Quy mô trường lớp đáp ứng tương đối đầy đủ nhu cầu học tập ngày càng tăng của nhân dân. Tỷ lệ học sinh bình quân trên một giáo viên và số học sinh bình quân trên một lớp có xu hướng tăng nhẹ, song vẫn ở mức hợp lý và cao hơn so với nhiều địa phương trong vùng Đồng bằng sông Hồng. Hệ thống trường công lập của tỉnh có điều kiện cơ sở vật chất thuộc nhóm tốt trong khu vực miền Bắc, với phần lớn phòng học được xây dựng kiên cố. Các chỉ tiêu về huy động học sinh đi học và đi học đúng độ tuổi đều đạt mức cao so với bình quân chung cả nước, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong tương lai. Bên cạnh đó, trên 50% số trường và cơ sở giáo dục đã tổ chức giáo dục hòa nhập, có phòng hỗ trợ dành cho học sinh có nhu cầu đặc biệt.

Đối với giáo dục thường xuyên, mạng lưới các trung tâm giáo dục thường xuyên và trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên được duy trì ổn định, bảo đảm thực hiện tốt chức năng tạo cơ hội học tập cho mọi người. Toàn tỉnh hiện có Trung tâm Hướng nghiệp và GDTX tỉnh, cùng các trung tâm GDNN-GDTX cấp cơ sở, hệ thống trung tâm học tập cộng đồng tại cơ sở và nhiều trung tâm tin học, ngoại ngữ, kỹ năng sống. Hệ thống này đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao dân trí, đào tạo lại và bồi dưỡng kỹ năng cho lực lượng lao động.

Trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học, Bắc Ninh hiện có các cơ sở GDNN và cơ sở tham gia đào tạo nghề, cùng với các trường đại học. Đội ngũ giảng viên có trình độ chuyên môn cao, tỷ lệ giảng viên có trình độ trên đại học chiếm trên 90%, góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các cơ sở đào tạo đại học và nghề nghiệp ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong việc cung ứng nguồn nhân lực, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh Bắc trong giai đoạn phát triển mới.

đ) Công trình Thương mại dịch vụ

Không gian phát triển thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh hiện nay tập trung chủ yếu tại các đô thị lớn và các khu vực động lực phát triển như Bắc Giang, Kinh Bắc, Từ Sơn, Việt Yên, Quế Võ. Tại các đô thị này đã hình thành hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị và không gian mua sắm hiện đại với quy mô ngày càng mở rộng, tiêu biểu như Vincom Center Bắc Giang, Bắc

Ninh, Go Bắc Giang, Từ Sơn Plaza, Vincom Plaza Từ Sơn..., cùng mạng lưới các chợ đầu mối hạng I, hạng II phân bố tại nhiều địa phương trong tỉnh, đóng vai trò quan trọng trong lưu thông và phân phối hàng hóa.

Hoạt động thương mại của tỉnh trong những năm gần đây có bước phát triển tích cực, từng bước hình thành hệ thống phân phối tương đối đồng bộ, kết hợp hài hòa giữa chợ truyền thống và các loại hình thương mại hiện đại như siêu thị, trung tâm thương mại và cửa hàng tiện ích. Hệ thống này không chỉ đáp ứng cơ bản nhu cầu tiêu dùng của người dân mà còn phục vụ hiệu quả lượng lớn khách du lịch trong và ngoài nước, đồng thời góp phần nâng cao khả năng liên kết tiêu thụ sản phẩm, nhất là các sản phẩm địa phương và sản phẩm OCOP.

Hạ tầng thương mại tiếp tục được tỉnh quan tâm đầu tư theo hướng đồng bộ và hiện đại. Các công trình như Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm, các trung tâm thương mại gắn với phát triển du lịch đã thu hút được nhiều nhà đầu tư lớn, có thương hiệu và uy tín trong lĩnh vực phân phối như Vincom, GO, Mega Market, Lotte. Đặc biệt, trong giai đoạn 2021 - 2025, hệ thống cửa hàng tiện lợi phát triển nhanh về số lượng và độ phủ, góp phần cung ứng hàng hóa bảo đảm chất lượng, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, từng bước thay đổi phương thức kinh doanh truyền thống và hình thành thói quen tiêu dùng văn minh, hiện đại trong cộng đồng dân cư.

Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 280 chợ, 40 siêu thị, 20 trung tâm thương mại, 180 cửa hàng tiện ích, 46 điểm bán và giới thiệu sản phẩm OCOP; cùng với đó là hệ thống các cơ sở bán buôn, bán lẻ trong lĩnh vực rượu, thuốc lá, khí dầu mỏ hóa lỏng và xăng dầu với quy mô và số lượng lớn. Hạ tầng cung ứng, lưu thông và phân phối hàng hóa đã được bố trí tới tất cả các xã, phường, đặc khu, trong đó tập trung chủ yếu tại khu vực đô thị, các phường trung tâm và các trục giao thông chính, bảo đảm khả năng tiếp cận hàng hóa thiết yếu cho người dân.

Trong thời gian tới, Bắc Ninh tiếp tục đẩy mạnh huy động các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển hạ tầng thương mại theo hướng văn minh, hiện đại, gắn với chỉnh trang đô thị và nâng cao chất lượng đời sống nhân dân. Mô hình trung tâm thương mại, siêu thị và chuỗi cửa hàng bán lẻ hiện đại được khuyến khích phát triển cả về số lượng và quy mô. Cung Quy hoạch, Hội chợ và Triển lãm tiếp tục được đầu tư tương xứng với vai trò, vị thế của tỉnh; Trung tâm OCOP Bắc Ninh phát huy hiệu quả trong kết nối tour, tuyến du lịch, quảng bá hình ảnh địa phương và giá trị sản phẩm đặc trưng. Đồng thời, hệ thống kho bãi, xăng dầu và logistics từng bước được quy hoạch, đầu tư bài bản, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất, kinh doanh và nhu cầu tiêu dùng ngày càng tăng trên địa bàn tỉnh.

e) Công trình Hạ tầng du lịch

Nằm ở vị trí “cửa ngõ” phía Đông Bắc Thủ đô Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh đã tận dụng lợi thế chiến lược để xây dựng một hệ thống giao thông đa chiều, kết nối thuận lợi với các tỉnh/thành lân cận như Hà Nội, Hải Phòng, Thái Nguyên và Quảng Ninh và Lạng Sơn. Với hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy,

đường sắt và đường hàng không thuận lợi, nhất là khai thác từ lợi thế gần sân bay Nội Bài, đặc biệt là khi Cảng hàng không quốc tế Gia Bình (Bắc Ninh) dự kiến chính thức vận hành trong năm 2026 sẽ là sân bay lớn thứ hai ở khu vực phía Bắc với công suất trong thời kỳ 2021 - 2030 lên tới 30 triệu lượt khách/năm và 1,6 triệu tấn hàng hóa/năm, sẽ tiếp tục là cơ hội lớn để Bắc Ninh khẳng định vị thế là điểm đến hấp dẫn với các nhà đầu tư và du khách trong và ngoài nước. Là cơ hội để du lịch Bắc Ninh tái cấu trúc và thúc đẩy liên kết vùng, khai thác đa dạng nguồn khách du lịch.

- Tính đến thời điểm hiện tại, sau sáp nhập, hệ thống kết cấu hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch tỉnh Bắc Ninh cơ bản đảm bảo, đáp ứng nhu cầu khách du lịch. Cơ cấu và số lượng các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch ngày một tăng; trong đó, xu hướng các đơn vị kinh doanh lẻ hành tăng dần từ 64 đơn vị năm 2022 đến nay có 98 đơn vị kinh doanh lẻ hành, cơ sở kinh doanh đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.

- Tỉnh Bắc Ninh hiện có 38 khu, điểm du lịch cấp tỉnh (trong đó có 01 Khu du lịch sinh thái Suối Mỡ). Bên cạnh các điểm du lịch là các di tích tiêu biểu được đầu tư khang trang, sạch đẹp đang thu hút khách như: chùa Bỏ Đà, chùa Vĩnh Nghiêm, đền Đô, chùa Phật Tích, chùa Dâu, chùa Bút Tháp, địa điểm chiến thắng Xương Giang, Khu di tích lịch sử Hoàng Hoa Thám... Hiện nay, tỉnh Bắc Ninh đã hình thành các mô hình du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, nông nghiệp sinh thái...

g) Công trình an sinh xã hội

- Mạng lưới cơ sở nuôi dưỡng người thuộc diện trợ giúp xã hội gồm mạng lưới công lập, ngoài công lập. Tính đến giữa năm 2025, tỉnh có 06 cơ sở trợ giúp xã hội công lập. Cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh là cơ sở trợ giúp xã hội tổng hợp (Trung tâm phục hồi chức năng người khuyết tật Bắc Ninh đặt tại phường Vũ Ninh, Bắc Ninh), cung cấp các dịch vụ: (i) Nuôi dưỡng, điều trị phục hồi chức năng cho các nhóm đối tượng là người cao tuổi, trẻ em khuyết tật, người khuyết tật, người có công với cách mạng; (ii) Giáo dục chuyên biệt cho trẻ em khuyết tật và trẻ em tự kỷ; (iii) Giáo dục hòa nhập cho trẻ em; (iv) Hướng nghiệp dạy nghề và tổ chức lao động sản xuất cho trẻ em và người khuyết tật; (v) Cung cấp các dịch vụ về công tác xã hội cho các nhóm đối tượng sống tại cơ sở và tại cộng đồng.

- Toàn tỉnh hiện có 17 cơ sở trợ giúp xã hội, trong đó có 06 cơ sở công lập và 11 cơ sở ngoài công lập, bao gồm các loại hình chủ yếu: cơ sở nuôi dưỡng, chăm sóc người cao tuổi; cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp; cơ sở chăm sóc, phục hồi chức năng cho người khuyết tật; cơ sở điều dưỡng người có công; cơ sở cai nghiện ma túy và hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng. Phân bố không gian các cơ sở tập trung chủ yếu tại khu vực đô thị trung tâm và các hành lang phát triển chính, trong khi một số khu vực nông thôn, vùng xa trung tâm còn thiếu cơ sở hoặc quy mô phục vụ nhỏ.

Theo định hướng Quy hoạch vùng, hạ tầng trợ giúp xã hội của tỉnh Bắc Ninh mới được xác định là một bộ phận của hệ thống hạ tầng xã hội vùng, có chức năng vừa đáp ứng nhu cầu an sinh của địa phương, vừa tham gia chia sẻ chức năng phục vụ liên tỉnh, liên vùng đối với một số loại hình chuyên biệt. Giai đoạn đến năm 2030, ưu tiên củng cố, nâng cấp các cơ sở hiện có đạt chuẩn quốc gia; từng bước hình thành các cơ sở trợ giúp xã hội có tính chất trung tâm vùng. Đồng thời, khuyến khích phát triển các cơ sở ngoài công lập, đa dạng hóa mô hình cung ứng dịch vụ trợ giúp xã hội, gắn với y tế, phục hồi chức năng và đào tạo nghề.

- Hiện nay, tỉnh duy trì một cơ sở cai nghiện ma túy với quy mô cai nghiện nội trú khoảng 250 người và điều trị ngoại trú cho khoảng 150 người. Tuy nhiên, cơ sở vật chất của cơ sở cai nghiện đã xuống cấp, một số hạng mục chưa đáp ứng yêu cầu hoạt động, đặt ra nhu cầu đầu tư nâng cấp, hoàn thiện hệ thống phòng, chống tệ nạn xã hội trong giai đoạn quy hoạch tiếp theo.

- Hệ thống cơ sở trợ giúp xã hội hiện có

Đến giữa năm 2025, sau sắp xếp đơn vị hành chính, tỉnh Bắc Ninh hiện có 09 cơ sở trợ giúp xã hội và 03 cơ sở điều dưỡng người có công, bao gồm đầy đủ các loại hình chăm sóc, nuôi dưỡng, phục hồi chức năng và hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho các nhóm yếu thế. Hệ thống cơ sở gồm:

- + 02 Trung tâm điều dưỡng, chăm sóc người tâm thần (Bắc Ninh, Bắc Giang);
- + 02 Trung tâm nuôi dưỡng, bảo trợ xã hội tổng hợp (Bắc Ninh, Bắc Giang);
- + 01 Trung tâm công tác xã hội và bảo trợ trẻ em (mô hình công - tư kết hợp);
- + 01 Làng trẻ em SOS;
- + 03 cơ sở cai nghiện ma túy;
- + 03 Trung tâm điều dưỡng người có công với cách mạng.

Các cơ sở bao phủ tương đối đầy đủ các nhóm đối tượng gồm: người tâm thần, người khuyết tật đặc biệt nặng, người cao tuổi không nơi nương tựa, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người nghiện ma túy và người có công với cách mạng.

IV- HIỆN TRẠNG TỔ CHỨC KHÔNG GIAN VÀ KIẾN TRÚC CẢNH QUAN ĐÔ THỊ

1. Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị

Trong những năm qua, tỉnh Bắc Ninh đã quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc trên địa bàn, coi đây là công cụ quan trọng nhằm bảo đảm trật tự xây dựng, quản lý không gian kiến trúc - cảnh quan đô thị, nông thôn theo định hướng quy hoạch được phê duyệt. Công tác ban hành, rà soát, điều chỉnh và tổ chức thực hiện các quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc được triển khai đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã (cũ), phù hợp với Luật Quy hoạch, Luật Xây dựng và các quy định hiện hành.

Tỉnh đã xây dựng và ban hành Quy chế quản lý kiến trúc đối với các đô thị,

khu vực trung tâm, trục không gian chính, khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù về cảnh quan, di sản, môi trường sinh thái. Thông qua quy chế, các yêu cầu về chỉ tiêu kiến trúc - quy hoạch, tầng cao, mật độ xây dựng, hình thức kiến trúc, màu sắc, vật liệu công trình, tổ chức không gian công cộng và cảnh quan đô thị được cụ thể hóa, làm cơ sở cho công tác cấp phép xây dựng, thẩm định dự án và quản lý đầu tư xây dựng tại các Quyết định: số 132/QĐ-UBND ngày 06/02/2024 Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang; số 450/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Chũ, tỉnh Bắc Giang; số 451/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Kép mở rộng và vùng phụ cận, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; số 449/QĐ-UBND ngày 15/5/2024 Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang; số 713/QĐ-UBND ngày 25/7/2024 điều chỉnh Quy chế quản lý kiến trúc đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

Tỉnh Bắc Ninh đã ban hành Quyết định số 36/2021/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 Quy chế quản lý kiến trúc trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; số 224/QĐ-UBND ngày 04/5/2019 Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị thành phố Bắc Ninh; số 156/QĐ-UBND ngày 31/3/2022 Quy chế quản lý kiến trúc đô thị thành phố Bắc Ninh.

Việc thực hiện quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đã góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về xây dựng, từng bước kiểm soát tình trạng xây dựng tự phát, sai quy hoạch, sai giấy phép. Không gian kiến trúc tại các đô thị trọng điểm như Bắc Giang, Kinh Bắc, Từ Sơn, Việt Yên, Thuận Thành, Quế Võ từng bước được định hình theo hướng đồng bộ, hiện đại và bản sắc địa phương.

Công tác phối hợp giữa các sở, ngành và chính quyền địa phương trong tổ chức thực hiện quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc được tăng cường. Các nội dung quy chế được lồng ghép trong quá trình lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết và trong quá trình thẩm định, chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án phát triển đô thị, khu dân cư, khu công nghiệp, dịch vụ. Công tác tuyên truyền, phổ biến quy chế đến tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng được chú trọng, góp phần nâng cao nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật.

Trong thời gian tới, tỉnh Bắc Ninh tiếp tục rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy hoạch tỉnh và các quy hoạch chuyên ngành; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý quy hoạch, kiến trúc và cấp phép xây dựng. Đồng thời, chú trọng nâng cao chất lượng công tác thiết kế đô thị, quản lý không gian kiến trúc cảnh quan, hướng tới phát triển đô thị bền vững, hiện đại, giàu bản sắc, phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh Bắc Ninh trong giai đoạn mới.

2. Khu đô thị mới

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đã hình thành hệ thống các khu đô thị tương đối đa dạng, phân bố chủ yếu tại các đô thị trung tâm và khu vực có lợi thế về giao thông, du lịch và công nghiệp như: Bắc Giang, Kinh Bắc, Từ Sơn. Các khu đô thị mới được đầu tư theo quy hoạch, từng bước đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, góp phần mở rộng không gian đô thị, chỉnh trang diện mạo kiến trúc và nâng cao chất lượng sống của người dân. Bên cạnh các khu đô thị hiện hữu được cải tạo, nâng cấp, nhiều khu đô thị mới, khu nhà ở, khu đô thị dịch vụ - du lịch đã và đang được triển khai với sự tham gia của các nhà đầu tư lớn, hình thành các khu vực phát triển năng động, hiện đại.

Tỉnh Bắc Ninh hiện có một số khu đô thị tiêu biểu như: Khu đô thị Bách Việt Lake Garden, Khu đô thị Him Lam, Khu đô thị Hồng Hạc - Xuân Lâm, Khu đô thị phía Nam, phường Bắc Giang, Khu Nhà ở đường Nguyễn Quyền, Khu đô thị Bách Việt, Khu đô thị Danko Riverside, Khu đô thị Phúc Ninh, Khu đô thị mới nam Võ Cường.

Ngoài các khu đô thị hiện hữu, hiện nay Bắc Ninh đang thu hút và triển khai hàng loạt các dự án Khu đô thị mang tầm vóc khu vực như: Khu đô thị Logistics Bắc Giang, Khu đô thị mới Đại học II tại huyện Tiên Du, Khu đô thị mới du lịch, sinh thái, văn hóa, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí trên địa bàn thành phố Từ Sơn, huyện Tiên Du, Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới phía Tây Bắc thành phố Bắc Ninh cũ, Dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới sinh thái, nghỉ dưỡng và dịch vụ giải trí tại xã Liên Bảo, xã Tiên DuCác khu đô thị này góp phần mở rộng không gian đô thị, tạo quỹ nhà ở, phát triển dịch vụ - thương mại, đồng thời từng bước hình thành diện mạo đô thị hiện đại, đồng bộ theo định hướng quy hoạch phát triển của tỉnh Bắc Ninh.

3. Cải tạo, chỉnh trang đô thị

Hiện nay, công tác cải tạo, chỉnh trang đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng không gian sống, hoàn thiện diện mạo đô thị và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong giai đoạn mới. Trên cơ sở các quy hoạch được phê duyệt, tỉnh đã tập trung chỉ đạo rà soát, điều chỉnh và tổ chức triển khai nhiều chương trình, dự án cải tạo đô thị theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương.

Tại các đô thị trung tâm như: Kinh Bắc, Bắc Giang, Từ Sơn, Yên Phong công tác cải tạo, chỉnh trang được triển khai khá toàn diện, tập trung vào các khu vực đô thị cũ, khu dân cư hiện hữu, các tuyến đường trục chính và không gian ven sông. Nhiều khu nhà ở cũ, xuống cấp từng bước được cải tạo, nâng cấp hoặc thay thế bằng các khu nhà ở mới có kiến trúc hiện đại, đồng bộ hơn về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Các tuyến phố chính được chỉnh trang mặt đứng công trình, sắp xếp hệ thống biển quảng cáo, mái che, dây cáp kỹ thuật, góp phần tạo cảnh quan đô thị khang trang, văn minh.

Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị được quan tâm đầu tư cải tạo, nâng cấp,

trong đó chú trọng các công trình giao thông đô thị, cấp thoát nước, chiếu sáng công cộng, thu gom và xử lý rác thải. Nhiều tuyến đường nội thị được mở rộng, cải tạo mặt cắt, lát vỉa hè, trồng cây xanh và tổ chức lại không gian giao thông, từng bước khắc phục tình trạng xuống cấp, ùn tắc cục bộ. Công tác cải tạo hệ thống thoát nước, chỉnh trang các kênh mương, hồ điều hòa trong đô thị cũng được triển khai, góp phần nâng cao khả năng chống ngập và cải thiện môi trường sống.

Bên cạnh đó, Bắc Ninh đặc biệt chú trọng cải tạo, chỉnh trang không gian công cộng, công viên, quảng trường, khu vui chơi giải trí phục vụ cộng đồng. Nhiều công viên, quảng trường trung tâm tại Bắc Giang, Kinh Bắc đã được đầu tư nâng cấp, tạo điểm nhấn về cảnh quan, là không gian sinh hoạt văn hóa, thể thao cho người dân.

Công tác cải tạo, chỉnh trang đô thị cũng được lồng ghép với chương trình phát triển đô thị, phát triển nhà ở và tái thiết các khu dân cư, khu tập thể cũ. Tỉnh đã quan tâm bố trí quỹ đất, nguồn lực để thực hiện các dự án tái định cư, đảm bảo ổn định đời sống cho người dân trong quá trình chỉnh trang, giải phóng mặt bằng. Đồng thời, việc xã hội hóa đầu tư được đẩy mạnh, thu hút sự tham gia của các doanh nghiệp trong cải tạo khu đô thị, khu nhà ở, khu thương mại - dịch vụ, qua đó nâng cao hiệu quả sử dụng đất và nguồn lực xã hội.

Trong thời gian tới, Bắc Ninh tiếp tục xác định cải tạo, chỉnh trang đô thị là nhiệm vụ lâu dài, cần được thực hiện một cách có kế hoạch, đồng bộ và bền vững, gắn với quản lý quy hoạch, kiến trúc và bảo vệ môi trường, nhằm từng bước xây dựng hệ thống đô thị hiện đại, văn minh, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao chất lượng sống của nhân dân.

4. Không gian công cộng đô thị

Hiện nay, hệ thống không gian công cộng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh từng bước được quan tâm đầu tư, cải tạo và phát triển theo hướng đồng bộ, góp phần nâng cao chất lượng môi trường sống, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, vui chơi giải trí, rèn luyện thể chất của người dân, đồng thời phục vụ phát triển du lịch và xây dựng hình ảnh đô thị văn minh, hiện đại. Không gian công cộng của tỉnh bao gồm các công viên, vườn hoa, quảng trường, khu vui chơi giải trí, không gian sinh hoạt cộng đồng và các không gian mở được phân bố chủ yếu tại các đô thị trung tâm và từng bước mở rộng về các khu vực đô thị mới.

Tại các đô thị lớn như: Bắc Giang, Kinh Bắc, Từ Sơn, hệ thống công viên, quảng trường và không gian công cộng đã được hình thành tương đối rõ nét, đóng vai trò là điểm nhấn về cảnh quan và là nơi tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội quy mô lớn. Các đô thị này có mạng lưới không gian công cộng phát triển nhất, với các công viên, quảng trường trung tâm, các tuyến phố đi bộ và không gian sinh hoạt cộng đồng gắn với văn hóa bản sắc địa phương. Các không gian này không chỉ phục vụ nhu cầu vui chơi, thư giãn của người dân mà còn là điểm đến hấp dẫn đối với du khách, góp phần quảng bá hình ảnh đô thị hiện đại,

thân thiện.

Hệ thống công viên, vườn hoa trong đô thị được đầu tư cải tạo theo hướng tăng diện tích cây xanh, mặt nước, bố trí các hạng mục phục vụ sinh hoạt cộng đồng như đường dạo bộ, sân thể thao ngoài trời, khu vui chơi trẻ em, thiết bị tập luyện thể dục thể thao. Nhiều công viên, vườn hoa đã được chỉnh trang khang trang, sạch đẹp, góp phần cải thiện vi khí hậu đô thị và nâng cao chất lượng không gian sống. Tuy nhiên, quy mô và mức độ đầu tư giữa các địa phương còn chưa đồng đều, một số khu vực đô thị nhỏ và khu dân cư cũ vẫn thiếu các không gian công cộng đạt chuẩn, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của người dân.

Các quảng trường đô thị được hình thành tại trung tâm các đô thị thuộc tỉnh, đóng vai trò là không gian tổ chức các sự kiện chính trị, văn hóa, lễ hội và sinh hoạt cộng đồng. Nhiều quảng trường đã trở thành điểm nhấn kiến trúc - cảnh quan, gắn với các công trình văn hóa, lịch sử, tạo bản sắc riêng cho từng đô thị. Bên cạnh đó, các khu vui chơi, giải trí, không gian sinh hoạt ngoài trời được phát triển đa dạng về loại hình, từ khu vui chơi thiếu nhi, công viên chuyên đề đến các khu vui chơi kết hợp dịch vụ du lịch, góp phần đáp ứng nhu cầu giải trí ngày càng cao của người dân và du khách.

Nhìn chung, không gian công cộng trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đã có nhiều chuyển biến tích cực về số lượng và chất lượng, từng bước đáp ứng nhu cầu của cộng đồng và yêu cầu phát triển đô thị hiện đại.

5. Công trình kiến trúc tiêu biểu

Hiện nay, hệ thống các công trình kiến trúc tiêu biểu trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh phản ánh rõ nét quá trình phát triển kinh tế - xã hội, đô thị hóa và định hướng xây dựng hình ảnh một tỉnh năng động, hiện đại, gắn với bảo tồn các giá trị văn hóa - lịch sử và cảnh quan thiên nhiên đặc thù. Các công trình kiến trúc tiêu biểu được hình thành và phân bố tại hầu hết các đô thị, khu du lịch, khu hành chính - văn hóa, góp phần tạo điểm nhấn không gian, khẳng định bản sắc kiến trúc đô thị của tỉnh.

Nhóm công trình kiến trúc văn hóa, thể thao, dịch vụ công cộng hiện đại được đầu tư mạnh trong những năm gần đây, tạo dấu ấn rõ nét trong diện mạo đô thị. Các công trình như Nhà thi đấu thể thao tỉnh Bắc Ninh, Trung tâm văn hóa Kinh Bắc, Trung tâm văn hóa triển lãm được thiết kế theo phong cách kiến trúc hiện đại, sáng tạo, có tính biểu tượng cao, hài hòa với cảnh quan xung quanh. Những công trình này không chỉ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa, giáo dục, nghiên cứu của người dân mà còn trở thành điểm nhấn kiến trúc, góp phần định hình hình ảnh tỉnh Bắc Ninh.

Mục II

ĐÁNH GIÁ CÁC ĐIỀU KIỆN, TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP THÀNH PHỐ BẮC NINH TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

I- ĐIỀU KIỆN THÀNH LẬP THÀNH PHỐ BẮC NINH TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

1. Thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể là: Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội (sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội); Quy hoạch hệ thống đô thị nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 891/QĐ-TTg 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 368/QĐ-TTg 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ; điều chỉnh Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 612/QĐ-TTg 04/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1589/QĐ-TTg ngày 08/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ; Quy hoạch chung đô thị Bắc Ninh.

2. Thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương góp phần bảo đảm lợi ích chung của Quốc gia; hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của chính quyền địa phương 02 cấp; phát huy tiềm năng, lợi thế nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của địa phương, cụ thể là:

a) Bảo đảm lợi ích chung của Quốc gia: Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương (thứ 8) sẽ tạo thêm một "đầu tàu" kinh tế mạnh, đặc biệt trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, điện tử, đóng góp lớn cho ngân sách quốc gia; hỗ trợ vùng kinh tế trọng điểm, nâng cao năng lực cạnh tranh của vùng Bắc Bộ, kết nối đồng bộ hạ tầng giao thông và công nghiệp với Hà Nội, góp phần phát triển bền vững; nâng cao vị thế quốc tế, tăng cường sức hút đầu tư FDI (hiện đứng thứ hai cả nước) và thu hút các tập đoàn đa quốc gia, khẳng định vị thế công nghiệp của Việt Nam.

b) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước gắn với mô hình chính quyền đô thị): Mô hình quản trị hiện đại, chuyển đổi từ mô hình quản lý nông thôn sang đô thị thông minh, hiện đại, tăng cường trách nhiệm giải trình và đổi mới phương thức quản trị dựa trên dữ liệu, công nghệ; hoàn thiện chính quyền 2 cấp, xây dựng cấu trúc hành chính tối ưu (dự kiến thêm 22 phường, nâng tổng số lên 55 phường và 44 xã), giúp giải quyết nhanh, hiệu quả các vấn đề đô thị, hạ tầng và dân sinh; nâng cao năng lực quy hoạch, quản lý không gian, đất đai và tài sản công một cách tập trung, đồng bộ, tạo ra sự phát triển nhanh và bền vững.

c) Phát huy tiềm năng, lợi thế thúc đẩy kinh tế - xã hội: Thúc đẩy kinh tế công nghiệp, duy trì tốc độ tăng trưởng GRDP 11-12%/năm, nâng cao thu nhập bình quân đầu người, phát triển mạnh các khu công nghiệp hiện đại; phát huy "chất liệu mềm" văn hóa, kết hợp phát triển công nghiệp với bảo tồn và phát huy

giá trị văn hóa đặc sắc Kinh Bắc (quan họ, di sản UNESCO), tạo bản sắc đô thị độc đáo, văn minh; nâng cao chất lượng sống, nâng cao tiêu chí đô thị loại I, đô thị thông minh, cải thiện hạ tầng y tế, giáo dục, văn hóa, đáp ứng nhu cầu cao hơn của Nhân dân.

3. Thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương góp phần bảo đảm về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, cụ thể là:

a) Tăng cường tiềm lực QP-AN tại vị trí chiến lược: Bắc Ninh là cửa ngõ phía Đông Bắc của Thủ đô, việc lên thành phố trực thuộc Trung ương giúp quy hoạch QPAN đồng bộ, hiện đại, dễ dàng kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng - an ninh.

b) Nâng cao năng lực quản lý an ninh, trật tự đô thị: Với cơ cấu công nghiệp chiếm gần 70%, thu hút FDI lớn, việc quản lý đô thị trực thuộc Trung ương cho phép áp dụng các tiêu chuẩn an ninh cao cấp, bao gồm hạ tầng thông minh, quản lý dân cư chặt chẽ, và ứng phó nhanh với các sự cố an ninh trong khu, cụm công nghiệp.

c) Ổn định an toàn xã hội (ATXH): Phát triển đô thị bền vững, chú trọng nhà ở công nhân và hạ tầng xã hội sẽ giảm tải áp lực xã hội, hạn chế tranh chấp lao động và các tệ nạn, từ đó đảm bảo trật tự, an toàn cho khu vực đông dân cư.

d) Tạo vành đai an ninh vững chắc cho Thủ đô: Việc nâng cấp thành phố trực thuộc Trung ương giúp đồng bộ hóa các biện pháp an ninh với Hà Nội, góp phần xây dựng vùng Thủ đô an toàn, vững mạnh, "xanh, văn minh, hiện đại".

4. Thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương góp phần bảo đảm đoàn kết dân tộc, phù hợp với các yếu tố lịch sử, truyền thống văn hóa địa phương; tạo sự thuận tiện cho Nhân dân. Theo đó, lịch sử và văn hóa Bắc Ninh là sự hòa quyện giữa truyền thống văn hiến Kinh Bắc lâu đời, di sản văn hóa dân gian đặc sắc (đặc biệt là dân ca quan họ), tinh thần đấu tranh anh dũng chống ngoại xâm, cùng với hệ thống di tích tôn giáo - tín ngưỡng phong phú và sự phát triển của công nghiệp hiện đại, tạo nên nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm lợi ích quốc gia.

5. Thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương bảo đảm đạt các tiêu chuẩn theo quy định (đánh giá chi tiết tại khoản 2 dưới đây).

II- TIÊU CHUẨN THÀNH LẬP THÀNH PHỐ BẮC NINH TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Căn cứ các tiêu chuẩn của thành phố quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính, kết quả đánh giá so với hiện trạng tỉnh Bắc Ninh cụ thể như sau:

1. Tiêu chuẩn 1: Quy mô dân số

a) Quy định: Quy mô dân số từ 2.500.000 người trở lên.

b) Hiện trạng: Tỉnh Bắc Ninh có quy mô dân số là 3.989.623 người (*đạt 159,58% so với tiêu chuẩn*).

c) Đánh giá: **Đạt.**

2. Tiêu chuẩn 2: Diện tích tự nhiên

a) Quy định: Diện tích tự nhiên từ 2.500 km² trở lên.

b) Hiện trạng: Tỉnh Bắc Ninh hiện có 4.713,75 km² diện tích tự nhiên (*đạt 188,55% so với tiêu chuẩn*).

c) Đánh giá: **Đạt.**

3. Tiêu chuẩn 3: Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã

a) Quy định: Từ 30% trở lên.

b) Hiện trạng: Tỉnh Bắc Ninh hiện có 99 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 33 phường và 66 xã. Tỷ lệ số phường trên tổng số đơn vị hành chính cấp xã đạt 33,33%.

c) Đánh giá: **Đạt.**

4. Tiêu chuẩn 4: Tỷ lệ đô thị hóa

a) Quy định: Từ 45% trở lên.

b) Hiện trạng: Tỉnh Bắc Ninh có quy mô dân số là 3.989.623 người; quy mô dân số đô thị trong khu vực nội thành, nội thị theo phạm vi được xác nhận tại Quyết định công nhận loại đô thị trên địa bàn tỉnh hiện nay là 2.431.887 người, tỷ lệ 60,96%

c) Đánh giá: **Đạt.**

5. Tiêu chuẩn 5: Vị trí, chức năng được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng của cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp cấp quốc gia hoặc cấp vùng về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng hoặc cả nước

a) Hiện trạng: Được xác định trong quy hoạch hoặc định hướng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt là trung tâm tổng hợp cấp quốc gia hoặc cấp vùng về kinh tế, tài chính, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, du lịch, y tế, khoa học và công nghệ, đầu mối giao thông, giao lưu trong nước và quốc tế, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng hoặc của cả nước:

- Tỉnh Bắc Ninh là một trong những địa phương dẫn đầu cả nước về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), giữ vai trò là cực tăng trưởng quan trọng của vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Thủ đô Hà Nội có diện tích 4.713,75 km², chiếm 1,42% diện tích cả nước, đứng thứ 30/34 tỉnh thành trong cả nước; dân số trên 3,9 triệu người, chiếm khoảng 3,55% dân số cả nước và là tỉnh có dân số đứng thứ 14 cả nước.

Theo Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 và sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 252/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội, xác định: Phát triển vùng động lực phía Bắc bao gồm thành phố Hà Nội và các địa bàn gắn với các tuyến đường vành đai 4, vành đai 5, các trục Quốc lộ 5, Quốc lộ 18, các cao tốc Bắc - Nam phía Đông, cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, cao tốc Nội Bài - Lào Cai, cao tốc Hà Nội - Thái Nguyên qua thành phố Hải Phòng và các tỉnh Bắc Ninh, Thái Nguyên, Phú Thọ, Ninh Bình, Hưng Yên, Quảng Ninh; trong đó, thành phố Hà Nội là cực tăng trưởng. Trong giai đoạn sau năm 2030, nghiên cứu mở rộng phạm vi của vùng động lực. Trong cấu trúc phát triển đó, Bắc Ninh được xác định là trung tâm công nghiệp, logistics và đầu mối giao thông quan trọng, có vai trò thúc đẩy liên kết kinh tế và lan tỏa phát triển trong vùng.

Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn quốc gia, Bắc Ninh nằm trong vùng Thủ đô Hà Nội, được định hướng phát triển theo mô hình đô thị liên kết, chia sẻ và hỗ trợ chức năng phát triển với trung tâm vùng. Quy hoạch xác định việc hình thành các trục kết nối nhanh giữa Thủ đô Hà Nội với các đô thị lớn trong khu vực thông qua hệ thống đường Vành đai 4, Vành đai 5 các tuyến đường sắt đô thị, đường sắt kết nối sân bay và cảng logistics quốc tế, qua đó thúc đẩy liên kết vùng và lan tỏa phát triển kinh tế - xã hội trong toàn khu vực phía Bắc. Đặc biệt, đô thị sân bay Gia Bình được định hướng trở thành cửa ngõ hàng không quốc tế của vùng, gắn với hình thành các vành đai công nghiệp - đô thị - dịch vụ dọc theo các trục giao thông chiến lược.

Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 xác định là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng, là động lực phát triển hàng đầu, có vai trò dẫn dắt quá trình cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng của đất nước để tạo đột phá phát triển nhanh, bền vững. Trong cấu trúc phát triển đó, Bắc Ninh cùng với Thủ đô Hà Nội giữ vai trò hạt nhân hình thành các hành lang kinh tế - công nghiệp - đô thị - dịch vụ và đầu mối kết nối giao thương quốc tế của toàn vùng.

Với vị trí địa kinh tế chiến lược, hệ thống hạ tầng giao thông ngày càng hoàn thiện Bắc Ninh có nhiều điều kiện để đảm nhận vai trò trung tâm công nghiệp công nghệ cao, logistics, đổi mới sáng tạo, là cực tăng trưởng, đô thị vệ tinh, đầu mối liên kết chiến lược của vùng Đồng bằng sông Hồng.

- Điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của Bắc Ninh: Bắc Ninh là một trong những tỉnh có nền kinh tế phát triển từ sớm, kinh tế của Bắc Ninh đã và đang nắm giữ vai trò quan trọng trong nền kinh tế của cả nước, vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc. Tỉnh Bắc Ninh là một trong những địa phương có quy mô kinh tế lớn của cả nước, đạt trên 523.000 tỷ đồng, đứng thứ 5 cả nước và đứng thứ 3 vùng Đồng bằng sông Hồng, đóng góp 5,32% vào tăng trưởng của cả nước (sau thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và Đồng Nai); GRDP bình quân đầu người đạt 152,8 triệu đồng/người (tương đương hơn 5.852 USD), thu nhập bình quân đầu người năm 2025 đạt 72,07 triệu

đồng/người, đứng thứ 5 cả nước sau thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Hải Phòng và Đồng Nai. Thu ngân sách giai đoạn 2021-2025 trên 264.000 tỷ đồng.

Đặc biệt, Dự án Cảng hàng không quốc tế Gia Bình dự kiến hoàn thành giai đoạn đầu phục vụ APEC 2027 (trong cuối năm 2026 đầu năm 2027) với công suất dự kiến khoảng 30 triệu hành khách/năm và luân chuyển khoảng 1,6 triệu tấn hàng hóa, Bắc Ninh không chỉ là trung tâm giao thông mà còn là điểm đến hàng đầu của các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, Bắc Ninh còn là một trong những tỉnh phát triển công nghiệp hàng đầu của cả nước với 52 khu công nghiệp được quy hoạch với diện tích trên 15.000 ha, trong đó có 39 khu công nghiệp được chấp thuận chủ trương đầu tư, 23 khu công nghiệp đã đi vào hoạt động đã xây dựng cơ sở hạ tầng đồng bộ, thu hút trên 45 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào tỉnh Bắc Ninh với trên 2.200 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 52 tỷ USD và 1.600 dự án trong nước với tổng vốn đầu tư đăng ký là khoảng 13 tỷ USD.

- Với vai trò, vị trí và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội như trên, Bắc Ninh là một cực tăng trưởng quan trọng trong vùng Kinh tế trọng điểm phía Bắc, hội tụ đủ điều kiện là một trung tâm kinh tế, đầu mối giao thông chiến lược. Đã triển khai đầu tư, xây dựng một trong các khu chức năng hoặc thuộc khu chức năng vai trò cấp quốc gia, quốc tế. Trên địa bàn tỉnh có 03 khu chức năng cấp quốc tế, gồm:

(1) Cảng hàng không quốc tế Gia Bình là công trình trọng điểm quốc gia, được quy hoạch với quy mô cảng hàng không cấp 4F (theo ICAO) diện tích 1.960 ha, công suất thiết kế 30 triệu hành khách và 1,6 triệu tấn hàng hóa mỗi năm. Dự án được Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 256/2025/QH15 ngày 11/12/2025. Dự án được triển khai trên cơ sở cơ chế đặc thù tại Nghị quyết số 03/2025/NQ-CP ngày 14/8/2025 của Chính phủ với tổng mức đầu tư khoảng 196.378 tỷ đồng, các hạng mục đã được Bộ Công an phê duyệt triển khai tại Quyết định số 1523/QĐ-BCA-C06 ngày 26/3/2026. Khi hoàn thành, sân bay Gia Bình được định hướng là cảng hàng không quốc tế hiện đại hướng tới tiêu chuẩn 5 sao, đóng vai trò sân bay cửa ngõ thứ hai của Vùng Thủ đô Hà Nội và là động lực phát triển quan trọng đối với vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc. Sự hình thành của sân bay Gia Bình đang thúc đẩy mạnh mẽ quá trình phát triển các ngành logistics, thương mại quốc tế, dịch vụ tài chính và công nghiệp công nghệ cao của tỉnh.

(2) Trung tâm Logistics quốc tế Bắc Giang được quy hoạch là Trung tâm logistics hạng II quốc gia theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 03/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời được xác định trong Quy hoạch tỉnh Bắc Giang tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022. Dự án được UBND tỉnh Bắc Giang (nay là UBND tỉnh Bắc Ninh) phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 562/QĐ-UBND ngày 23/9/2016 với quy mô 67ha, tổng vốn đầu tư khoảng 4.200 tỷ đồng. Hiện nay, dự án đã cơ bản hoàn thành các hạng mục chính và từng bước đưa vào khai thác, trở thành trung tâm logistics hiện đại, giữ vai trò

quan trọng trong mạng lưới logistics quốc gia.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh còn có 04 khu chức năng cấp quốc gia như: Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore; Khu công nghiệp Quế Võ; Khu công nghiệp Thuận Thành; Khu du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử.

b) Đánh giá: **Đạt.**

6. Tiêu chuẩn 6: Đã được công nhận là đô thị loại I

a) Hiện trạng

Căn cứ quy định tại Điều 4, Điều 9 Nghị quyết số 111/2025/UBTVQH15 ngày 24/12/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, quy định: Đô thị loại I được phân loại trên cơ sở 03 nhóm tiêu chí với 15 tiêu chuẩn và phải đạt tối thiểu 12/15 tiêu chuẩn. Đối chiếu với hiện trạng của tỉnh Bắc Ninh, qua rà soát, đánh giá tỉnh Bắc Ninh đạt **13/15 tiêu chuẩn**, cụ thể như sau:

- *Tiêu chí 1:* Vị trí, vai trò, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội **đạt 6/6 tiêu chuẩn**, trong đó:

(1) Đã triển khai đầu tư, xây dựng một trong các khu chức năng hoặc thuộc khu chức năng vai trò cấp quốc gia, quốc tế: (1) Cảng hàng không quốc tế Gia Bình; (2) Trung tâm Logistics quốc tế Bắc Giang; (3) Khu công nghiệp Yên Phong; (4) Khu du lịch tâm linh - sinh thái Tây Yên Tử;

(2) Là trung tâm tổ chức ≥ 2 sự kiện quốc tế cấp khu vực trở lên bình quân 03 năm gần nhất: Trong 3 năm gần nhất: 2023-2025, tỉnh Bắc Ninh đã tổ chức nhiều sự kiện quốc tế tầm cỡ khu vực trở lên như: (1) Giải cầu lông quốc tế “Li-Ning Vietnam International Series 2024”; (2) Giải Cầu lông quốc tế “FELET Vietnam International Series 2025”; (3) Giải vô địch Judo Đông Nam Á 19 ngày 24/5/2026; (4) Giải cầu lông quốc tế Vietnam Series - 1 tháng 11/2026; (5) Lễ đón nhận bằng của Unesco ghi danh di sản nghề làm tranh dân gian Đông Hồ vào danh sách di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp; Công bố quần thể di tích và danh thắng Yên Tử - Vĩnh Nghiêm - Côn Sơn - Kiếp Bạc là di sản văn hóa thế giới và khai mạc festival về miền di sản Bắc Ninh năm 2026; (6) Chương trình “Ngày tìm hiểu về Việt Nam năm 2023” với chủ đề “Vẻ đẹp Bắc Ninh - Kinh Bắc” giới thiệu văn hóa đặc sắc tranh dân gian Đông Hồ, múa rối nước Đồng Ngự và Dân ca Quan họ.

(3) Thu hút đầu tư FDI thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố đứng đầu trong cả nước: Tỉnh Bắc Ninh thu hút FDI đứng thứ 2 cả nước;

(4) Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) trong 03 năm gần nhất đạt hoặc vượt tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP): Trong 3 năm 2023-2025, GRDP tỉnh Bắc Ninh đạt lần lượt: 104,98%; 110,4% và 110,27%. Trong 3 năm 2023-2025, GDP cả nước đạt lần lượt: 104,98%; 107,04% và 108,02%.

(5) Thuộc nhóm các địa phương không nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương: Thu ngân sách trên địa bàn tỉnh 123.604,21 tỷ đồng; chi và cơ cấu chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh 120.627,71 tỷ đồng. Tỉnh Bắc Ninh

thuộc nhóm địa phương tự cân đối ngân sách, không nhận trợ cấp cân đối từ ngân sách Trung ương.

(6) Thu nhập bình quân đầu người trên năm cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của cả nước trong 03 năm gần nhất: GRDP bình quân đầu người đạt 5.852 USD, gấp 1,16 lần bình quân cả nước. Giai đoạn 2023-2025, thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Bắc Ninh lần lượt là 59,05¹ - 66,44 - 72,24 triệu đồng/người/năm; bình quân đầu người của cả nước giai đoạn 2023-2025 là 59,53 - 64,98 - 72,06 triệu đồng/người/năm. Ước thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Bắc Ninh năm 2026 đạt 81,6 triệu đồng/người/năm, ước của cả nước là 80,4 triệu đồng/người/năm.

- *Tiêu chí 2: Mức độ đô thị hóa đạt 3/4 tiêu chuẩn*, trong đó:

+ Có 03 tiêu chuẩn đạt gồm: (1) Quy mô dân số $\geq 2.500.000$ người (tỉnh có 3.989.623 người; (2) Diện tích tự nhiên $\geq 2.500 \text{ km}^2$ (tỉnh có 4.713,75 km^2); (3) Tỷ lệ đô thị hóa $\geq 45\%$ Năm 2025, tỉnh Bắc Ninh có tổng quy mô dân số tại các đô thị loại II, loại III là 2.431.887 người người đạt tỷ lệ đô thị hóa là 60,96%, do đó tiêu chuẩn này đạt.

+ Còn 01 tiêu chuẩn chưa đạt: (4) Có 50% số phường trở lên trên tổng số phường đạt trình độ phát triển đô thị loại II: Theo Quyết định số 180/QĐ-UBND ngày 05/02/2026 của UBND tỉnh Bắc Ninh công bố danh mục đô thị loại II, loại III, phường đạt trình độ phát triển đô thị đối với đơn vị hành chính trong đô thị trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, theo đó: tỉnh Bắc Ninh có 11 phường đạt trình độ phát triển đô thị loại II, đạt tỷ lệ 33,33%.

- *Tiêu chí 3: Trình độ phát triển hạ tầng và tổ chức không gian đô thị đạt 4/5 tiêu chuẩn*, gồm:

(1) Có ≥ 02 đầu mối hạ tầng giao thông cấp khu vực và quốc tế, cửa ngõ chính, trung tâm kết nối vùng:

a) Hiện trạng: Tỉnh Bắc Ninh có 6 đầu mối: (1) Cảng hàng không quốc tế Gia Bình; (2) Trung tâm Logistics quốc tế Bắc Giang; (3) ICD Tân Cảng - Quế Võ; (4) Ga Kép - ga liên vận quốc tế; (5) Ga Hà Nội - Đồng Đăng; (6) Nút giao Quốc lộ 1A và Quốc lộ 18 (nút giao Khả Lễ).

** Về hạ tầng giao thông đối ngoại và liên kết vùng*

Bắc Ninh là một trong những địa phương có mạng lưới giao thông liên vùng phát triển mạnh của cả nước. Trên địa bàn tỉnh đã hình thành các trục giao thông quan trọng như Quốc lộ 1A, Quốc lộ 17, Quốc lộ 18, Quốc lộ 31, Quốc lộ 279, Quốc lộ 38, Quốc lộ 38B, đóng vai trò kết nối Bắc Ninh với Thủ đô Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Phòng, Thái Nguyên và khu vực cửa khẩu quốc tế Hữu Nghị, Tân Thanh, Móng Cái.

Đặc biệt, mạng lưới đường cao tốc liên vùng đang từng bước được hoàn

¹ Năm 2023, thu nhập bình quân đầu người của tỉnh đạt tỷ lệ 99,21% của cả nước, do tỉnh Bắc Giang là tâm dịch covid-19

thiện, tạo thành các hành lang phát triển kinh tế quan trọng của khu vực phía Bắc. Các tuyến cao tốc như Hà Nội - Lạng Sơn - Trung Quốc, Nội Bài - Hạ Long, Hà Nội - Thái Nguyên đang hình thành mạng lưới giao thông tốc độ cao kết nối Bắc Ninh với các trung tâm kinh tế lớn, các cảng biển quốc tế và các vùng kinh tế động lực của cả nước.

Bên cạnh đó, các tuyến Vành đai 3, Vành đai 4, Vành đai 5 của Vùng Thủ đô Hà Nội đã và đang được triển khai xây dựng theo tiêu chuẩn đường cao tốc, tạo điều kiện tăng cường liên kết giữa các đô thị, khu công nghiệp và các trung tâm logistics của toàn vùng.

Đặc biệt, Cảng hàng không quốc tế Gia Bình là công trình trọng điểm quốc gia, được quy hoạch với diện tích khoảng 1.960 ha, công suất thiết kế 30 triệu hành khách và 1,6 triệu tấn hàng hóa mỗi năm. Theo chỉ đạo của Chính phủ, giai đoạn 1 dự án đang được tập trung triển khai với mục tiêu hoàn thành và đưa vào khai thác cuối năm 2026 đầu năm 2027. Khi hoàn thành, sân bay Gia Bình được định hướng là cảng hàng không quốc tế hiện đại hướng tới tiêu chuẩn 5 sao, đóng vai trò sân bay cửa ngõ thứ hai của Vùng Thủ đô Hà Nội và là động lực phát triển quan trọng đối với vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc. Sự hình thành của sân bay Gia Bình đang thúc đẩy mạnh mẽ quá trình phát triển các ngành logistics, thương mại quốc tế, dịch vụ tài chính và công nghiệp công nghệ cao của tỉnh.

** Về hạ tầng đường sắt*

Tuyến đường sắt quốc tế Hà Nội - Đồng Đăng đi qua địa bàn tỉnh với chiều dài khoảng 70 km, đóng vai trò quan trọng trong vận tải hành khách và hàng hóa.

Trong thời gian tới, mạng lưới đường sắt của tỉnh sẽ tiếp tục được phát triển với nhiều tuyến quan trọng như đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Lạng Sơn, Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, Hà Nội - Quảng Ninh, đường sắt dọc Vành đai 4, qua đó tăng cường khả năng vận chuyển hàng hóa giữa các khu công nghiệp của Bắc Ninh với hệ thống cảng biển và cửa khẩu quốc tế.

Bên cạnh đó, các tuyến đường sắt đô thị và metro đang được nghiên cứu triển khai và Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, góp phần hình thành hệ thống giao thông công cộng khối lượng lớn kết nối trực tiếp giữa Thủ đô Hà Nội với các trung tâm kinh tế của tỉnh.

** Về hạ tầng giao thông đường thủy và logistics*

Bắc Ninh có hệ thống sông ngòi thuận lợi cho phát triển giao thông đường thủy nội địa với các tuyến sông chính như sông Thái Bình, sông Đuống, sông Thương, sông Lục Nam, sông Cà Lồ và sông Cầu. Trên địa bàn tỉnh hiện có 300 km luồng đường thủy nội địa quốc gia, 400 km luồng đường thủy nội địa cấp tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho vận tải hàng hóa và kết nối với hệ thống đường thủy của vùng Đồng bằng sông Hồng.

Song song với đó, tỉnh cũng đang định hướng phát triển mạng lưới cảng

cạn (ICD) và các trung tâm logistics đa phương thức, kết nối hiệu quả giữa đường bộ, đường sắt, cảng biển và sân bay Gia Bình.

b) Đánh giá: **Đạt.**

(2) Có giao thông vận tải hành khách công cộng bao phủ 100% đô thị loại II.

a) Hiện trạng: Toàn tỉnh hiện có 16 tuyến xe buýt với 260 điểm dừng đỗ xe buýt; có 03 bến xe khách liên tỉnh là: bến xe Bắc Giang, bến xe Bắc Ninh, bến xe Từ Sơn. Trung bình mỗi ngày có khoảng 820 lượt xe khách xuất bến; có 03 ga đường sắt: ga Bắc Giang, ga Bắc Ninh, ga Từ Sơn là một trong những ga hàng hóa và hành khách quan trọng trên tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng. Như vậy giao thông vận tải hành khách công cộng của tỉnh Bắc Ninh đã bao phủ 100% đô thị loại II, cụ thể:

Phạm vi đánh giá đô thị loại II trong đề án này là đô thị Bắc Giang, đô thị Kinh Bắc và đô thị Từ Sơn. Tại đô thị Bắc Giang, đô thị Kinh Bắc và đô thị Từ Sơn, mạng lưới xe buýt nội tỉnh và liên tỉnh phát triển, kết nối với Thủ đô Hà Nội và các địa phương trong tỉnh; đồng thời có ga Kép là ga liên vận quốc tế thuộc tuyến đường sắt quốc tế Hà Nội - Đồng Đăng, ga Bắc Ninh, ga Lim, ga Từ Sơn, ga Thị Cầu, ga Bắc Giang, ga Sen Hồ, ga phố Tráng và hệ thống bến xe liên tỉnh, góp phần đa dạng hóa loại hình vận tải hành khách công cộng.

Bên cạnh hệ thống vận tải hành khách bằng xe buýt và đường sắt hiện hữu, đô thị Bắc Giang, đô thị Kinh Bắc và đô thị Từ Sơn còn được hưởng lợi từ mạng lưới hạ tầng giao thông liên vùng và đối ngoại phát triển mạnh mẽ trên địa bàn tỉnh. Hệ thống các tuyến quốc lộ, đường tỉnh và cao tốc như Quốc lộ 1A, Quốc lộ 17, Quốc lộ 18, Quốc lộ 31, Quốc lộ 279, Quốc lộ 38, Quốc lộ 38B, tuyến cao tốc như Hà Nội - Lạng Sơn - Trung Quốc, Nội Bài - Hạ Long, Hà Nội - Thái Nguyên... tạo điều kiện thuận lợi để tổ chức các tuyến vận tải hành khách công cộng kết nối giữa các đô thị và các trung tâm kinh tế trong vùng. Đồng thời, tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng đi qua địa bàn tỉnh với chiều dài khoảng 70 km cùng các ga Bắc Ninh, ga Lim, ga Từ Sơn, ga Thị Cầu, ga Bắc Giang, ga Sen Hồ, ga phố Tráng đang khai thác vận tải hành khách liên tỉnh, góp phần nâng cao năng lực vận tải hành khách công cộng đa phương thức.

Trong thời gian tới, khi Cảng hàng không quốc tế Gia Bình đi vào hoạt động với quy mô 1.960 ha, công suất thiết kế khoảng 30 triệu hành khách mỗi năm, hệ thống vận tải hành khách công cộng của tỉnh sẽ tiếp tục được tăng cường thông qua việc hình thành các tuyến xe buýt, tuyến vận tải công cộng khối lượng lớn và các tuyến đường sắt, metro kết nối sân bay với đô thị Bắc Giang, Kinh Bắc, Từ Sơn, các đô thị khác trên địa bàn tỉnh và các trung tâm kinh tế của vùng. Việc hình thành đầu mối vận tải hàng không quốc tế sẽ góp phần hoàn thiện mạng lưới giao thông đa phương thức gồm đường bộ, đường sắt và hàng không, nâng cao khả năng kết nối liên vùng và quốc tế, đồng thời mở rộng phạm vi phục vụ của hệ thống vận tải hành khách công cộng trên địa bàn tỉnh.

Hệ thống giao thông vận tải hành khách công cộng tại Bắc Ninh chủ yếu dựa vào mạng lưới xe buýt nội tỉnh và liên tỉnh (kết nối Thủ đô Hà Nội, tỉnh Quảng Ninh, tỉnh Thái Nguyên, tỉnh Lạng Sơn, tỉnh Lào Cai), hoạt động từ 5:30 - 18:15 với tần suất 15-20 phút/chuyến. Hệ thống đang được quy hoạch nâng cao chất lượng, chú trọng phát triển phương tiện, phục vụ nhu cầu đi lại lớn của người dân.

Hệ thống vận tải hành khách công cộng của đô thị Bắc Giang, đô thị Kinh Bắc và đô thị Từ Sơn chủ yếu là hệ thống xe buýt, xe taxi và xe khách liên tỉnh cụ thể: hiện có 16 tuyến xe buýt với 260 điểm dừng đỗ xe buýt; có 03 bến xe khách liên tỉnh là: Bến xe Bắc Giang, Bến xe Bắc Ninh, Bến xe Từ Sơn. Trung bình mỗi ngày có khoảng 820 lượt xe khách xuất bến; có 03 ga đường sắt: ga Bắc Giang, ga Bắc Ninh, ga Từ Sơn là một trong những ga hàng hóa và hành khách quan trọng trên tuyến đường sắt Hà Nội - Đồng Đăng.

Đánh giá chung: Hiện nay, hệ thống giao thông công cộng đã phủ khắp đô thị loại II, người dân có thể dễ dàng tiếp cận với hệ thống giao thông công cộng.

b) Đánh giá: **Đạt.**

(3) Phát triển đô thị bền vững đạt một trong các tiêu chuẩn sau: đô thị thông minh mức độ 1 hoặc 50% số lượng đô thị loại II, loại III có năng lực chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu đạt mức khá trở lên;

a) Hiện trạng:

- Đô thị thông minh mức độ 1: Kết quả đạt 9/9 tiêu chuẩn: (1) Chiến lược, cơ chế, chính sách phát triển đô thị thông minh: Đồng bộ, kịp thời; (2) Hạ tầng số và hạ tầng công nghệ thông tin: Hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển; (3) Chính quyền số và dịch vụ công thông minh: Hoạt động hiệu quả; (4) Ứng dụng đô thị thông minh trong quản lý đô thị: Được triển khai rộng rãi; (5) Chuyển đổi số trong các lĩnh vực ưu tiên: Chuyển đổi số toàn diện; (6) Phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo: Dẫn đầu cả nước; (7) Phát triển nguồn nhân lực số và xã hội số: Triển khai sâu rộng; (8) An toàn, an ninh thông tin: Được bảo đảm; (9) Hiệu quả chuyển đổi số: Đạt kết quả tích cực.

- Các đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh đã được nâng cao; qua rà soát, các đô thị loại II, loại III đạt mức khá trở lên: đạt 5/5 tiêu chí: (1) Chính sách quản lý phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu: Đang tăng tốc chuyển đổi và hoàn thiện thể chế thích ứng với biến đổi khí hậu (2) Cơ sở hạ tầng đô thị trọng yếu thích ứng với biến đổi khí hậu: Hạ tầng trọng yếu từng bước nâng cao khả năng chống chịu và thích ứng; (3) Môi trường sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu: Phát huy hiệu quả các lợi thế sinh thái và định hướng phát triển xanh; (4) Năng lực xã hội thích ứng với biến đổi khí hậu: Năng lực cộng đồng và hệ thống xã hội được củng cố toàn diện; (5) Năng lực kinh tế, tài chính thích ứng với biến đổi khí hậu: Nguồn lực tài chính cơ bản bảo đảm cho các mục tiêu thích ứng dài hạn

Trong đó: Hệ thống đô thị (25 đô thị: 03 đô thị loại II, 22 đô thị loại III)

trên địa bàn tỉnh ít chịu ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, một số đô thị gắn liền với các khu vực sông và đồi núi có chịu tác động bởi biến đổi khí hậu với xu hướng gia tăng mưa lớn cục bộ và nguy cơ ngập úng, sạt lở. Trên cơ sở đó, tỉnh đã chủ động ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu, đồng thời triển khai các dự án và chương trình thích ứng biến đổi khí hậu, tập trung vào nâng cấp hệ thống thoát nước, nạo vét kênh rạch và xây dựng hồ điều hòa.

Việc đánh giá năng lực chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu của các đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo 04 nhóm tiêu chí chính.

+ Về hạ tầng kỹ thuật thích ứng, tỉnh đã tổ chức hệ thống thoát nước theo lưu vực, triển khai các dự án nạo vét suối, xây dựng hồ điều hòa, trạm bơm chống ngập, như tại đô thị Bắc Giang, Kinh Bắc, Từ Sơn với 09 lưu vực thoát nước và các hồ điều hòa lớn như hồ Quang Minh, hồ Cù Lạc, hồ công viên Hoàng Hoa Thám, hồ Thùng Đấu, hồ Đầm Sen, hồ Nguyên Phi Ỗ Lan, hồ trung tâm thành phố Bắc Ninh, hồ Văn Miếu và hồ Đồng Kỵ.

+ Về tổ chức không gian đô thị thích ứng, các nội dung bảo vệ hành lang thoát nước, tăng diện tích cây xanh và phát triển không gian mặt nước đã được lồng ghép trong các đồ án quy hoạch đô thị.

+ Về quản lý rủi ro thiên tai, tỉnh đã thiết lập hệ thống quan trắc khí tượng thủy văn và các điểm theo dõi mực nước trên các sông, hồ chính, phục vụ công tác cảnh báo sớm và ứng phó thiên tai.

+ Về quản trị đô thị và thích ứng, nội dung thích ứng biến đổi khí hậu đã được tích hợp trong quy hoạch và kế hoạch phát triển đô thị, đồng thời được cụ thể hóa bằng các chương trình và dự án đầu tư trung hạn.

Như vậy, mặc dù hiện trạng một số chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật còn hạn chế và tình trạng ngập úng và sạt lở cục bộ vẫn xảy ra tại một số khu vực, nhưng các đô thị loại II, loại III trên địa bàn tỉnh đã có hệ thống giải pháp tổng thể, đồng bộ cả về công trình và quản lý, từng bước nâng cao khả năng chống chịu và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Việc đánh giá các đô thị đạt mức khá được thực hiện trên cơ sở đánh giá tổng hợp theo 04 nhóm tiêu chí, không chỉ dựa trên một chỉ tiêu riêng lẻ, và phù hợp với nội dung quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 35/2026/NĐ-CP.

b) Đánh giá: **Đạt.**

(4) Có ≥ 05 công trình kiến trúc, khu nhà ở, khu đô thị đã được đầu tư xây dựng đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế;

a) Hiện trạng:

Trong những năm qua, cùng với quá trình phát triển đô thị và nâng cao chất lượng kiến trúc, trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đã hình thành nhiều dự án, công trình có giá trị kiến trúc, cảnh quan và công năng sử dụng cao, được các tổ chức chuyên môn trong nước và quốc tế ghi nhận, trao giải thưởng. Tính đến nay, tỉnh

Bắc Ninh có **05 công trình kiến trúc** tiêu biểu đã được đầu tư xây dựng và đạt các giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế, như: (1) Dự án Khu đô thị hỗn hợp, giải trí cao cấp tại khu đô thị phía Nam thành phố Bắc Giang: đã giành giải thưởng “Best Integrated Township Design 2023 - Khu đô thị tích hợp có thiết kế kiến trúc đẹp nhất Việt Nam năm 2023” của Dot Property Vietnam Awards. (2) Hội trường đa năng tỉnh Bắc Giang: Đã được Bộ trưởng Bộ Xây dựng chứng nhận đạt giải công trình chất lượng cao năm 2015. (3) Cung Văn hóa thiếu nhi tỉnh Bắc Giang. (4) Cung Triển lãm quy hoạch tỉnh Bắc Ninh. (5) Nhà hát dân ca Quan họ Bắc Ninh: Giải Bạc - Giải thưởng Kiến trúc quốc gia 2022-2023.

b) Đánh giá: **Đạt.**

(5) Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo giai đoạn gần nhất đã được cấp có thẩm quyền công nhận.

Sau khi Quốc hội ban hành Nghị quyết số 257/2025/NQ-QH15 ngày 11/12/2025, về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và PTKTXH vùng ĐBDTTS và miền núi; Thủ tướng ban hành Quyết định số 51/20225/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030; Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quyết định số 417/QĐ-BNNMT ngày 31/1/2026 về việc Phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và PTKTXH vùng ĐBDTTS và MN giai đoạn 2026-2035.

Để hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới tỉnh phải hoàn thành các chỉ tiêu sau:

- 100% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới (*đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030*).

- Ít nhất 10% số xã trên địa bàn đạt nông thôn mới hiện đại (*đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Quy định khung thí điểm xây dựng xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026 - 2030*).

- Hệ thống giao thông trên địa bàn tỉnh, thành phố đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm (*trong đó có ít nhất 70% số km đường tỉnh trên địa bàn được trồng cây xanh dọc tuyến đường*)

- Có đủ các loại hình thiết chế văn hóa cấp tỉnh

- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi; có ít nhất 80% số trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia; hoàn thành giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở; tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông đạt từ 50% trở lên.

- Hệ thống y tế cơ sở trên địa bàn tỉnh, thành phố đáp ứng nhu cầu phòng bệnh, khám chữa bệnh của người dân.

- Có đề án hoặc kế hoạch và chính sách hỗ trợ: phát triển OCOP; phát triển du lịch nông thôn trên địa bàn.

- 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- Tốc độ tăng trưởng bình quân của kinh tế tư nhân đạt từ 10%/năm trở lên.

- Khu xử lý chất thải rắn tập trung cấp tỉnh đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt từ 85% trở lên.

- An ninh, trật tự trên địa bàn toàn tỉnh, thành phố được bảo đảm.

*** Một số khó khăn vướng mắc**

- Kết quả xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 không được lũy kế cho giai đoạn 2026-2030.

- Để hoàn thành tiêu chí: “Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo giai đoạn và được cấp có thẩm quyền công nhận” 100% số xã phải được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2026-2030. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại Trung ương chưa ban hành đồng bộ hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG (lĩnh vực Nông thôn mới), chưa phân bổ nguồn vốn thực hiện Chương trình. Ngoài ra, những xã có điều kiện khó khăn đặc biệt vùng đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh có 15/28 xã chưa đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025, chiếm 53,6% dẫn đến việc hoàn thành mục tiêu xây dựng tỉnh Bắc Ninh đạt chuẩn nông thôn mới là hết sức khó khăn.

- Ngày 29/12/2025, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 tại Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg; tuy nhiên đến nay có 06 Bộ, ngành có văn bản hướng dẫn, còn 09 Bộ, ngành chưa có văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện nên địa phương chưa đủ cơ sở để rà soát, triển khai thực hiện.

- Nguồn lực thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030, hiện nay trung ương chưa phân bổ ngân sách nên việc triển khai thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2026-2030 còn chậm. Để hoàn thành nhiệm vụ hợp phần thứ nhất dự kiến 10.000 tỷ đồng, Hợp phần thứ hai dự kiến khoảng 25.000 tỷ đồng (*Chương trình CTr-TU, ngày 28/3/2026*). Tổng nguồn lực dự kiến là 35.000 tỷ đồng. Để hoàn thành mục tiêu năm 2027 do đó để xây dựng cần nguồn lực rất lớn trong khoảng thời gian ngắn.

b) Đánh giá: Chưa đạt.

7. Tiêu chuẩn 7: Cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội: Đạt 5/5 chỉ tiêu, bao gồm:

a) Chỉ tiêu 1: Cân đối ngân sách thuộc nhóm các địa phương không nhận bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương: Thu ngân sách trên địa bàn tỉnh 123.604,21 tỷ đồng; chi và cơ cấu chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh 120.627,71 tỷ đồng. Tỉnh Bắc Ninh thuộc nhóm địa phương tự cân đối ngân

sách, không nhận trợ cấp cân đối từ ngân sách Trung ương.

- Đánh giá: **Đạt.**

b) Chỉ tiêu 2: Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt từ 80% trở lên.

- Hiện trạng: Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, thuế sản phẩm trong tổng sản phẩm trên địa bàn của tỉnh Bắc Ninh đạt 93,48%.

- Đánh giá: **Đạt.**

c) Chỉ tiêu 3: Thu nhập bình quân đầu người trên năm cao hơn thu nhập bình quân đầu người trên năm của cả nước trong 03 năm gần nhất.

- Hiện trạng: Thu nhập bình quân đầu người trên năm của tỉnh Bắc Ninh trong năm 2023-2025 lần lượt là 59,05² - 66,44 - 72,24 triệu đồng/người/năm; bình quân đầu người của cả nước giai đoạn 2023-2025 là 59,53 - 64,98 - 72,06 triệu đồng/người/năm. Ước thu nhập bình quân đầu người của tỉnh Bắc Ninh năm 2026 đạt 81,6 triệu đồng/người/năm, ước của cả nước là 80,4 triệu đồng/người/năm.

- Đánh giá: **Đạt.**

d) Chỉ tiêu 4: Tốc độ tăng trưởng GRDP trong 03 năm gần nhất đạt hoặc vượt tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP).

Giai đoạn 2021-2025, nền kinh tế thế giới, khu vực và cả nước, trong đó có Bắc Ninh chịu ảnh hưởng tác động nặng nề của đại dịch Covid -19, tác động của cuộc xung đột tại Ukraine và sự cạnh tranh giữa các nước lớn, áp lực lạm phát, tỷ giá, chi phí sản xuất kinh doanh gia tăng; nhu cầu các thị trường xuất khẩu truyền thống thu hẹp; thu hút đầu tư trong nước, đầu tư nước ngoài và đăng ký thành lập mới doanh nghiệp giảm so với giai đoạn trước; tiến độ giải ngân vốn đầu tư công chậm. Những yếu tố trên đã tác động mạnh mẽ đến tăng trưởng, phát triển kinh tế của tỉnh, dự ước tổng sản phẩm quốc nội (GRDP) trên địa bàn tỉnh bình quân giai đoạn 2021-2025 ước đạt 8,92%/năm, trong nhóm 5 tỉnh, thành phố đứng đầu cả nước, đứng thứ 5 Vùng Đồng bằng sông Hồng.

Mức tăng trưởng GRDP 10,27% năm 2025 là mức tăng trưởng vô cùng ấn tượng, thể hiện rõ sự phục hồi mạnh mẽ và bứt phá của nền kinh tế sau giai đoạn khó khăn, khẳng định hiệu quả của công tác chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị; niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân.

Kết quả tăng trưởng năm 2025 của các ngành, lĩnh vực chủ yếu tiếp tục tăng trưởng tốt, trong đó lĩnh vực công nghiệp - xây dựng tăng trưởng 12,90%; lĩnh vực dịch vụ tăng trưởng 8,90% và lĩnh vực nông, lâm, thủy sản tăng trưởng 3,0%.

Cơ cấu kinh tế của tỉnh tiếp tục chuyển dịch mạnh theo hướng công nghiệp

² Năm 2023, thu nhập bình quân đầu người của tỉnh đạt tỷ lệ 99,21% của cả nước, do tỉnh Bắc Giang là tâm dịch covid-19

hóa, hiện đại hóa, trong đó khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 76% GRDP, giữ vai trò chủ đạo; khu vực dịch vụ chiếm 22%, từng bước phát triển theo hướng chất lượng cao và ngày càng giữ vai trò quan trọng hơn, tương xứng với tốc độ phát triển công nghiệp và đô thị hóa; khu vực nông, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 2%, đang chuyển đổi theo mô hình nông nghiệp công nghệ cao và sản xuất quy mô lớn. GRDP bình quân đầu người năm 2025 đạt khoảng 150 triệu đồng/người, phản ánh mức phát triển kinh tế tương đối cao so với mặt bằng chung của cả nước.

Quy mô kinh tế lớn cùng cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng hiện đại đã tạo nền tảng vững chắc để Bắc Ninh phát triển trở thành một đô thị lớn, trung tâm công nghiệp - dịch vụ, logistics và đầu mối giao thông quan trọng của khu vực phía Bắc, đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định về tốc độ phát triển kinh tế của đô thị loại I để hình thành thành phố.

Giai đoạn 2023 - 2025, tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân hàng năm của tỉnh Bắc Ninh năm 2023, 2024 và 2025 lần lượt là 100,98%, 114,77% và 110,27%; cao hơn tốc độ tăng tổng sản phẩm trong nước (GDP) cả nước năm 2024 và 2025 là: 107,09% và 108,02%; dự kiến năm 2026 tỉnh Bắc Ninh tăng trưởng 12,5% cao hơn tốc độ tăng GDP cả nước (10%) - riêng Quý I/2026 tốc độ tăng trưởng GRDP của tỉnh đạt 9,82% cao hơn tốc độ tăng GDP cả nước 7,83%.

- Đánh giá: **Đạt.**

đ) Chỉ tiêu 5: Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều) thấp hơn tỷ lệ hộ nghèo của cả nước trong 03 năm gần nhất.

- Hiện trạng: Giai đoạn 2023 - 2025, tỷ lệ hộ nghèo của tỉnh Bắc Ninh (năm 2023 là 1,81%, năm 2024 là 0,97%, năm 2025 là 0,56%) thấp hơn so với tỷ lệ hộ nghèo của cả nước (năm 2023 là 2,93%, năm 2024 là 1,93%, năm 2025 là 1,30%).

- Đánh giá: **Đạt.**

ĐÁNH GIÁ CHUNG:

Tỉnh Bắc Ninh đạt 7/7 tiêu chuẩn của thành phố trực thuộc Trung ương, trong đó, địa phương đã hội tụ đủ các điều kiện thực tế của đô thị loại I và đang trong quy trình hoàn thiện thủ tục trình cấp có thẩm quyền công nhận.

PHẦN THỨ BA
PHƯƠNG ÁN THÀNH LẬP THÀNH PHỐ BẮC NINH
TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

1. Hiện trạng tỉnh Bắc Ninh

a) Tỉnh Bắc Ninh có diện tích tự nhiên là 4.713,75 km²; quy mô dân số là 3.989.623 người; có 99 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 33 phường và 66 xã.

b) Địa giới hành chính tỉnh Bắc Ninh:

Phía Đông giáp các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn; phía Tây giáp Thành phố Hà Nội; phía Nam giáp thành phố Hải Phòng và tỉnh Hưng Yên; phía Bắc giáp các tỉnh Lạng Sơn, Thái Nguyên.

2. Phương án thành lập

a) Thành lập thành phố Bắc Ninh

Thành phố Bắc Ninh trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ địa giới đơn vị hành chính tỉnh Bắc Ninh với 4.713,75 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số là 3.989.623 người.

b) Thành lập các phường thuộc thành phố Bắc Ninh

Dự kiến thành lập 12 phường trực thuộc thành phố Bắc Ninh (*chi tiết có Đề án riêng*).

3. Kết quả sau khi thành lập

a) Thành phố Bắc Ninh có diện tích tự nhiên là 4.713,75 km²; quy mô dân số là 3.989.623 người; có 99 đơn vị hành chính cấp xã, gồm: 45 phường và 54 xã.

b) Địa giới hành chính thành phố Bắc Ninh:

Phía Đông giáp các tỉnh Quảng Ninh, Lạng Sơn; phía Tây giáp Thành phố Hà Nội; phía Nam giáp thành phố Hải Phòng và tỉnh Hưng Yên; phía Bắc giáp các tỉnh Lạng Sơn, Thái Nguyên.

PHẦN THỨ TƯ

ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

I- ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG

1. Tác động về kinh tế - xã hội

1.1. Tác động tích cực

Việc thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương sẽ là bước đột phá để phát triển kinh tế - xã hội, phát huy các tiềm năng và lợi thế sẵn có, thực hiện vai trò là cửa ngõ, trung tâm kinh tế, văn hóa lớn ở phía Đông Bắc của vùng Thủ đô Hà Nội. Là một bước chuyển dịch mang tính thời đại, đây không chỉ là sự thay đổi về quy mô hành chính mà là sự xác lập một hệ sinh thái kinh tế đô thị tích hợp giữ vai trò đi đầu trong phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kinh tế số, xã hội số; trung tâm kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo của quốc gia. Trong đó Bắc Ninh được xác định là trung tâm công nghiệp, logistics cùng với Thủ đô Hà Nội giữ vai trò hạt nhân hình thành các hành lang kinh tế - công nghiệp - đô thị - dịch vụ và đầu mối kết nối giao thương quốc tế của toàn vùng.

Các nguồn vốn sẽ được huy động, tập trung đầu tư cho các hạng mục trong quy hoạch, ưu tiên cho các dự án về hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật. Đối tượng thụ hưởng đầu tiên chính là người dân tại khu vực quy hoạch, môi trường đô thị hiện đại, văn minh, tiện ích sẽ góp phần thay đổi tích cực lối sống của người dân. Các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh sản xuất, dịch vụ xoay quanh và phục vụ các khu đô thị sẽ góp phần giải quyết công ăn việc làm, thu hút lượng lớn lao động tại địa phương, các vùng lân cận và lao động có trình độ từ các tỉnh khác, tăng nguồn thu nhập cho người dân. Cơ cấu nền kinh tế của thành phố sẽ chuyển biến ngày càng tích cực, tốc độ tăng trưởng cao, đặc biệt là các nhóm ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Người dân được nâng cao đời sống cả vật chất và tinh thần.

Bắc Ninh hiện đang là "công xưởng" của Việt Nam và thế giới với kim ngạch xuất khẩu luôn nằm trong top đầu cả nước. Tuy nhiên, giá trị gia tăng thực chất giữ lại tại địa phương còn thấp do tỷ lệ nội địa hóa chưa cao. Khi lên thành phố trực thuộc Trung ương, Bắc Ninh sẽ được hưởng các cơ chế đặc thù để hình thành các cụm liên kết ngành. Thay vì chỉ thu hút các nhà máy lắp ráp, thành phố sẽ chuyển trọng tâm sang thu hút các doanh nghiệp "đầu não" trong lĩnh vực thiết kế vi mạch, bán dẫn và trí tuệ nhân tạo (AI). Việc hình thành các phường đặc biệt, khu thương mại tự do sẽ tạo ra lực hút đối với các quỹ đầu tư mạo hiểm và các trung tâm nghiên cứu và phát triển. Điều này giúp Bắc Ninh không chỉ sản xuất sản phẩm cho các tập đoàn toàn cầu mà bắt đầu làm chủ quy trình thiết kế, từ đó nâng mức đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp vào tăng trưởng GRDP lên mức rất cao.

Thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương giúp mở rộng không gian phát triển, tạo điều kiện thuận lợi để khai thác tiềm năng, lợi thế về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, lịch sử, văn hóa, xã hội, nguồn nhân lực của tỉnh; là cú hích lớn đối với sự phát triển kinh tế dịch vụ đô thị và tài chính quốc tế. Các khu đô thị hiện đại sẽ kéo theo sự xuất hiện của các trung tâm thương mại hạng cao cấp, các chuỗi khách sạn 5-6 sao phục vụ giới chuyên gia; khai thác tối đa giá trị văn hóa Kinh Bắc (Dân ca quan họ, các làng nghề) dưới góc độ kinh tế đô thị. Du khách không chỉ đến thăm quan du lịch mà sẽ lưu trú lại để trải nghiệm các show diễn nghệ thuật công nghệ cao, tiêu dùng dịch vụ nghỉ dưỡng cao cấp.

Thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương sẽ giúp nâng cấp chất lượng nguồn nhân lực và thay đổi cấu trúc xã hội tạo ra một cuộc “đi cư ngược” của trí thức. Bắc Ninh sẽ trở thành đối trọng trực tiếp với Hà Nội trong việc thu hút các chuyên gia hàng đầu, các lực lượng lao động tri thức cao. Khi môi trường sống (hạ tầng, giáo dục, y tế) đạt chuẩn trung ương, các gia đình trẻ trí thức sẽ chọn Bắc Ninh làm nơi định cư, giúp hình thành nên một đội ngũ lao động sáng tạo - là động lực chính của nền kinh tế tri thức. Bên cạnh đó, quá trình đô thị hóa buộc người lao động phổ thông phải tự nâng cấp kỹ năng để thích nghi với môi trường làm việc chuyên nghiệp, từ đó thay đổi tư duy từ sản xuất nông nghiệp manh mún sang tác phong công nghiệp và dịch vụ hiện đại.

1.2. Tác động tiêu cực

Sự phát triển nóng của nền kinh tế, quá trình đô thị hoá cao thường kéo theo giá cả hàng hóa và dịch vụ tăng cao, gia tăng lạm phát và đẩy thị trường bất động sản tăng cao gấp nhiều lần giá trị thực tế; nhiều vấn đề bất cập mới nảy sinh như: tình trạng gia tăng dân số, lao động, việc làm, chuyển dịch cơ cấu, thành phần dân cư; cấp giấy phép xây dựng, giấy phép kinh doanh, đặc biệt là quản lý quy hoạch, quản lý sử dụng tài nguyên đất, quản lý kiến trúc cảnh quan và môi trường đô thị; trật tự, an toàn, tệ nạn xã hội, quốc phòng, an ninh.

Tốc độ đô thị hóa quá nhanh có nguy cơ làm biến mất cảnh quan tự nhiên, hệ thống ao hồ và gia tăng ô nhiễm bụi, khí thải. Bên cạnh đó, thói quen sinh hoạt truyền thống với lối sống đô thị hiện đại dễ tạo ra những xung đột trong quản lý cộng đồng và văn minh công cộng. Điều này đòi hỏi tỉnh không chỉ tập trung đầu tư hạ tầng kỹ thuật mà còn phải bồi đắp văn hóa đô thị, giúp người dân kịp thời thích nghi với diện mạo mới.

1.3. Giải pháp

Việc tổ chức thực hiện cần tập trung vận dụng đồng bộ các giải pháp về cơ chế, chính sách nhằm phát huy cao nhất tiềm năng và nguồn lực của thành phố và của Trung ương cho đầu tư phát triển. Tập trung phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) thông qua các chính sách khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và tháo gỡ khó khăn về thủ tục đầu tư. Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo điều kiện phát

triển doanh nghiệp, mở rộng thị trường, hỗ trợ tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các doanh nghiệp đã được cấp phép đầu tư, đẩy nhanh tiến độ xây dựng để đưa vào hoạt động.

Để quản trị hiệu quả tiến trình phát triển, cần triển khai đồng bộ nhóm giải pháp bắt đầu từ việc công khai minh bạch thông tin quy hoạch và tiến độ các dự án bất động sản nhằm ngăn chặn hiện tượng thổi giá, đồng thời ưu tiên vốn cho hạ tầng giao thông liên vùng và các công nghệ kỹ thuật thông minh như chiếu sáng LED, xử lý rác thải hiện đại.

Song song đó, tỉnh cần xây dựng mạng lưới an sinh đa tầng để mọi người dân đều tiếp cận được dịch vụ y tế, giáo dục tiêu chuẩn, đặc biệt chú trọng chính sách đào tạo lại nghề cho lao động nông nghiệp sang lĩnh vực kinh tế số và dịch vụ đô thị chất lượng cao.

Cuối cùng, việc đẩy mạnh chính quyền số và thực hiện chuyển đổi giấy tờ, địa chỉ cho người dân, doanh nghiệp một cách nhanh chóng, miễn phí sẽ là nhân tố quyết định để ổn định đời sống, lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo cao nhất cho hiệu quả quản trị đô thị trong vị thế mới.

2. Tác động về hoạt động quản lý Nhà nước

2.1. Tác động tích cực

Việc thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương là cơ sở để kiện toàn đội ngũ lãnh đạo các cấp, các đơn vị, nâng cao năng lực quản lý, chỉ đạo, điều hành tiến tới tiêu chuẩn hóa các chức vụ lãnh đạo; đổi mới các khâu công tác cán bộ như đánh giá, quy hoạch; đào tạo, bồi dưỡng; bổ nhiệm, miễn nhiệm; điều động, luân chuyển cán bộ; tăng cường công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ; hoàn thiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuẩn hóa 100% thủ tục hành chính và vận hành ổn định mô hình chính quyền điện tử liên thông. Việc sử dụng các nền tảng như Cổng dịch vụ công quốc gia và hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính giúp tăng tính minh bạch, giảm chi phí thời gian cho người dân và doanh nghiệp. Mô hình IOC (Trung tâm điều hành thông minh) giúp lãnh đạo có cái nhìn toàn cảnh dựa trên dữ liệu thời gian thực, hỗ trợ ra quyết định chính xác và kịp thời trong quản lý trật tự xây dựng, đất đai và an ninh đô thị.

Thành lập thành phố Bắc Ninh trên cơ sở nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số tỉnh Bắc Ninh, do vậy tổ chức bộ máy của các cấp ủy Đảng, chính quyền được giữ nguyên và ổn định, không làm tăng biên chế. Đồng thời, hoạt động điều hành của chính quyền được tăng cường, công tác cải cách hành chính được đẩy mạnh, chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được nâng cao hơn nữa trong quá trình đô thị hóa đang diễn ra mạnh mẽ.

Chính quyền đô thị trực thuộc Trung ương có thẩm quyền và nguồn lực mạnh mẽ hơn trong việc thực thi quy hoạch tổng thể, đảm bảo sự đồng bộ

giữa hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Việc đơn giản hóa các thủ tục hành chính thông qua cơ chế một cửa điện tử giúp giải quyết nhanh gọn các yêu cầu về đất đai, từ đó giảm áp lực cho bộ máy hành chính và tăng niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp.

2.2. Tác động tiêu cực

Quá trình đô thị hóa nhanh chóng dẫn đến sự gia tăng mạnh mẽ các giao dịch về đất đai, hộ tịch và đăng ký kinh doanh,... Việc thành lập thành phố và thay đổi tên gọi các đơn vị hành chính trực thuộc gây áp lực lớn cho công tác cập nhật nền thông tin cư trú, thay đổi địa chỉ liên lạc và các loại giấy tờ tùy thân của người dân và doanh nghiệp...

Khi mức độ kết nối số hóa tăng cao (IoT, 5G), chính quyền phải đối mặt với rủi ro về tấn công mạng, mất an toàn thông tin và lộ lọt dữ liệu quy mô lớn. Việc bảo vệ quyền riêng tư của công dân trong một đô thị thông minh là bài toán quản lý vô cùng phức tạp.

Tốc độ phát triển công nghệ quá nhanh đòi hỏi nguồn ngân sách khổng lồ để liên tục cập nhật, nâng cấp hệ thống hạ tầng số. Nếu không có chiến lược đầu tư dài hạn, thành phố dễ rơi vào tình trạng "lạc hậu công nghệ" ngay khi vừa hoàn thành đầu tư.

2.3. Giải pháp

Tập trung xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, thường xuyên kiện toàn đội ngũ cán bộ, công chức cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội. Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức về chuyên môn để đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới, phù hợp với chức năng, mô hình đô thị sau khi thành lập; Lấy sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp làm thước đo chính để đánh giá hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước.

Chính quyền cần chủ động triển khai các tổ công tác lưu động, hỗ trợ người dân thay đổi các loại giấy tờ liên quan đến nhân thân và sản xuất kinh doanh một cách nhanh chóng, thuận tiện và không thu phí.

Công khai thông tin về quy hoạch đất đai, tiến độ dự án để ngăn chặn hiện tượng đầu cơ, thổi giá đất, đảm bảo môi trường đầu tư lành mạnh và minh bạch.

3. Tác động đến đời sống nhân dân

3.1. Tác động tích cực

Việc thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương không chỉ là một bước đi về địa chính trị mà mục tiêu cốt lõi là nâng cao chất lượng cuộc sống cho trên 3,9 triệu dân (tính cả lao động nhập cư). Tác động này mang tính đa chiều, từ thu nhập vật chất đến thụ hưởng văn hóa và tâm thế của một công dân đô thị loại đặc biệt.

Với vị thế Thành phố trực thuộc Trung ương, sự đổ bộ của các tập đoàn

công nghệ cao (bán dẫn, AI) và các trung tâm tài chính sẽ thay đổi cấu trúc thị trường lao động. Người dân Bắc Ninh sẽ không chỉ làm việc trong các dây chuyền lắp ráp mà chuyển sang các phân khúc có giá trị gia tăng cao hơn như quản lý, kỹ thuật chuyên sâu và dịch vụ thương mại giúp người dân bứt phá về thu nhập và cơ hội nghề nghiệp đa dạng, dự kiến tăng gấp 1,5 - 2 lần so với hiện nay thông qua việc chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang dịch vụ và công nghiệp công nghệ cao.

Hệ thống y tế sẽ được đầu tư theo mô hình "Y tế thông minh". Người dân được tiếp cận với các bệnh viện tuyến Trung ương đặt cơ sở tại địa phương với thiết bị hiện đại mà không cần di chuyển về Hà Nội. Hệ thống giáo dục sẽ phát triển theo hướng chuẩn hóa quốc tế, đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực cho các khu công nghiệp 4.0. Hạ tầng tiện ích giúp người dân nông thôn cũ được tiếp cận 100% nước sạch tiêu chuẩn, hệ thống chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh và các không gian công cộng quy hoạch bài bản.

Các giá trị văn hóa (Dân ca Quan họ, làng nghề...) được bảo tồn bằng nguồn lực ngân sách dồi dào hơn. Người dân vừa là chủ thể bảo tồn, vừa là đối tượng hưởng lợi từ các mô hình "Du lịch văn hóa cộng đồng", giúp tăng niềm tự hào dân tộc và lòng yêu quê hương.

3.2. Tác động tiêu cực

Thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương sau khi được thành lập, người dân trên địa bàn sẽ mất khoảng thời gian để thay đổi lại giấy tờ tùy thân, địa chỉ liên lạc cho phù hợp. Quá trình đô thị hóa sẽ làm nảy sinh các vấn đề về môi trường như tăng lượng khí thải, nước thải,... gây nên những ảnh hưởng đáng kể đến môi trường và tài nguyên thiên nhiên, sự cân bằng sinh thái; tài nguyên đất bị khai thác triệt để phục vụ xây dựng đô thị, làm giảm diện tích cây xanh và nước mặt, gây ra ngập úng.

Sự gia tăng giá cả hàng hóa, dịch vụ và đặc biệt là giá bất động sản. Điều này gây khó khăn trực tiếp cho người lao động có thu nhập thấp, người già và nhóm đối tượng yếu thế không có khả năng kinh doanh hoặc sở hữu đất đai. Nguy cơ "đứt gãy" khả năng sở hữu nhà ở của thế hệ trẻ bản địa do giá đất bị đẩy lên quá cao bởi các đợt sóng đầu cơ quy hoạch.

Quá trình đô thị hóa nhanh chóng khiến các làng quê cổ truyền nhanh chóng biến thành "làng trong phố". Sự thay đổi này dễ dẫn đến việc mai một các giá trị dòng họ, làng giềng truyền thống, thay vào đó là lối sống đô thị cá nhân hóa, đôi khi gây ra sự trống vắng về mặt tinh thần cho thế hệ người cao tuổi.

Sự gia tăng đột biến của lượng lao động nhập cư tạo áp lực lên trật tự an ninh, vệ sinh môi trường tại các khu dân cư hiện hữu, dẫn đến tình trạng quá tải cục bộ tại các trường học và trạm y tế.

3.3. Giải pháp

Chính quyền các cấp cần chủ động triển khai và tạo điều kiện thuận lợi cho

người dân trong việc thực hiện thủ tục chuyển đổi các loại giấy tờ liên quan đến nhân thân hoặc liên quan đến các hoạt động sản xuất, kinh doanh và không thu các loại phí, lệ phí khi thực hiện việc chuyển đổi. Bố trí cán bộ, công chức có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực, phẩm chất đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quản lý của chính quyền đô thị. Tăng cường tập huấn nâng cao kiến thức quản lý thị trường, quản lý tài nguyên - môi trường, quản lý trật tự xây dựng đô thị, giúp đội ngũ cán bộ cơ sở làm công tác quản lý nắm vững về các quy trình, thủ tục hành chính, góp phần nâng cao năng lực chuyên môn trong xử lý công việc được giao.

Bắc Ninh cần tiên phong thực hiện đề án "Nhà ở cho công nhân và người thu nhập thấp" quy mô lớn, tích hợp đầy đủ hạ tầng thiết yếu (nhà trẻ, chợ, khu vui chơi) để đảm bảo ổn định đời sống cho lực lượng lao động nhập cư và người dân mất đất. Áp dụng các mức trợ cấp an sinh xã hội cao hơn mức sàn chung của cả nước dựa trên nguồn thu ngân sách dồi dào của Thành phố trực thuộc Trung ương.

Xây dựng các chương trình đào tạo nghề phi nông nghiệp ngay tại địa phương. Đặc biệt, hỗ trợ người dân chuyển sang kinh doanh dịch vụ, du lịch làng nghề hoặc tham gia vào chuỗi cung ứng dịch vụ đô thị thông minh.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về xây dựng, môi trường trên địa bàn; nhất là công tác quản lý vệ sinh môi trường và trật tự xây dựng đô thị; kịp thời phát hiện vi phạm, kiên quyết xử lý đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm.

Ban hành kế hoạch bảo tồn, phục dựng các di tích lịch sử và phát huy giá trị các di sản văn hóa phi vật thể nổi tiếng.

4. Tác động về vốn đầu tư

4.1. Tác động tích cực

Việc nâng tầm vị thế hành chính lên Thành phố trực thuộc Trung ương không đơn thuần là thay đổi danh xưng mà là bước chuyển dịch 'về chất' mang tính chiến lược trong thu hút đầu tư. Bắc Ninh đang khẳng định lợi thế cạnh tranh mới dựa trên đẳng cấp đô thị và sự ổn định chính trị, thay thế cho các lợi thế truyền thống dân báo hòa như quỹ đất hay nhân công giá rẻ. Đây chính là lời cam kết mạnh mẽ nhất về một hệ sinh thái quản trị hiện đại, biến tỉnh thành thời nam châm thu hút các dòng vốn FDI tinh hoa trong lĩnh vực bán dẫn và công nghệ cao - nơi các tập đoàn đa quốc gia không chỉ tìm kiếm hạ tầng sản xuất mà còn đòi hỏi một môi trường sống tiêu chuẩn quốc tế để giữ chân đội ngũ chuyên gia toàn cầu.

Song hành cùng làn sóng ngoại lực, sự chuyển mình này còn kích hoạt mạnh mẽ nội lực từ các tập đoàn kinh tế lớn trong nước. Việc chủ động đổ vốn vào hệ thống logistics chất lượng cao, dịch vụ thương mại và bất động sản cao cấp không chỉ giúp đón đầu nhu cầu của một đô thị trung ương mà còn tạo ra cấu trúc vốn cân bằng, giảm thiểu sự phụ thuộc quá lớn vào khối ngoại. Chính sự cộng hưởng chặt chẽ giữa dòng vốn công nghệ quốc tế và sự nhạy bén của doanh nghiệp nội địa sẽ

là đòn bẩy kép, đưa tổng vốn đầu tư tăng trưởng đột phá và khẳng định vững chắc vị thế của Bắc Ninh trong nhóm dẫn đầu kinh tế cả nước.

4.2. Tác động tiêu cực

Việc nâng tầm vị thế hành chính cũng đặt Bắc Ninh trước những thách thức tài chính và quản trị hệ trọng. Để hấp thụ được các nguồn vốn lớn từ Trung ương và quốc tế, tỉnh buộc phải đối mặt với bài toán vốn đối ứng khổng lồ dành cho giải phóng mặt bằng và phát triển hạ tầng khung. Nếu không có một chiến lược quản trị rủi ro chặt chẽ, việc lạm dụng đòn bẩy tài chính sẽ tạo áp lực nặng nề lên nợ công và gây mất cân đối ngân sách trong dài hạn. Bên cạnh đó, khi chi phí đầu vào như đất đai và nhân công tăng cao theo vị thế đô thị, Bắc Ninh đứng trước nhiều rủi ro nếu không cải thiện được chất lượng quản trị và giảm thiểu chi phí tuân thủ. Nếu không tạo ra sự khác biệt về môi trường kinh doanh, dòng vốn FDI có thể tháo chạy sang các địa phương lân cận có chi phí rẻ hơn. Đáng ngại hơn, tình trạng đầu cơ bất động sản, "gom đất" tạo ra các khu đô thị không nhân bản sẽ chôn vùi nguồn lực xã hội vào những tài sản chết, thay vì dẫn truyền dòng vốn vào các hoạt động sản xuất kinh doanh cốt lõi để tạo ra giá trị gia tăng thực tế.

4.3. Giải pháp

Để hiện thực hóa mục tiêu nâng tầm vị thế, Bắc Ninh cần triển khai đồng bộ nhóm giải pháp đột phá, bắt đầu từ việc khơi thông nguồn lực xã hội thông qua cải cách hành chính mạnh mẽ. Trọng tâm là đơn giản hóa các thủ tục đất đai, đầu tư và xây dựng theo hướng minh bạch, thuận tiện, tạo niềm tin tuyệt đối để huy động tối đa nguồn vốn từ người dân và doanh nghiệp. Trong quản trị tài chính, tỉnh cần nâng cao hiệu quả điều hành ngân sách, thực hiện chiến lược 'lấy đầu tư công dẫn dắt đầu tư thông qua các mô hình hợp tác công - tư (PPP). Nguồn lực công sẽ được tập trung vào các công trình hạ tầng giao thông quy mô lớn, mang tính kết nối liên vùng và quốc tế, tạo động lực lan tỏa để kích hoạt sức mạnh tổng thể của nền kinh tế.

Song song với việc phát triển hạ tầng, Bắc Ninh cần chuyển đổi tư duy từ thu hút đầu tư bằng mọi giá sang chọn lọc dự án dựa trên các tiêu chí khắt khe về mức độ phát thải môi trường và khả năng chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp địa phương. Việc số hóa quy hoạch và công khai dữ liệu đất đai sạch là giải pháp then chốt để nhà đầu tư tiếp cận thông tin chính thống, giúp loại bỏ các chi phí không chính thức và rủi ro từ các tin đồn thất thiệt. Đồng thời, tỉnh cần siết chặt kỷ cương giám sát tiến độ, kiên quyết thu hồi các dự án chậm triển khai hoặc có dấu hiệu 'gom đất'. Giải pháp này không chỉ giải phóng quỹ đất sạch cho những nhà đầu tư có năng lực thực sự mà còn đảm bảo mọi nguồn lực xã hội được sử dụng hiệu quả, tạo giá trị gia tăng bền vững cho đô thị.

Hỗ trợ các doanh nghiệp cơ khí, điện tử trong tỉnh tham gia sâu vào chuỗi cung ứng của các tập đoàn đa quốc gia; tăng đầu tư công và chính sách tín dụng ưu đãi để khuyến khích các doanh nghiệp nội địa; tập trung tháo gỡ điểm nghẽn

về thể chế, giảm thời gian giải quyết các thủ tục cấp phép đầu tư để hỗ trợ tối đa cho doanh nghiệp tư nhân trong nước phát triển.

5. Tác động về môi trường

5.1. Tác động tích cực

Trong lộ trình trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương, thách thức về môi trường là một trong những nút thắt lớn nhất đối với Bắc Ninh - một địa phương có mật độ công nghiệp và làng nghề dày đặc nhất cả nước. Việc nâng cấp vị thế hành chính đòi hỏi một sự thay đổi dựa trên nền tảng là khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, lấy kinh tế dữ liệu, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế dịch vụ cao làm trọng tâm.

Khi trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương, Bắc Ninh phải áp dụng các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường khắt khe hơn (tương đương với Hà Nội, Hải Phòng). Điều này buộc các doanh nghiệp trong khu công nghiệp (KCN) phải đổi mới công nghệ, lắp đặt hệ thống quan trắc tự động kết nối trực tiếp với Sở Tài nguyên và Môi trường.

Vị thế mới giúp thành phố huy động nguồn vốn lớn để xây dựng các nhà máy xử lý rác thải phát điện quy mô lớn và hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị tập trung cho các phường mới thành lập, thay vì các bãi rác lộ thiên hay xả thải phân tán như trước sẽ mang lại cơ hội việc làm và tăng thu nhập cho người dân, qua đó thúc đẩy nền kinh tế phát triển và ý thức bảo vệ môi trường của nhân dân trên địa bàn; thúc đẩy mô hình tăng trưởng bền vững gắn liền với bảo vệ môi trường, quản lý và sử dụng bền vững các nguồn tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; tạo bước bứt phá trong thu hút đầu tư, tạo ra nguồn lực đầu tư trở lại cho công tác bảo vệ môi trường.

Với cơ chế quản lý đô thị trung ương, Bắc Ninh sẽ có điều kiện thực hiện các dự án chiến lược nhằm làm sống lại các dòng sông bị ô nhiễm qua việc kiểm soát nguồn thải từ các làng nghề. Việc quy hoạch lại hệ thống kênh mương thành các hành lang xanh sẽ cải thiện đáng kể khí hậu đô thị. Bắc Ninh sẽ chuyển dịch từ các KCN truyền thống sang KCN sinh thái, nơi rác thải của nhà máy này là nguyên liệu của nhà máy kia. Điều này không chỉ giảm thiểu phát thải ra môi trường mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh xanh cho thành phố trên bản đồ đầu tư quốc tế.

5.2. Tác động tiêu cực

Việc trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương sẽ có những tác động tiêu cực đến môi trường như:

Áp lực từ quá trình bê tông hóa và rác thải đô thị, suy giảm trữ lượng nước và ô nhiễm môi trường nước do nhu cầu nước sinh hoạt tăng cao, dân số phát triển và nhu cầu dùng nước trên đầu người gia tăng; Nước thải sinh hoạt gây ô nhiễm môi trường đất, nước và trầm tích ở các thủy vực tiếp nhận nước thải. Việc chuyển đổi hàng nghìn hecta đất nông nghiệp, ao hồ sang đất xây dựng

(đường giao thông, nhà cao tầng) làm giảm diện tích thấm thấu nước mưa, gây nên hiện tượng "đảo nhiệt đô thị" và gia tăng nguy cơ ngập úng cục bộ khi có mưa lớn.

Sự gia tăng đột biến của các phương tiện giao thông cá nhân và hoạt động xây dựng hạ tầng đô thị sẽ làm nồng độ bụi mịn tăng cao, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe cư dân.

Lượng rác thải sinh hoạt từ các khu chung cư và lao động nhập cư sẽ tăng theo cấp số nhân, tạo áp lực khổng lồ lên hệ thống thu gom và các nhà máy xử lý hiện có nếu không được mở rộng kịp thời.

Các làng nghề sản xuất (bún, sắt, giấy...) nằm xen kẽ trong khu dân cư sẽ trở thành những "điểm đen" môi trường không còn phù hợp với tiêu chuẩn đô thị trung ương, gây xung đột giữa phát triển kinh tế truyền thống và quyền được sống trong môi trường sạch của cư dân đô thị mới.

Việc hình thành các khu, cụm công nghiệp kéo theo việc gia tăng dân số cơ học tại các khu dân cư vùng ven; hoạt động sản xuất tại các làng nghề có xu hướng gia tăng; theo đó đã phát sinh lượng lớn nước thải, khí thải, chất thải rắn cần phải xử lý. Quá trình đô thị hóa dẫn đến nhiều diện tích ao hồ, mặt nước, thảm cỏ bị san lấp, bê tông hóa. Bên cạnh đó các hiện tượng thời tiết cực đoan như bão, lũ, hạn hán, cháy rừng cũng góp phần làm giảm diện tích rừng, suy giảm, cạn kiệt nguồn nước...

5.3. Giải pháp

Thực hiện lộ trình đóng cửa hoặc di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm nghiêm trọng trong khu dân cư vào các cụm công nghiệp tập trung có hệ thống xử lý chất thải đạt chuẩn. Hỗ trợ người dân làng nghề chuyển đổi sang kinh doanh dịch vụ hoặc sản xuất sạch, không phát thải.

Áp dụng chỉ tiêu diện tích cây xanh trên đầu người theo tiêu chuẩn đô thị loại đặc biệt. Bắt buộc các dự án khu đô thị mới phải dành ít nhất 20-30% diện tích cho không gian xanh và mặt nước. Phát triển các tuyến giao thông công cộng sử dụng năng lượng sạch (xe buýt điện) để giảm phát thải khí nhà kính.

Triển khai phân loại rác tại nguồn triệt để và xây dựng văn hóa "tiêu dùng xanh" trong dân cư. Tăng cường chế tài xử phạt vi phạm môi trường đối với cả cá nhân và doanh nghiệp để tạo sự răn đe thúc đẩy lối sống xanh trong cộng đồng.

Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ I nhiệm kỳ 2025-2030 đã nêu ra các nguyên nhân, bài học kinh nghiệm, xác định phát triển kinh tế phải gắn với thực hiện các mục tiêu về xã hội, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Theo đó, Đại hội đã đề ra các mục tiêu về Môi trường như sau: (1) Tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn là 96,4% (trong đó, đô thị đạt 100%, nông thôn đạt 93,8%); (2) Tỷ lệ chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế được thu gom và xử lý theo quy định đạt 100%. (3) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt 98,5%; (4) 100% các khu, cụm

công nghiệp trước khi đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Cơ bản không còn điểm, khu vực ô nhiễm môi trường gây bức xúc trong khu dân cư và cộng đồng, đặc biệt ở các làng nghề; (5) Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt trên 98%; (6) Tỷ lệ che phủ rừng (không tính cây ăn quả) đạt 30,65%.

Để đạt được các mục tiêu trên, Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh cũng đã đề ra và thực hiện đồng bộ các giải pháp như: Rà soát, sửa đổi, bổ sung và ban hành mới các quy định, quy chế quản lý môi trường trên địa bàn tỉnh; xây dựng cơ chế khuyến khích đầu tư môi trường, áp dụng các công cụ kinh tế môi trường như: Phí, giá dịch vụ xử lý (nước thải, chất thải rắn, tro xỉ,...); áp dụng hệ thống giám sát tự động, liên tục đối với nước thải, khí thải tại khu, cụm công nghiệp, làng nghề và các cơ sở có nguy cơ cao, cảnh báo sớm; khuyến khích doanh nghiệp áp dụng mô hình tái sử dụng - tái chế - thu hồi năng lượng; xây dựng chuỗi liên kết tái chế giữa doanh nghiệp sản xuất - thu gom - xử lý. Ưu tiên đầu tư các dự án cấp bách: Hệ thống thu gom - xử lý nước thải đô thị đáp ứng tiêu chí thành phố trực thuộc trung ương, xử lý nước thải cụm công nghiệp, khắc phục ô nhiễm môi trường; đẩy mạnh công tác truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường; tăng cường thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm; huy động các nguồn lực; tăng cường hợp tác liên ngành, liên tỉnh trong công tác bảo vệ môi trường.

6. Tác động về hạ tầng, đô thị, cảnh quan

6.1. Tác động về Hạ tầng (Kỹ thuật và Xã hội)

a) Tác động tích cực:

Đột phá hạ tầng đối ngoại: Tỉnh sở hữu khung giao thông huyết mạch gồm 2 tuyến cao tốc tổng chiều dài 67,34 km (Hà Nội - Lạng Sơn và Hà Nội - Thái Nguyên). Đặc biệt, việc xây dựng Cảng hàng không quốc tế Gia Bình (cấp 4F) và nghiên cứu mở rộng cao tốc Hà Nội - Bắc Giang lên 8 làn xe sẽ biến Bắc Ninh thành trung tâm logistics hàng đầu khu vực.

Hạ tầng năng lượng vững chắc: Nhu cầu tiêu thụ điện của tỉnh thuộc nhóm dẫn đầu cả nước; trong đó, điện cho công nghiệp chiếm tới 81,3% (khu vực Bắc Ninh cũ) và 65,8% (khu vực Bắc Giang cũ). Hiện tại đang thúc đẩy 4 dự án nhà máy đốt rác phát điện tại Quế Võ, Lương Tài, Thuận Thành để đảm bảo năng lượng xanh.

Hạ tầng số tiên tiến: 100% xã đã có cáp quang và Internet băng rộng. Tỉnh đạt chỉ số chuyển đổi số (DTI) đứng thứ 9/63 tỉnh, thành (khu vực Bắc Giang cũ). Đề án đô thị thông minh đang được triển khai trên toàn tỉnh.

b) Tác động tiêu cực:

Ô nhiễm và xuống cấp: Hệ thống thoát nước nội thị chủ yếu vẫn là hệ thống dùng chung, chưa tách biệt nước mưa và nước thải. Tại khu vực Bắc Giang cũ, nhiều công trình cấp nước xây dựng từ 30 - 60 năm trước đã xuống cấp.

Áp lực rác thải: Lượng chất thải rắn phát sinh rất lớn, khoảng 870 tấn/ngày

đêm (khu vực Bắc Ninh cũ) và 742 tấn/ngày (khu vực Bắc Giang cũ), trong khi tỷ lệ xử lý bằng công nghệ hiện đại còn đang hoàn thiện.

c) Giải pháp đề ra:

Thiết lập mạng lưới logistics đa phương thức, khớp nối đường sắt khổ tiêu chuẩn quốc tế (Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng) với hàng không.

Hiện đại hóa các trạm bơm tiêu, nạo vét kênh mương và kiên cố hóa hệ thống thu gom nước thải tách biệt hoàn toàn tại các khu đô thị mới.

6.2. Tác động về Đô thị

a) Tác động tích cực:

Nâng tầm quy mô: Sau sáp nhập, Bắc Ninh trở thành "siêu đô thị" với diện tích 4.713,75 km² và dân số hơn 3,9 triệu người. Mục tiêu đạt tiêu chí đô thị Loại I và trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030.

Phát triển nhà ở: Diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt 33,5 m²/người, cao hơn mức bình quân cả nước (27m²). Dự kiến giai đoạn 2026-2030 cần thêm 60 triệu m² sàn nhà ở để đáp ứng quy mô dân số dự báo 4,685 triệu người vào năm 2030.

Cấu trúc 12 khu vực phát triển: Quy hoạch xác định rõ 12 phân vùng đô thị, từ đô thị trung tâm hành chính (Khu vực 1) đến đô thị sân bay (Khu vực 7) và đô thị tâm linh Tây Yên Tử (Khu vực 12).

b) Tác động tiêu cực:

Mất cân bằng mật độ: Chênh lệch dân cư rất lớn, từ phường Võ Cường (4.316 người/km²) xuống xã Biên Sơn chỉ (49 người/km²).

Chất lượng dịch vụ chưa cao: Mặc dù số lượng dự án đô thị lớn (341 dự án khu đô thị/dân cư) nhưng chủ yếu là phân lô bán nền, thiếu các khu đô thị đẳng cấp quốc tế khiến chuyên gia nước ngoài vẫn chọn sống tại Hà Nội thay vì Bắc Ninh.

c) Giải pháp đề ra:

Chuyển đổi sang mô hình đô thị nén và phát triển theo định hướng TOD dọc các tuyến đường sắt đô thị kết nối Hà Nội - Bắc Ninh.

Phân tách triệt để không gian sản xuất công nghiệp và cư trú; di dời các cơ sở gây ô nhiễm ra khỏi nội đô.

Xây dựng mô hình đô thị sinh thái, đô thị thông minh với hệ thống giao thông công cộng thân thiện môi trường và tăng diện tích mảng xanh công cộng; áp dụng các tiêu chuẩn về tỷ lệ cây xanh trong các dự án khu đô thị mới, khu đô thị thông minh; cải tạo, tạo vùng đệm sinh thái tại các cụm công nghiệp, làng nghề truyền thống để giảm thiểu ô nhiễm.

Bổ sung các chương trình đào tạo kỹ năng nghề chất lượng cao, công nghệ bán dẫn, kỹ thuật số đáp ứng ngay nhu cầu thực tiễn của các khu công nghiệp.

6.3. Tác động về Cảnh quan

a) Tác động tích cực:

Hệ thống "xương sống" cảnh quan: Chuyên đổi sông Cầu (dài 290 km), sông Đuống (42 km), sông Thương (87 km) từ ranh giới chia cắt thành trục cảnh quan sinh thái trung tâm.

Lá phổi xanh khổng lồ: Sáp nhập, tỉnh Bắc Ninh sở hữu hơn 160.000 ha rừng tại phía Bắc, đóng vai trò vùng đệm sinh thái.

Bản sắc văn hóa Kinh Bắc: Kết nối di sản thế giới Dân ca Quan họ với gần 4.000 di tích lịch sử (Chùa Dâu, Đền Đô, Tây Yên Tử...) vào không gian đô thị hiện đại.

b) Tác động tiêu cực:

Rủi ro ngập úng: Phần lớn các cực tăng trưởng đô thị nằm ở vùng đồng bằng có cao độ nền tự nhiên rất thấp (chỉ 3 - 7m), dạng "lòng chảo", dễ bị tổn thương khi mực nước sông dâng cao.

Xâm lấn di sản: Quá trình đô thị hóa nóng đang đe dọa làm thu hẹp vùng lõi các di tích và làng nghề truyền thống.

c) Giải pháp đề ra:

Duy trì tỷ lệ diện tích hồ điều hòa từ 5 - 10% trong các khu đô thị và khu công nghiệp để chống ngập.

Xác lập ranh giới bảo vệ nghiêm ngặt cho các khu bảo tồn thiên nhiên như Tây Yên Tử, hồ Cầm Sơn và hệ thống 11 di tích quốc gia đặc biệt.

Lồng ghép hình thái kiến trúc truyền thống Kinh Bắc vào cấu trúc đô thị mới nhằm tạo bản sắc riêng, tránh đồng nhất hóa kiến trúc.

Giải pháp để bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa, lịch sử văn hóa Kinh Bắc:

(1) Lồng ghép yêu cầu bảo tồn văn hóa trong quy hoạch và phát triển đô thị: Trong quá trình lập, điều chỉnh quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng và phát triển hạ tầng, cần tích hợp đầy đủ các nội dung bảo vệ di sản văn hóa, không gian văn hóa truyền thống, làng cổ, làng nghề, hệ thống di tích lịch sử - văn hóa, tín ngưỡng và lễ hội đặc sắc của địa phương. Việc phát triển các khu đô thị mới phải bảo đảm không làm phá vỡ cảnh quan văn hóa truyền thống, giữ gìn các yếu tố nhận diện đặc trưng của vùng đất Kinh Bắc. Đồng thời, cần xây dựng các tiêu chí đánh giá tác động văn hóa đối với các dự án đầu tư phát triển đô thị, nhất là các dự án có quy mô lớn, nhằm hạn chế nguy cơ làm mai một các giá trị văn hóa và bản sắc địa phương.

(2) Bảo tồn và phát huy giá trị hệ thống di sản văn hóa đặc sắc của Bắc Ninh: Tập trung đầu tư bảo tồn, tu bổ và phát huy giá trị các di tích lịch sử - văn hóa, các di sản văn hóa phi vật thể tiêu biểu như UNESCO ghi danh Dân ca Quan họ Bắc Ninh; Thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ của người Việt, các lễ hội truyền thống, nghề thủ công truyền thống và hệ thống làng nghề tiêu biểu. Bên cạnh việc bảo tồn nguyên trạng các giá trị gốc,

cần đổi mới phương thức khai thác, giới thiệu và quảng bá di sản thông qua ứng dụng công nghệ số, xây dựng cơ sở dữ liệu số về di sản văn hóa, bảo tàng số, tham quan thực tế ảo và các sản phẩm văn hóa sáng tạo nhằm đưa di sản đến gần hơn với cộng đồng và du khách. (3) Phát triển công nghiệp văn hóa và du lịch văn hóa trở thành động lực tăng trưởng mới: Khai thác hiệu quả các giá trị văn hóa Kinh Bắc để phát triển các ngành công nghiệp văn hóa, du lịch văn hóa, du lịch tâm linh, du lịch làng nghề và du lịch trải nghiệm cộng đồng. Hình thành các tuyến, điểm du lịch gắn với không gian Quan họ, các làng nghề truyền thống (Nghề làm tranh dân gian Đông Hồ) hệ thống đình, đền, chùa, và các khu di tích lịch sử tiêu biểu. Khuyến khích phát triển các sản phẩm văn hóa sáng tạo mang bản sắc Bắc Ninh; hỗ trợ nghệ nhân, doanh nghiệp và cộng đồng tham gia bảo tồn, truyền dạy và thương mại hóa các giá trị văn hóa một cách phù hợp, qua đó, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân và đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của địa phương. (4) Xây dựng không gian văn hóa trong đô thị hiện đại: Trong quá trình phát triển đô thị cần quan tâm xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa đồng bộ, hiện đại nhưng mang đậm dấu ấn văn hóa Kinh Bắc. Các quảng trường, công viên, tuyến phố, công trình công cộng cần được thiết kế lồng ghép các yếu tố văn hóa truyền thống, biểu tượng lịch sử và nghệ thuật dân gian của địa phương. Đồng thời, tạo điều kiện duy trì các hoạt động sinh hoạt văn hóa cộng đồng, các câu lạc bộ Quan họ, các lễ hội truyền thống và không gian thực hành di sản ngay trong các khu dân cư đô thị mới nhằm bảo đảm sự tiếp nối các giá trị văn hóa giữa các thế hệ. (5) Phát huy vai trò của cộng đồng trong bảo tồn văn hóa: Cộng đồng dân cư cần được xác định là chủ thể của quá trình bảo tồn và phát huy di sản văn hóa. Tăng cường tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về giá trị của di sản và trách nhiệm gìn giữ bản sắc văn hóa địa phương; khuyến khích người dân tham gia quản lý, giám sát và trực tiếp hưởng lợi từ các hoạt động bảo tồn, phát huy di sản. Đặc biệt chú trọng công tác truyền dạy di sản cho thế hệ trẻ thông qua nhà trường, các câu lạc bộ văn hóa, hoạt động trải nghiệm và các chương trình giáo dục truyền thống, góp phần hình thành ý thức gìn giữ bản sắc văn hóa trong quá trình hội nhập và phát triển. (6) Hoàn thiện cơ chế, chính sách và huy động nguồn lực: Tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách đặc thù về bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa trong điều kiện đô thị hóa; ưu tiên bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước, đồng thời đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân tham gia đầu tư cho lĩnh vực văn hóa.

7. Tác động về chính sách an sinh xã hội

7.1. Tác động tích cực

Việc nâng cấp lên Thành phố trực thuộc Trung ương chuyển hóa mục tiêu phát triển của Bắc Ninh từ "tăng trưởng nhanh" sang "phát triển bao trùm và bền vững". Tại đây, chính sách an sinh xã hội không chỉ là công cụ hỗ trợ mà trở thành trụ cột cốt lõi để đảm bảo sự ổn định và công bằng xã hội trong lòng một đô thị công nghiệp năng động.

Khi là Thành phố trực thuộc Trung ương, với nguồn thu ngân sách dồi dào

(Bắc Ninh hiện luôn nằm trong nhóm các tỉnh điều tiết ngân sách lớn về Trung ương), thành phố có điều kiện ban hành các Nghị quyết đặc thù về an sinh. Chuẩn nghèo đa chiều của thành phố sẽ được xây dựng cao hơn chuẩn chung của quốc gia. Theo đó, người dân sẽ được thụ hưởng mức trợ cấp xã hội, bảo hiểm y tế và các khoản hỗ trợ học phí cao hơn. Các đối tượng chính sách, người có công và người yếu thế sẽ có một "tấm lưới an sinh" vững chắc hơn, giúp giảm bớt khoảng cách giàu nghèo vốn dễ bị kéo giãn trong quá trình đô thị hóa.

Bắc Ninh là "thủ phủ" công nhân. Vị thế Thành phố trực thuộc Trung ương buộc thành phố phải giải quyết bài toán nhà ở một cách căn cơ hơn. Các khu lưu trú công nhân sẽ không còn là những dãy phòng trọ tạm bợ mà là các Khu đô thị an sinh đồng bộ hạ tầng (trường học, trạm y tế, siêu thị). Điều này giúp lao động nhập cư yên tâm định cư, chuyển từ "tạm trú" sang "cư trú lâu dài", đóng góp bền vững cho thành phố.

Hệ thống y tế cơ sở được đầu tư theo tiêu chuẩn đô thị loại đặc biệt. Việc áp dụng Sổ sức khỏe điện tử và Mạng lưới an sinh số giúp quản lý chính xác nhu cầu của từng hộ gia đình, đảm bảo các nguồn lực cứu trợ hoặc hỗ trợ được đưa đến đúng người, đúng thời điểm một cách minh bạch.

7.2. Tác động tiêu cực

Sức hút của một Thành phố trực thuộc Trung ương sẽ kéo theo dòng người di cư cơ học cực lớn. Nếu không dự báo tốt, các chính sách an sinh xã hội vốn thiết kế cho cư dân bản địa sẽ nhanh chóng bị quá tải. Tình trạng thiếu trường học công lập, thiếu giường bệnh tại các phường mới sẽ gây bức xúc trong nhân dân.

Khi thành phố ưu tiên phát triển kinh tế số và công nghệ cao, nhóm lao động phổ thông, lao động lớn tuổi hoặc người khuyết tật sẽ đối mặt với nguy cơ bị đào thải khỏi thị trường lao động. Điều này tạo ra một tầng lớp "người nghèo đô thị mới" - những người có việc làm nhưng thu nhập không đủ bù đắp chi phí sinh hoạt đắt đỏ của một thành phố trung ương.

Quá trình đô thị hóa nhanh thường đi kèm với sự suy giảm gắn kết cộng đồng làng xã. Các vấn đề như tệ nạn ma túy, tội phạm công nghệ cao và các rối loạn sức khỏe tâm thần ở thanh thiếu niên sẽ gia tăng, đặt ra yêu cầu mới về quản lý xã hội mà các chính sách an sinh cũ chưa kịp đáp ứng.

Nhu cầu gia tăng nhà ở xã hội. Hiện nay, số lượng công nhân, lao động trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh có khoảng 830.000 người, trong đó tỷ lệ lao động ngoại tỉnh chiếm khoảng 47%, do đó nhu cầu nhà ở xã hội và các thiết chế xã hội cho các đối tượng lao động nhập cư ngày càng gia tăng.

7.3. Giải pháp

Bắt buộc các dự án khu công nghiệp, khu đô thị mới phải hoàn thành hạ tầng xã hội (nhà trẻ, trường học, trạm y tế) trước khi đi vào vận hành. Dành ít nhất 20% quỹ đất trong các khu đô thị để xây dựng nhà ở xã hội, đảm bảo mọi

tầng lớp dân cư đều có cơ hội sở hữu nhà.

Thành lập các quỹ đào tạo nghề dành riêng cho người dân bị thu hồi đất và lao động phổ thông. Liên kết chặt chẽ giữa chính quyền - doanh nghiệp - trường nghề để đào tạo theo đơn đặt hàng, đảm bảo 100% lao động bị ảnh hưởng bởi quy hoạch đô thị có công việc mới với thu nhập ổn định.

Đầu tư mạnh vào mạng lưới y tế dự phòng và chăm sóc sức khỏe ban đầu tại cộng đồng. Phát triển các không gian công cộng, câu lạc bộ văn hóa - thể thao miễn phí để tăng cường gắn kết xã hội. Thực hiện chương trình "Toàn dân tham gia bảo hiểm y tế" với sự hỗ trợ đóng từ ngân sách thành phố đối với các nhóm khó khăn.

Triển khai tốt các chính sách việc làm, giảm nghèo đa chiều và nâng cao phúc lợi cho người dân.

Đẩy mạnh các dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân giá rẻ; tăng cường đầu tư hạ tầng y tế, giáo dục; kết hợp chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội.

Thực hiện Đề án “*Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030*” theo Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó: Giao tỉnh Bắc Ninh trong giai đoạn 2021-2030 hoàn thành 147.100 căn hộ nhà ở xã hội. Kết quả, giai đoạn 2021-2025, tỉnh Bắc Ninh đã triển khai hoàn thành khoảng 31.200 căn hộ; hiện nay, trên địa bàn tỉnh đang triển khai 71 dự án, với quy mô khoảng 96.000 căn hộ, đồng thời triển khai các dự án thiết chế xã hội đảm bảo đồng bộ, đáp ứng nhu cầu cho lao động nhập cư; đồng thời, tiếp tục rà soát quy hoạch, bố trí (256 khu đất với tổng diện tích hơn 753,7ha) tại các khu vực xung quanh các khu công nghiệp, khu vực đô thị tập trung đảm bảo đủ quỹ đất phát triển nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê và các thiết chế xã hội, đáp ứng nhu cầu cho lực lượng lao động nhập cư.

8. Tác động về quốc phòng, an ninh; trật tự, an toàn xã hội

8.1. Tác động tích cực

Đối với công tác bảo đảm an ninh, trật tự trên địa bàn, việc thành lập thành phố trực thuộc Trung ương sẽ đặt Bắc Ninh vào vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng trong hệ thống phòng thủ và an ninh quốc gia. Là "cửa ngõ" phía Đông Bắc của Thủ đô Hà Nội và là đầu mối giao thương quốc tế, Bắc Ninh vừa là địa bàn chiến lược về kinh tế, vừa là "phên dậu" quan trọng về an ninh chính trị.

Khi trở Thành thành phố trực thuộc Trung ương, Bắc Ninh sẽ được đầu tư xây dựng các khu vực phòng thủ đô thị hiện đại, kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng. Các dự án hạ tầng lớn (đường vành đai, cầu bến, hầm ngầm) đều phải tích hợp lưỡng dụng, sẵn sàng chuyển trạng thái khi có tình huống khẩn cấp. Sự lớn mạnh về tài chính giúp thành phố có nguồn lực dồi dào hơn để đầu tư cho lực lượng quân sự, công an địa phương, từ trang thiết bị công

nghệ cao đến hạ tầng doanh trại, đáp ứng yêu cầu của một đô thị trung ương.

Xây dựng mạng lưới camera an ninh tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI) trên toàn thành phố, giúp phát hiện sớm các hành vi vi phạm pháp luật, tai nạn giao thông và các sự cố đô thị.

Việc sử dụng dữ liệu dân cư quốc gia giúp chính quyền kiểm soát chặt chẽ biến động nhân khẩu, đặc biệt là lượng lớn lao động nhập cư và người nước ngoài đang sinh sống, làm việc tại các khu công nghiệp, từ đó giảm thiểu các kẽ hở cho tội phạm ẩn náu.

Trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương giúp Bắc Ninh mở rộng các mối quan hệ hợp tác quốc tế. Điều này tạo điều kiện để trao đổi kinh nghiệm về quản trị đô thị, phòng chống tội phạm xuyên quốc gia và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống (biến đổi khí hậu, dịch bệnh, an ninh mạng).

8.2. Tác động tiêu cực

Là nơi tập trung nhiều tập đoàn công nghệ và giao dịch tài chính lớn, Bắc Ninh trở thành mục tiêu của các cuộc tấn công mạng, lừa đảo tài chính và tội phạm xuyên biên giới. Sự tập trung dân cư đông đúc, lối sống đô thị cởi mở dễ nảy sinh các tệ nạn như ma túy, mại dâm, cờ bạc. Đặc biệt, tình trạng "tín dụng đen" và tội phạm băng nhóm tại các khu vực giáp ranh giữa các phường sẽ có xu hướng phức tạp hơn.

Mật độ giao thông tăng cao đi kèm với các khu nhà cao tầng và khu công nghiệp sản xuất tiềm ẩn rủi ro rất lớn về tai nạn và hỏa hoạn. Nếu công tác PCCC không được nâng cấp tương xứng, một sự cố nhỏ có thể gây thiệt hại khổng lồ về người và tài sản.

Sự khác biệt về văn hóa, mức sống giữa các nhóm cư dân đôi khi dẫn đến xung đột cục bộ. Áp lực về việc làm và nhà ở nếu không được giải quyết tốt sẽ trở thành mầm mống cho các vụ việc đình công, lãn công hoặc tụ tập đông người gây mất trật tự công cộng.

8.3. Giải pháp

Tập trung đào tạo đội ngũ công an, quân đội có trình độ chuyên môn cao, sử dụng thành thạo công nghệ hiện đại. Xây dựng lực lượng phản ứng nhanh (113, PCCC) thường trực tại các địa bàn trọng điểm để xử lý sự cố trong thời gian ngắn nhất.

Tích hợp toàn bộ dữ liệu an ninh vào Trung tâm điều hành thông minh (IOC). Thực hiện "phạt nguội" qua camera để nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân. Tăng cường an ninh mạng cho các hệ thống hạ tầng trọng yếu của thành phố.

Xây dựng các mô hình tự quản tại khu dân cư, tổ dân phố thông minh. Khuyến khích người dân tham gia tố giác tội phạm qua các ứng dụng số. Gắn kết trách nhiệm của doanh nghiệp FDI trong việc đảm bảo an ninh trật tự tại các khu công nghiệp.

Quy hoạch mạng lưới cấp nước PCCC đồng bộ với hạ tầng giao thông. Thường xuyên tổ chức diễn tập các phương án cứu nạn cứu hộ quy mô lớn tại các tòa nhà cao tầng và các kho bãi logistics.

II- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ BẮC NINH SAU KHI ĐƯỢC THÀNH LẬP

1. Quan điểm phát triển thành phố Bắc Ninh

a) Phát triển thành phố Bắc Ninh phải tuân thủ và phù hợp với định hướng, tầm nhìn phát triển đất nước, tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của cả nước; các quy hoạch quốc gia, quy hoạch ngành cấp quốc gia và quy hoạch cấp vùng.

b) Chủ động, kiến tạo và tiếp tục đổi mới toàn diện, mạnh mẽ tư duy phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, bao trùm đồng bộ về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, môi trường sinh thái, bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh. Phát huy tối đa, hiệu quả các tiềm năng, lợi thế riêng có, khác biệt, nguồn lực của tỉnh; khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; tận dụng tối đa lợi thế cạnh tranh mang lại nhờ hệ thống kết cấu hạ tầng động lực về kinh tế - xã hội ngày càng hoàn thiện, đồng bộ, hiện đại, hội nhập sâu rộng, phát triển kinh tế tổng hợp, toàn diện, hiện đại với độ mở cao. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng xanh, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế trên nền tảng nguồn nhân lực chất lượng cao, yếu tố đổi mới sáng tạo, ứng dụng các thành tựu khoa học công nghệ, tham gia sâu rộng vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

c) Tiếp tục chuyển đổi phương thức phát triển từ “nâu” sang “xanh” theo hướng bền vững dựa vào ba trụ cột: thiên nhiên, con người, văn hóa kết hợp với tận dụng xu thế hòa bình, hợp tác, hội nhập, cơ hội mới và công nghệ mới của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 mang lại và tham gia sâu rộng, có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Phát huy tối đa nhân tố con người, coi con người là trung tâm, chủ thể, nguồn lực quan trọng nhất và mục tiêu của sự phát triển; khơi dậy và phát huy mạnh mẽ giá trị văn hóa, con người Bắc Ninh, truyền thống cách mạng, văn hóa, sự năng động và khát vọng đổi mới, sáng tạo, ý chí tự lực, tự cường, vượt lên mạnh mẽ và bền vững của Nhân dân các dân tộc Bắc Ninh. Lấy đầu tư, phát triển giáo dục và đào tạo là nền tảng cho sự phát triển bền vững, lâu dài; tạo chuyển biến căn bản trong đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao gắn với tăng quy mô và chất lượng dân số để tăng năng suất lao động, chuyển dịch mô hình tăng trưởng theo chiều sâu.

d) Kiến tạo các hành lang giao thông gắn với các hành lang kinh tế, hành lang đô thị, hướng tới xây dựng thành phố trực thuộc Trung ương và thúc đẩy liên kết nội vùng, liên kết vùng, phân công và hợp tác lãnh thổ, bảo đảm các tiềm năng, thế mạnh, lợi thế so sánh, lợi thế cạnh tranh từng địa phương, trong tam giác động lực phía Bắc, vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, vùng Đồng bằng

sông Hồng được phát huy tối đa, bổ sung cho nhau, cùng phát triển bền vững.

đ) Bảo đảm vững chắc quốc phòng - an ninh; giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, văn minh.

2. Mục tiêu phát triển

Xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương hướng tới trở thành trung tâm kinh tế, văn hóa, khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo, dịch vụ chất lượng cao của vùng Thủ đô và cả nước; là đô thị thông minh, xanh, hiện đại, phát triển bền vững, có sức cạnh tranh quốc tế, hội nhập sâu rộng với khu vực và thế giới. Thành phố phát triển dựa trên nền tảng công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ hiện đại, logistics gắn với sân bay Gia Bình, hạ tầng đồng bộ, đô thị thông minh, văn hóa Kinh Bắc đặc sắc, bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh, đảm bảo quốc phòng an ninh vững chắc; không ngừng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của Nhân dân; cùng với cả nước tự tin tiến mạnh trong kỷ nguyên phát triển mới của dân tộc. Đến năm 2050 là thành phố xanh, văn minh, mang đậm bản sắc văn hóa truyền thống.

2.1. Mục tiêu đến năm 2030

Về kinh tế: (1) Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2026-2030 đạt 11-13%/năm. (2) GRDP bình quân đầu người đạt 8.700 - 9.200 USD. (3) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội đạt 10%/năm. (4) Tỷ lệ vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với GRDP giai đoạn 2026-2030 đạt 35 - 40%. (5) Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư (ICOR) giai đoạn 2026-2030 đạt 3,0 - 3,5. (6) Tỷ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP đạt khoảng 45%. (7) Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giai đoạn 2026-2030 đạt 1.090 tỷ USD. (8) Giai đoạn 2026-2030, thu ngân sách nhà nước đạt 375.700 tỷ đồng. Tổng chi ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 đạt 279.000 tỷ đồng. (9) Tỷ lệ đô thị hóa đạt 65%. (10) Tỷ lệ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị đạt 25%. *Về xã hội:* (11) Chỉ số phát triển con người (HDI) đạt 0,83. (12) Tuổi thọ trung bình đạt 76 tuổi. (13) Thu nhập bình quân đầu người đạt 7,84 triệu đồng/tháng. (14) Đến hết năm 2027, toàn tỉnh không còn hộ nghèo (*theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025*). (15) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 đạt trên 55%. (16) Số giường bệnh bình quân 10.000 dân đạt 40 giường bệnh; Số bác sĩ bình quân 10.000 dân đạt 19 bác sĩ. (17) Tỷ lệ lao động đã qua đào tạo đạt 90%, trong đó: tỷ lệ lao động đã qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 52%. Lao động có kỹ năng công nghệ thông tin đạt 90%.

Về các rủi ro và kịch bản biến động thương mại toàn cầu, đặc biệt trong bối cảnh địa chính trị phức tạp và các chính sách thuế quan của các đối tác lớn:

Theo Kế hoạch giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Bắc Ninh, kim ngạch xuất nhập khẩu ước đạt khoảng 1090 tỷ USD, tương đương bình quân khoảng 218 tỷ USD/năm, cao hơn đáng kể so với mức thực hiện năm 2025 là 181,11 tỷ USD tương ứng với tốc độ tăng trưởng kim ngạch bình quân khoảng 3,8 - 4,0%/năm

trong cả giai đoạn.

Những dự báo và xu hướng biến đổi địa chính trị, các xung đột và các yếu tố của thế giới có thể tác động tới thương mại toàn cầu trong tương lai và dựa trên tiềm năng, lợi thế, cũng như yếu tố thực tiễn phát triển của Bắc Ninh hiện nay đang tận dụng tốt các xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu và làn sóng đầu tư công nghệ cao đang diễn ra.

Đây là mục tiêu có tính thách thức nhưng khả thi, dựa trên nền tảng công nghiệp điện tử, bán dẫn hiện có của tỉnh, cùng với dư địa mở rộng xuất khẩu công nghệ cao trong giai đoạn 2026 - 2030, xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu vào Việt Nam nói chung và Bắc Ninh nói riêng (đặc biệt thu hút các nhà đầu tư, các doanh nghiệp sản xuất công nghệ lõi của Hoa Kỳ vào tỉnh) sẽ góp phần đảm bảo kim ngạch xuất nhập khẩu có mức tăng trưởng ổn định trong giai đoạn.

Các yếu tố thuận lợi làm tăng khả năng hoàn thành mục tiêu của tỉnh:

(1) Bắc Ninh đang đứng ở trung tâm chuỗi cung ứng điện tử toàn cầu

Hiện nay, điện tử, bán dẫn, điện thoại, linh kiện điện tử vẫn là nhóm hàng xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Năm 2025, xuất khẩu máy vi tính, điện tử và linh kiện của Việt Nam đạt trên 107 tỷ USD, tăng gần 50% so với năm trước. Trong khi đó, Bắc Ninh là địa bàn tập trung các tập đoàn lớn như: Samsung Electronics, Amkor Technology, Foxconn, Goertek, Canon... tham gia với tỷ trọng xuất khẩu lớn trong tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của cả nước. Đặc biệt, xu hướng AI, trung tâm dữ liệu, thiết bị thông minh, xe điện và bán dẫn đang làm nhu cầu linh kiện điện tử toàn cầu tiếp tục tăng. WTO ghi nhận nhóm linh kiện điện tử đang là một trong những lĩnh vực tăng trưởng mạnh nhất của thương mại thế giới hiện nay. Điều này tạo nền tảng rất thuận lợi để kim ngạch xuất khẩu của Bắc Ninh tiếp tục mở rộng.

(2) Xu hướng “China + 1” tiếp tục có lợi cho Việt Nam và Bắc Ninh

Mặc dù cạnh tranh địa chính trị Mỹ - Trung ngày càng gay gắt, nhưng thay vì làm giảm thương mại toàn cầu, nhiều tập đoàn đang tái cấu trúc chuỗi cung ứng theo hướng: Giữ sản xuất tại Trung Quốc; một số quốc gia trong đó có Việt Nam, Bắc Ninh có lợi thế vượt trội về hạ tầng; có lực lượng lao động kỹ thuật đáp ứng được yêu cầu. Do đó, khả năng thu hút thêm các dự án vệ tinh điện tử và bán dẫn trong giai đoạn 2026-2030 là rất cao.

(3) Công nghiệp bán dẫn mở ra dư địa tăng trưởng mới

Một trong những động lực quan trọng giai đoạn tới là ngành bán dẫn. Các dự báo cho thấy năng lực đóng gói và kiểm thử bán dẫn của Việt Nam có thể tăng mạnh đến năm 2030. Bắc Ninh hiện là nơi đặt dự án đóng gói bán dẫn quy mô lớn của Amkor và được xem là một trong những trung tâm bán dẫn mới của Việt Nam thì giá trị xuất khẩu trên mỗi đơn vị sản phẩm sẽ tăng rất nhanh, giúp kim ngạch tăng cao mà không cần tăng tương ứng về sản lượng vật chất.

(4) Hạ tầng phục vụ xuất nhập khẩu

Được định hướng Quy hoạch giai đoạn 2026-2030 gồm: Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, Khu thương mại tự do (FTZ) gắn với cảng hàng không quốc tế, Khu kinh tế chuyên biệt (gắn với ga đường sắt tại xã Kép, xã Lạng Giang), hệ thống logistics hiện đại, hệ thống đường sắt xuyên quốc gia đi qua tỉnh Bắc Ninh (Hải Phòng - Hà Nội - Lào Cai - ga Đông Hưng (Trung Quốc), Hà Nội - Đồng Đăng (Lạng Sơn) - ga Bằng Tường Đông (Trung Quốc) giúp nâng cao đáng kể khả năng hoàn thành và thậm chí vượt mục tiêu kim ngạch xuất nhập khẩu 1.090 tỷ USD giai đoạn 2026 - 2030.

Về môi trường: (18) Tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn là 96,4% (trong đó, đô thị đạt 100%, nông thôn đạt 93,8%). (19) Tỷ lệ chất thải công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại, chất thải y tế được thu gom và xử lý theo quy định đạt 100%. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đạt 98,5%. (20) 100% các khu, cụm công nghiệp trước khi đi vào hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung. Cơ bản không còn điểm, khu vực ô nhiễm môi trường gây bức xúc trong khu dân cư và cộng đồng, đặc biệt ở các làng nghề. (21) Tỷ lệ các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường đạt trên 98%. (22) Tỷ lệ che phủ rừng (không tính cây ăn quả) đạt 30,65%.

Về an ninh: (23) Có ít nhất 80% xã, phường không có ma túy.

2.2. Tầm nhìn phát triển đến năm 2050

Đến năm 2050, Bắc Ninh là hình mẫu về đô thị thông minh xanh, văn minh, mang đậm bản sắc văn hóa Kinh Bắc; trung tâm đổi mới sáng tạo, công nghiệp công nghệ cao hàng đầu khu vực, có hạ tầng giao thông hiện đại, là điểm đến hấp dẫn về đầu tư, sinh sống, học tập, làm việc, du lịch và là thành phố đáng sống đạt đẳng cấp khu vực Châu Á.

Bắc Ninh phát triển kinh tế bền vững, thịnh vượng gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng “0”. Môi trường xã hội thành phố Bắc Ninh văn minh, hiện đại, dân chủ, con người Bắc Ninh phát triển toàn diện. Chính trị, quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo.

Nền kinh tế Bắc Ninh vận hành theo phương thức của kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là động lực tăng trưởng chủ yếu. Phát triển nền công nghiệp hiện đại, công nghệ cao, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; hình thành trung tâm công nghiệp điện tử hàng đầu khu vực. Các ngành dịch vụ phát triển đa dạng và hiện đại; là trung tâm hàng không hiện đại của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương với hạ tầng dịch vụ logistics đồng bộ, đa phương thức. Phát triển nông nghiệp thông minh, ứng dụng công nghệ cao, kết hợp với công nghiệp chế biến hình thành nền nông nghiệp tiên tiến, giá trị cao, sản phẩm an toàn. Hình thành hệ sinh thái khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với hạ tầng số hiện đại, dữ liệu mở và dịch vụ đô thị thông minh; trở thành điểm đến hấp dẫn của các nhà đầu tư, doanh

nghiệp toàn cầu, đội ngũ chuyên gia, trí thức và nhân tài. Đến năm 2050, thành phố Bắc Ninh trở thành cực tăng trưởng, đô thị động lực, đóng góp quan trọng vào tầm nhìn chiến lược Việt Nam là quốc gia hùng cường, hưng thịnh, hạnh phúc; nước phát triển, thu nhập cao, có thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; quản trị xã hội trên nền tảng xã hội số hoàn chỉnh.

3. Định vị thành phố Bắc Ninh trong khuôn khổ tổng thể phát triển quốc gia và khu vực Bắc bộ

3.1. Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023, được điều chỉnh tại Nghị quyết số 252/2025/QH15 của Quốc hội khóa XV. Nghị quyết số 252/2025/QH15 liên quan đến định hướng phát triển quốc gia và các tác động trực tiếp đến công tác quy hoạch, phát triển tỉnh Bắc Ninh như sau:

a) Định hướng chiến lược và Mục tiêu phát triển quốc gia

- Về động lực phát triển: "Xác lập mô hình tăng trưởng mới, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chính".

- Về chỉ tiêu tăng trưởng: "Phấn đấu tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) bình quân đạt trên 8,0%/năm thời kỳ 2021 - 2030; trong đó giai đoạn 2026 - 2030 đạt từ 10%/năm trở lên".

b) Các nội dung xác lập ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh Bắc Ninh

Bắc Ninh được định vị là mắt xích quan trọng trong các cấu trúc không gian quốc gia, cụ thể:

- Vị thế trong không gian phát triển vùng và hành lang kinh tế

Về phân vùng: Bắc Ninh thuộc Vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng được xác định là "động lực phát triển hàng đầu, có vai trò định hướng, dẫn dắt quá trình cơ cấu lại nền kinh tế".

Về vành đai công nghiệp: Nghị quyết yêu cầu "tập trung xây dựng vành đai công nghiệp Thái Nguyên - Phú Thọ trở thành động lực thúc đẩy tăng trưởng cả vùng, gắn kết với tỉnh Bắc Ninh là vành đai công nghiệp liên vùng".

Về hành lang kinh tế: Bắc Ninh nằm trên "hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh".

- Vai trò trong Vùng động lực phía Bắc: Bắc Ninh là thành phần hữu cơ của vùng động lực quốc gia:

Phạm vi vùng động lực: "Phát triển vùng động lực phía Bắc bao gồm thành phố Hà Nội và các địa bàn gắn với các tuyến đường vành đai 4, vành đai 5... qua thành phố Hải Phòng và các tỉnh Bắc Ninh, Thái Nguyên, Phú Thọ...".

Định hướng chức năng: Tập trung phát triển "các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; phát triển nhanh công nghiệp công nghệ số và các ngành

công nghiệp mới nổi".

c) Quy hoạch hệ thống Đô thị và Hạ tầng kỹ thuật

Mô hình đô thị: Bắc Ninh nằm trong "Vùng đô thị Hà Nội", thực hiện chức năng "chia sẻ chức năng về giáo dục và đào tạo, y tế, khoa học, công nghệ, thương mại, dịch vụ, du lịch, hạn chế sự tập trung quá mức vào đô thị trung tâm Hà Nội".

Phát triển vành đai: "Đẩy nhanh hình thành các vành đai công nghiệp - đô thị - dịch vụ dọc theo các đường vành đai 4, vành đai 5 vùng Thủ đô Hà Nội".

Dự án hạ tầng trọng điểm: Xây dựng "Cảng hàng không quốc tế Gia Bình".

Triển khai "đường vành đai 4, vành đai 5 vùng Thủ đô Hà Nội".

Hạ tầng số: "Thu hút đầu tư, phát triển mạnh các khu công nghệ số tập trung tại Hà Nội... và một số vùng có lợi thế về công nghiệp công nghệ số để hình thành các cụm liên kết ngành".

d) Giải pháp thực hiện và Cơ chế đặc thù

Nghị quyết mở ra cơ chế để địa phương chủ động huy động nguồn lực:

Khai thác nguồn lực đất đai: "Tăng cường nguồn thu cho ngân sách nhà nước từ đấu giá quyền sử dụng đất tại các khu vực phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng (TOD) để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị".

Cơ chế đặc thù: "Ưu tiên hình thành, phát triển tại các vùng động lực: Khu thương mại tự do, khu công nghệ cao và mô hình khu chức năng khác được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù".

3.2. Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

Theo Quyết định số 891/QĐ-TTg ngày 22/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, vị thế và định hướng phát triển của Bắc Ninh và Bắc Giang được xác lập như sau:

a) Đối với tỉnh Bắc Ninh (cũ)

- Thuộc Vùng đô thị Hà Nội là vùng đô thị lớn gồm các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương như: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Bắc Giang, Thái Nguyên, Hoà Bình và Phú Thọ.

- Định hướng trở thành Thành phố trực thuộc Trung ương: Bắc Ninh được quy hoạch để trở thành thành phố trực thuộc Trung ương. Dự kiến đến năm 2030, Bắc Ninh sẽ là đô thị Loại I.

- Cực tăng trưởng thứ cấp của Vùng đô thị Hà Nội: Trong cấu trúc không gian vùng, Bắc Ninh được xác định là một trong các cực tăng trưởng thứ cấp quan trọng của Vùng đô thị Hà Nội.

- Vai trò chia sẻ chức năng: Bắc Ninh cùng với các đô thị lân cận có nhiệm

vụ chia sẻ các chức năng về giáo dục, đào tạo, y tế, khoa học, công nghệ, thương mại, dịch vụ và du lịch nhằm giảm áp lực tập trung quá mức vào lõi đô thị trung tâm Hà Nội.

- Hạ tầng kết nối: Tập trung hoàn thiện các trục kết nối nhanh từ Hà Nội đến Bắc Ninh và các tuyến vành đai 4, vành đai 5 vùng Thủ đô đi qua địa bàn tỉnh.

b) Đối với tỉnh Bắc Giang

- Thuộc Vùng đô thị Hà Nội: Bắc Giang là một thành viên chính thức trong quy hoạch Vùng đô thị Hà Nội (vùng đô thị lớn nhất cả nước).

- Cực tăng trưởng thứ cấp: Tương tự như Bắc Ninh, thành phố Bắc Giang được xác định là một cực tăng trưởng thứ cấp của vùng, đóng vai trò thúc đẩy kinh tế - xã hội khu vực phía Bắc Thủ đô.

- Định hướng phát triển đô thị: Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng đô thị đồng bộ, hiện đại, tăng cường năng lực kết nối với Hà Nội và các tỉnh trong lưu vực sông Hồng, sông Thái Bình.

Tầm nhìn chung đến năm 2050 trong hệ thống đô thị và nông thôn: Cả hai tỉnh đều nằm trong định hướng phát triển hệ thống đô thị bền vững theo mạng lưới, hình thành các chuỗi đô thị động lực xanh, thông minh và có bản sắc kiến trúc hiện đại. Nông thôn tại hai địa phương này cũng được định hướng phát triển tiệm cận với tiêu chuẩn đô thị, gắn với xây dựng nông thôn mới hiện đại và nông nghiệp sinh thái hiệu quả cao.

3.3. Tại Quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (điều chỉnh tại Quyết định số 612/QĐ-TTg ngày 04/4/2026)

a) Vị thế chiến lược trong tổ chức không gian vùng

Trong quy hoạch vùng Đồng bằng sông Hồng, Bắc Ninh được định vị là cực tăng trưởng công nghiệp công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ trọng điểm, giữ vai trò mắt xích chiến lược kết nối giao thương và là trung tâm đào tạo, đổi mới sáng tạo, góp phần dẫn dắt sự phát triển chung của toàn vùng động lực phía Bắc.

- Tiểu vùng phát triển: Bắc Ninh thuộc Tiểu vùng phía Bắc (cùng với Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh và Hưng Yên), phát triển gắn với vùng Thủ đô Hà Nội, là hạt nhân của vùng động lực phía Bắc.

- Cực tăng trưởng: Tỉnh được định vị là một trong bốn cực tăng trưởng của vùng (cùng với Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh).

- Vùng động lực quốc gia: Bắc Ninh nằm trong vùng động lực phía Bắc của quốc gia, là đầu tàu về phát triển công nghiệp, dịch vụ và đổi mới sáng tạo.

- Hành lang kinh tế: Tỉnh là điểm kết nối chiến lược trên các hành lang kinh tế quan trọng: Hành lang kinh tế Bắc - Nam (Bắc Ninh - Hà Nội - Ninh Bình); Trục Đông - Tây dọc theo Quốc lộ 18 và vành đai 4; Nằm trong chuỗi đô thị động lực Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh - Bắc Ninh.

b) Định hướng phát triển kinh tế: Trung tâm công nghiệp công nghệ cao

Bắc Ninh được quy hoạch để trở thành trung tâm sản xuất công nghiệp hiện đại của cả nước:

- Ngành trọng điểm: Tập trung phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ, đặc biệt là sản xuất điện tử, chip bán dẫn, thiết bị công nghệ số và cơ khí chính xác. Xây dựng tỉnh Bắc Ninh trở thành trung tâm công nghiệp bán dẫn tại miền Bắc, hàng đầu Việt Nam. Thu hút phát triển công nghiệp bán dẫn theo chiều sâu và phát triển khu công nghiệp công nghệ số tập trung, ưu tiên thu hút phát triển công nghiệp bán dẫn vào các khu công nghiệp tập trung theo đúng phương án, định hướng quy hoạch tỉnh, quy hoạch chung và các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành. Đổi mới các hoạt động xúc tiến, thu hút đầu tư vào Bắc Ninh các doanh nghiệp, tập đoàn đi đầu về ngành công nghiệp bán dẫn như: Intel, Samsung, NVIDIA, Qualcomm, Amkor... xây dựng các nhà máy chế tạo, sản xuất vi mạch hoàn chỉnh, góp phần đưa Bắc Ninh trở thành cứ điểm quan trọng, là trụ cột trong hệ sinh thái công nghiệp bán dẫn, sản xuất vi mạch và linh kiện bán dẫn hiện đại, một trong những trung tâm chiến lược của ngành công nghiệp bán dẫn Việt Nam góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh toàn cầu.

- Cụm liên kết ngành: Cùng với phía Bắc và phía Đông Hà Nội, Bắc Ninh hình thành Trung tâm công nghiệp vùng Thủ đô, tập trung nghiên cứu, thiết kế, chế tạo rô-bốt, thiết bị y tế và phần mềm.

- Dịch vụ và Logistics: Phát triển mạnh dịch vụ công nghiệp, thương mại số và là trung tâm trung chuyển hàng hóa cấp vùng.

- Nông nghiệp: Phát triển vùng sản xuất rau, quả tập trung quy mô lớn ứng dụng công nghệ cao.

c) Đột phá về hạ tầng và kết nối giao thông

Quy hoạch vùng đặt Bắc Ninh vào mạng lưới giao thông đồng bộ, hiện đại:

- Hàng không: Điểm nhấn đặc biệt là việc xây dựng mới Cảng hàng không quốc tế Gia Bình (cấp 4F), tạo động lực hình thành cực phát triển mới cho vùng Bắc Bộ.

- Đường bộ: Phát triển các tuyến vành đai 4, vành đai 5 vùng Thủ đô kết nối Bắc Ninh với các tỉnh lân cận; phát triển trục kết nối Bắc Ninh - Thái Nguyên.

- Đường sắt: Nghiên cứu đầu tư tuyến đường sắt đô thị kết nối Hà Nội với Bắc Ninh để tăng cường năng lực vận tải công cộng.

- Đường thủy: Hệ thống sông ngòi nhiều giúp phát triển mạng lưới giao thông được thủy, cảng thủy nội địa phát triển.

- Hạ tầng năng lượng và số: Ưu tiên cấp điện an toàn, liên tục cho công nghiệp hóa; phát triển hạ tầng dữ liệu và trung tâm đổi mới sáng tạo chuyên ngành.

d) Trung tâm đào tạo, y tế và bảo tồn văn hóa

Bắc Ninh không chỉ mạnh về kinh tế mà còn được định vị là trung tâm xã hội của vùng:

- Giáo dục và Đào tạo: Hình thành mạng lưới đại học, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo liên kết vùng (Khu đại học Bắc Ninh); là trung tâm đào tạo nhân lực kỹ thuật chất lượng cao.

- Y tế: Phát triển hạ tầng y tế chuyên sâu, đáp ứng nhu cầu của cư dân đô thị và khu công nghiệp.

- Văn hóa: Bảo tồn và phát huy giá trị di sản thế giới Dân ca Quan họ Bắc Ninh, đưa dân ca quan họ vào các không gian nhà hát đương đại, kết hợp hiệu ứng âm thanh, ánh sáng; sản xuất các sản phẩm âm nhạc lấy chất liệu từ âm điệu, trang phục Kinh Bắc và các di tích lịch sử như khu lăng mộ, đền thờ các vị vua triều Lý.

e) Bảo vệ môi trường và phát triển bền vững

Quy hoạch yêu cầu Bắc Ninh giải quyết các thách thức về môi trường để phát triển bền vững:

- Xử lý ô nhiễm: Tập trung xử lý ô nhiễm tại lưu vực sông Ngũ Huyện Khê và các làng nghề.

- Quản lý rác thải: Nghiên cứu phát triển các khu xử lý chất thải hiện đại, khu xử lý rác liên tỉnh Bắc Ninh - Hưng Yên.

- Tài nguyên nước: Bảo vệ nghiêm ngặt nguồn nước mặt và nước ngầm, kiểm soát khai thác quá mức để tránh sụt lún.

III- CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ KHÂU ĐỘT PHÁ

1. Nhiệm vụ trọng tâm:

(1) Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; tập trung hoàn thiện tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; nâng cao chất lượng tổ chức đảng và đảng viên; củng cố và tăng cường lòng tin, sự gắn bó của Nhân dân với Đảng và hệ thống chính trị.

(2) Cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng trên tư duy và tầm nhìn đối với không gian phát triển mới. Tập trung xây dựng, hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách, kiên quyết tháo gỡ các điểm nghẽn, khơi thông các nguồn lực, thúc đẩy phát triển. Chú trọng phát triển kinh tế tư nhân nhanh, bền vững, hiệu quả; lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực, giải pháp đột phá quan trọng hàng đầu cho sự phát triển; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế, trọng tâm là ngoại giao kinh tế. Giải quyết hài hòa mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

(3) Tập trung rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện quy hoạch tỉnh trên cơ sở kế thừa, liên thông trong định hướng phát triển, xứng tầm với đô thị của thành phố

trực thuộc Trung ương, liên kết với các cực tăng trưởng trọng điểm của đất nước; hình thành các hành lang kinh tế để phát huy tối đa vai trò, tiềm năng lợi thế cấp vùng, các dự án trọng điểm của quốc gia trên địa bàn, bảo đảm phát triển bao trùm, hài hòa, bền vững giữa các khu vực, địa phương; đẩy nhanh tiến độ hoàn thành các tiêu chí đô thị loại I và thành phố trực thuộc Trung ương.

(4) Phát triển mạnh mẽ, toàn diện giá trị văn hóa, con người tỉnh Bắc Ninh, hướng đến những giá trị “chân - thiện - mỹ”, thấm nhuần tinh thần dân tộc, bản sắc quê hương, trở thành một động lực quan trọng, sức mạnh nội sinh thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh bền vững; bảo đảm các quyền lợi về y tế, văn hóa, giáo dục và an sinh xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho Nhân dân các dân tộc trên địa bàn tỉnh.

(5) Tiếp tục xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện, cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; xây dựng tỉnh Bắc Ninh an ninh, an toàn, thân thiện và hội nhập; phát huy vai trò đối ngoại đối với phát triển kinh tế - xã hội.

2. Các khâu đột phá:

(1) Nâng cao năng lực hoạch định, thực thi chính sách công ở địa phương và tham gia xây dựng chính sách với Trung ương để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, khơi thông, giải phóng mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý, phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của cơ sở theo quy định; thúc đẩy đột phá về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phục vụ, kiến tạo phát triển.

(2) Tập trung xây dựng, đào tạo, thu hút, trọng dụng nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là đội ngũ chuyên gia về dịch vụ, chuyển đổi số, công nghệ cao, công nghệ mới, công nghiệp hỗ trợ chủ lực. Tiếp tục thực hiện tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, bảo đảm hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Chú trọng công tác đào tạo, chuẩn hóa cán bộ, đánh giá cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của hệ thống chính trị, nhất là người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực, tư duy mới, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu trong kỷ nguyên phát triển giàu mạnh và văn minh của dân tộc.

(3) Tiếp tục hoàn thiện đồng bộ và đột phá trong xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội; nhất là hạ tầng giao thông đa phương thức, mở rộng kết nối liên tỉnh, liên vùng, liên quốc gia; hạ tầng hàng không, logistics, hạ tầng khoa học - công nghệ, hạ tầng công nghiệp, hạ tầng năng lượng, hạ tầng đô thị, hạ tầng y tế - giáo dục, hạ tầng dữ liệu... phục vụ hiệu quả quá trình quản lý, quản trị phát triển kinh tế - xã hội bền vững, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, ứng phó biến đổi khí hậu.

3. Một số nhiệm vụ đột phá chiến lược

3.1. Thành lập Khu Thương mại tự do

Với những lợi thế vượt trội về vị trí địa kinh tế, hạ tầng giao thông chiến

lược, hạ tầng logistics, vận tải đa phương thức và hệ sinh thái công nghiệp điện tử, công nghệ cao đã được định hình, Bắc Ninh hội tụ đầy đủ điều kiện trở thành địa điểm lý tưởng để phát triển mô hình Khu Thương mại tự do của khu vực Đông Nam Á và châu Á, đồng thời, khẳng định vị thế dẫn đầu về thu hút đầu tư và thúc đẩy thương mại quốc tế. Trên cơ sở đó, giai đoạn 2026-2030, tỉnh Bắc Ninh quy hoạch Khu thương mại tự do gắn với khu vực Cảng hàng không quốc tế Gia Bình với quy mô diện tích dự kiến khoảng 2.000-5.000 ha.

Khu Thương mại tự do không chỉ là một công cụ kinh tế, mô hình không gian phát triển mới mà còn là một chiến lược toàn diện để Bắc Ninh phát triển mạnh mẽ, định vị lại vị trí, vai trò của tỉnh trong sự phát triển chung của quốc gia, góp phần đưa Việt Nam lên một tầm cao mới trong khu vực và thế giới với mục tiêu là tạo dựng một khu vực mà tại đó, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động đều nhận được những giá trị tối ưu.

Có cơ chế đặc thù hỗ trợ tối đa chi phí cho các doanh nghiệp nội địa; ban hành chính sách miễn thuế thu nhập doanh nghiệp dài hạn đối với các sản phẩm sở hữu trí tuệ được phát minh và thương mại hóa tại Bắc Ninh.

3.2. Trung tâm vận chuyển logistics, cảng cạn

Giai đoạn 2026-2030, Bắc Ninh được định hình là trung tâm phân phối quan trọng nhờ sở hữu mạng lưới hạ tầng đồng bộ và vị trí vàng trong giao thông đa phương thức với lợi thế nằm trên Hành lang kinh tế Bắc - Nam và Vành đai Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ Vùng Thủ đô Hà Nội; mắt xích quan trọng trong mạng lưới giao thông (cao tốc, đường sắt, ga liên vận quốc tế) kết nối đối ngoại và liên vùng. Theo quy hoạch, tỉnh xác định logistics là ngành dịch vụ có tiềm năng, lợi thế để tạo đột phá với mục tiêu trở thành cửa ngõ, trung tâm trung chuyển hàng hóa, vận tải, kho bãi và thương mại của vùng. Ngoài các trung tâm logistics quy mô lớn trên địa bàn Bắc Ninh đã hoàn thành và đi vào hoạt động ổn định, phục vụ đắc lực cho chuỗi cung ứng công nghệ cao, tỉnh tiếp tục tập trung phát triển hạ tầng giao thông, hạ tầng logistics; hỗ trợ doanh nghiệp logistics liên kết với doanh nghiệp sản xuất; xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu; đồng thời, thành lập các trung tâm logistics tại khu kinh tế, khu công nghiệp gắn với cảng cạn ICD, thu hút đầu tư vào các khu vực dịch vụ tổng hợp, đặc biệt là việc quy hoạch ga liên vận quốc tế Kép gắn với ICD Kép khoảng 200ha - động lực phát triển của Khu kinh tế chuyên biệt.

3.3. Trung tâm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao

Bắc Ninh được coi là tỉnh tiên phong trong xây dựng đô thị Đại học. Bên cạnh đó, trong bối cảnh tỉnh Bắc Ninh định hướng phát triển công nghiệp công nghệ cao, bán dẫn, AI, logistics hàng không, UAV và đô thị thông minh, nhu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trở thành điều kiện quyết định năng lực cạnh tranh dài hạn. Vì vậy, khu đô thị đại học không nên chỉ là tập hợp các cơ sở đào tạo, mà phải là một hệ sinh thái tri thức, nơi liên kết giữa trường đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp, khu công nghiệp, cơ quan quản lý nhà nước và

cộng đồng khởi nghiệp. Với định hướng là trung tâm đào tạo nhân lực chất lượng cao phục vụ cho phát triển công nghiệp điện tử, bán dẫn, công nghiệp công nghệ cao, tỉnh tiếp tục đẩy mạnh đầu tư phát triển 02 Khu đô thị Đại học cấp vùng theo quy hoạch đã được duyệt tại xã Tiên Du và phường Võ Cường với quy mô khoảng 700ha, đồng thời, xây dựng mới Khu đô thị Đại học tại phường Yên Dũng và Cảnh Thụy với quy mô khoảng 190 ha.

3.4. Trung tâm tài chính

Với việc hình thành Khu Thương mại tự do với những cơ chế chính sách, ưu đãi đặc thù, cùng sự hội tụ đồng thời của Cảng hàng không quốc tế Gia Bình; định hướng ưu tiên phát triển ngành công nghiệp bán dẫn của quốc gia; hệ sinh thái Samsung-Foxconn-Amkor hiện hữu và vị trí địa lý vượt trội trong chuỗi cung ứng tại châu Á, tỉnh Bắc Ninh đang có cơ hội rất lớn để trở thành một trong những Trung tâm tài chính của khu vực. Qua đó, đây sẽ là điểm đến hấp dẫn cho các ngân hàng quốc tế lớn, quỹ đầu tư tư nhân, công ty bảo hiểm quốc tế, hình thành các sàn giao dịch ngoại tệ, sandbox tài chính cho sản phẩm fintech, tài sản số, thanh toán blockchain... Bên cạnh đó, với chính sách ưu đãi về thuế, tỉnh sẽ hình thành các Trung tâm mua sắm miễn thuế phục vụ hành khách quốc tế qua Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, các khu nghỉ dưỡng 5 sao, khu đô thị chất lượng cao đi kèm hạ tầng thông minh, tiện ích cho các chuyên gia, doanh nhân, nhà đầu tư tới sinh sống và làm việc tại Bắc Ninh.

Thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm tỉnh Bắc Ninh hoạt động theo mô hình doanh nghiệp, đóng vai trò hạt nhân trong việc hỗ trợ tài chính và ươm tạo các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startup) trên địa bàn tỉnh. Quỹ hướng đến việc giải quyết bài toán thiếu hụt vốn cho các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong giai đoạn đầu (seed) và tăng trưởng (early-stage), đồng thời thúc đẩy quá trình thương mại hóa các kết quả nghiên cứu khoa học, công nghệ. Thu hút các chuỗi bệnh viện quốc tế, biến Bắc Ninh thành trung tâm tầm soát bệnh lý và chăm sóc sức khỏe chất lượng cao cho cộng đồng chuyên gia nước ngoài tại Việt Nam.

V- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Định hướng tổng thể phát triển các ngành kinh tế

1.1. Phát triển công nghiệp

Duy trì phát triển công nghiệp là động lực cho tăng trưởng kinh tế, phấn đấu tốc độ tăng trưởng ngành đạt khoảng 13,3%/năm.

Phát triển công nghiệp theo hướng bền vững, xanh, tuần hoàn dựa trên việc khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, đổi mới sáng tạo; đồng thời, thực hiện thu hút các dự án mới thuộc các lĩnh vực: Sản xuất chất bán dẫn và chip bán dẫn, sản xuất rô-bốt, công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng tái tạo, vật liệu mới; trí tuệ nhân tạo, công nghệ thông tin, công nghiệp dược phẩm, y tế, thiết bị năng lượng tái tạo, ngành công nghiệp hàng không... đưa Bắc Ninh trở thành một trung tâm sản

xuất chất bán dẫn, công nghiệp hỗ trợ, trí tuệ nhân tạo của miền Bắc.

Thực hiện thu hút các dự án không ô nhiễm, sử dụng ít đất, ít lao động, công nghệ cao, suất vốn cao, hiệu quả kinh tế cao; cơ cấu lại ngành công nghiệp, ưu tiên phát triển, làm chủ và chuyển giao, ứng dụng công nghệ mới, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển các ngành công nghiệp chủ lực, công nghiệp nền tảng, công nghiệp mới nổi và các ngành công nghiệp phụ trợ. Đồng thời, thực hiện chuẩn bị sẵn sàng về mặt bằng, nhân lực, cải thiện môi trường đầu tư, hỗ trợ nhà đầu tư để phát triển công nghiệp bền vững, hướng tới mô hình “Hệ sinh thái công nghiệp”.

Rà soát quy hoạch các khu, cụm công nghiệp đã có trong quy hoạch để xác định lại không gian phát triển công nghiệp theo định hướng tổ chức không gian trong quy hoạch tỉnh, các khu, cụm công nghiệp phải đảm bảo kết nối thuận lợi với các cảng biển Hải Phòng, Quảng Ninh, cửa khẩu phía Bắc và khu vực Tây Bắc; phát triển các khu, cụm công nghiệp phải gắn kết với phát triển đô thị, dịch vụ đồng bộ, hiện đại, phục vụ nhu cầu của người lao động.

Đẩy nhanh tiến độ thành lập, đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp đã có trong quy hoạch và đã được chấp thuận nhà đầu tư, hạ tầng điện và các hạ tầng khác để thu hút đầu tư. Tập trung nghiên cứu phát triển một số mô hình khu, cụm công nghiệp đặc thù như: Khu công nghệ cao dành cho doanh nghiệp tư nhân trong lĩnh vực khoa học công nghệ, chuyển đổi số; Khu chế biến nông sản công nghệ cao, chuyên sâu và sản xuất máy móc ứng dụng trong nông nghiệp, sản xuất vật liệu xây dựng phù hợp với khả năng cung ứng nguồn lao động và nguồn nguyên liệu...

Với sự hình thành và phát triển mạnh mẽ của hệ thống các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tỉnh Bắc Ninh đã khẳng định rõ vị thế là cực tăng trưởng, thủ phủ công nghiệp công nghệ cao của Vùng Đồng bằng sông Hồng và là đầu tàu quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu tại Việt Nam: Công nghiệp luôn là động lực then chốt thúc đẩy tăng trưởng và dẫn dắt nền kinh tế toàn tỉnh với công nghiệp chế biến, chế tạo là hạt nhân; công nghiệp tỉnh Bắc Ninh luôn giữ vai trò đầu tàu thu hút FDI và thúc đẩy xuất khẩu của cả nước; hệ sinh thái công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp bán dẫn là nền tảng vững chắc cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; là trung tâm việc làm và thu hút lao động của toàn khu vực miền Bắc.

Phát triển công nghiệp tỉnh Bắc Ninh theo hướng hiện đại, công nghệ cao và thân thiện với môi trường. Hình thành trung tâm công nghiệp điện tử hàng đầu Việt Nam. Phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh tạo ra bước đột phá trong phát triển công nghiệp điện tử, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, công nghiệp công nghệ cao, công nghệ số và dữ liệu lớn, công nghiệp phụ trợ cho hàng không và sản xuất thông minh,... nâng cao giá trị đóng góp của công nghiệp hỗ trợ trong chuỗi giá trị của các dự án FDI. Tập trung phát triển và lấp đầy các khu công nghiệp, cụm công nghiệp; tiếp tục đẩy mạnh thu hút các tập đoàn, doanh nghiệp

lớn trong nước và các dự án FDI có chọn lọc gắn với hoạt động chuyển giao công nghệ cao, kỹ năng quản lý và tỷ lệ nội địa hóa, tạo điều kiện phát triển doanh nghiệp trong nước, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo ra “hệ sinh thái công nghiệp bền vững”. Khẳng định vị thế ngành công nghiệp tỉnh Bắc Ninh trên chuỗi giá trị điện tử, tập trung hướng đến sản xuất và trở thành trung tâm sản xuất điện tử hoàn thiện hàng đầu Việt Nam, tiếp tục là động lực then chốt cho tăng trưởng kinh tế của tỉnh và quốc gia.

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, ưu tiên các ngành sản xuất sản phẩm điện tử, bán dẫn, AI, công nghiệp công nghệ số và dữ liệu, công nghiệp công nghệ cao và các ngành sản xuất có giá trị gia tăng lớn, tham gia sâu vào chuỗi giá trị sản xuất quốc gia và quốc tế, tác động lan tỏa đến các ngành, lĩnh vực. Đầu tư và phát triển công nghiệp năng lượng, đặc biệt là năng lượng sạch, năng lượng tái tạo đáp ứng với nhu cầu phát triển công nghiệp của tỉnh.

Phát triển hợp lý công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, khai thác hiệu quả nguồn nguyên liệu tại chỗ, tạo việc làm cho người lao động và góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế khu vực nông thôn và miền núi.

Phát triển công nghiệp gắn với khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thúc đẩy ứng dụng các công nghệ của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư trong sản xuất công nghiệp, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất.

Tập trung hoàn thiện hệ thống KCN, CCN thế hệ mới với kết cấu hạ tầng đồng bộ, nâng cao tỷ lệ lấp đầy và hiệu quả sử dụng đất; tăng cường kết nối với hệ thống cảng thủy, cảng biển, sân bay, đường cao tốc và các trung tâm logistics: Khai thác đổi đa lợi thế vị trí địa lý nằm ở cửa ngõ của Thủ đô Hà Nội và nằm trên hành lang kinh tế Hà Nội - Lạng Sơn và Lào Cai - Quảng Ninh, Bắc Ninh có lợi thế đặc biệt về phát triển dịch vụ thương mại và dịch vụ logistics. Tập trung trọng điểm phát triển logistics cấp quốc gia tại Khu Thương mại tự do gắn với Cảng hàng không quốc tế Gia Bình và Khu kinh tế chuyên biệt (trên cơ sở khai thác lợi thế của HLKT Bắc - Nam; phát triển khu vực đô thị Lạng Giang gắn với ga đường sắt Kép, ICD Kép và sân bay Kép) nhằm thu hút các doanh nghiệp hàng đầu về logistics trong nước, quốc tế để hỗ trợ xuất nhập khẩu và trung chuyển hàng hóa cho Vùng Thủ đô Hà Nội, toàn quốc và liên quốc gia. Đồng thời, phát triển các dịch vụ logistics quy mô cấp vùng, tỉnh gắn với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các tuyến giao thông lớn, các điểm tập kết hàng hóa, các khu vực sản xuất tập trung;... hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu, phân phối hàng hoá trên địa bàn tỉnh, tạo động lực phát triển kinh tế địa phương.

Phát triển và hình thành khu thương mại tự do (TMTD) gắn với cảng hàng không quốc tế Gia Bình và các hành lang kinh tế nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tăng trưởng GRDP, việc hình thành Khu TMTD sẽ là động lực

chính để Bắc Ninh đạt mục tiêu tốc độ tăng trưởng giai đoạn 2026-2030 trên 12%, đưa tỷ trọng thương mại - dịch vụ và công nghiệp công nghệ cao chiếm ưu thế tuyệt đối. Tạo cú hích để chuyển từ mô hình “gia công lắp ráp” sang trung tâm “thương mại và logistics toàn cầu”. Đưa Bắc Ninh từ một điểm tập kết hàng hóa trở thành Trung tâm logistics cấp vùng và quốc tế, tham gia sâu vào chuỗi cung ứng toàn cầu. Kết hợp với Cảng hàng không Gia Bình, Bắc Ninh sẽ trở thành đầu mối trung chuyển hàng hóa (Transshipment hub) cho cả khu vực Miền Bắc và quốc tế, cạnh tranh trực tiếp với các trung tâm trong khu vực ASEAN. Khu TMTD với các cơ chế ưu đãi đặc biệt sẽ tạo lợi thế cạnh tranh vượt trội để thu hút các gã khổng lồ công nghệ (bán dẫn, AI, dược phẩm cao cấp). Đây đều là những ngành hàng có giá trị cao, khối lượng nhẹ, phụ thuộc lớn vào vận tải hàng không. Đồng thời thúc đẩy tổng mức bán lẻ hàng hóa thông qua phát triển du lịch mua sắm (Shopping Tourism) tại các khu phi thuế quan, Outlet cao cấp, thu hút khách quốc tế và khách nội địa có thu nhập cao. Quy hoạch mới 04 Trung tâm logistics, cảng cạn ICD tại các phường/xã Võ Cường, Tam Đa, Tam Giang và Phù Lãng theo quy hoạch đã được duyệt. Đề xuất bổ sung quy hoạch mới 02 Trung tâm logistics giai đoạn 2026-2030 gồm: Trung tâm logistics gắn với Cảng hàng không quốc tế Gia Bình với quy mô 100ha; và Trung tâm logistics tại xã Trung Kênh với quy mô 40ha.

Phát triển công nghiệp gắn với tổ chức không gian kinh tế hợp lý, phát triển và mở rộng khu vực công nghiệp tập trung và các hành lang công nghiệp gắn với các trục giao thông chiến lược của tỉnh, của vùng Thủ đô Hà Nội, đồng thời tăng cường liên kết công nghiệp trong vùng Động lực phía Bắc và với các trung tâm công nghiệp lớn của cả nước.

Phát huy hiệu quả các nguồn lực xã hội cho phát triển công nghiệp, đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân và đầu tư nước ngoài; kết hợp hiệu quả giữa đầu tư công và đầu tư xã hội nhằm thu hút các dự án công nghiệp quy mô lớn, công nghệ tiên tiến và có khả năng lan tỏa phát triển. Phát triển công nghiệp gắn với mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp - xây dựng.

Với mục tiêu cụ thể đến năm 2030:

- Tỷ trọng khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 75-77% trên tổng GRDP, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo đóng vai trò chủ lực với tỷ trọng giá trị tăng thêm đạt từ 65% trở lên.

- Giai đoạn 2026-2030, phấn đấu tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng (VA) ngành công nghiệp đạt khoảng 14,5%/năm. Đến năm 2030, giá trị VA ngành công nghiệp đạt trên 850 nghìn tỷ đồng, tăng gấp 2,4 lần so với năm 2025.

- Phát triển mạnh công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, hiện đại, tỷ trọng giá trị sản phẩm công nghiệp công nghệ cao trong giá trị sản xuất công nghiệp chế biến, chế tạo đạt trên 95% đến năm 2030. Thí điểm và phát triển các mô hình khu công nghiệp công nghệ số, khu công nghiệp công

nghệ cao, khu công nghiệp sinh thái và khu công nghiệp đổi mới sáng tạo.

- Năng suất lao động khu vực công nghiệp tăng bình quân hàng năm trên 10%.
- Thu hút lấp đầy 100% các khu công nghiệp đã đi vào hoạt động; hoàn thiện đầu tư đồng bộ hạ tầng cho trên 50% diện tích các khu công nghiệp mới được đề xuất thành lập mới trong giai đoạn 2026-2030.

* Về cung ứng năng lượng và bảo đảm điện cho sản xuất

Nhận thức rõ vai trò đặc biệt quan trọng của hạ tầng năng lượng đối với phát triển kinh tế - xã hội, thời gian qua tỉnh Bắc Ninh đã chủ động phối hợp chặt chẽ với Bộ Công Thương, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia, Tổng công ty Điện lực miền Bắc và các nhà đầu tư để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai các dự án điện. Tỉnh luôn quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác quy hoạch, giải phóng mặt bằng, đất đai, môi trường và các thủ tục đầu tư; đồng thời chỉ đạo các sở, ngành, địa phương tập trung hỗ trợ tối đa để đẩy nhanh tiến độ các dự án nguồn và lưới điện trọng điểm: Theo Điều chỉnh Quy hoạch điện VIII, đến năm 2030 tỉnh Bắc Ninh tiếp tục được đầu tư mạnh mẽ cả về nguồn và lưới điện. Cụ thể, quy hoạch xây dựng mới 04 trạm biến áp 500kV với tổng công suất 5.400 MVA, 12 trạm biến áp 220kV với tổng công suất 5.750 MVA và 87 trạm biến áp 110kV với tổng công suất 9.863 MVA. Đồng thời, tỉnh tiếp tục phát triển các dự án điện gió với tổng công suất 608MW, điện mặt trời với tổng công suất 150MW, thủy điện tích năng với tổng công suất 300MW, điện rác với tổng công suất 29MW và hệ thống lưu trữ năng lượng với tổng công suất 900MW nhằm đa dạng hóa nguồn cung, nâng cao tính chủ động và bảo đảm an ninh năng lượng lâu dài.

1.2. Phát triển dịch vụ

Tập trung phát triển các ngành dịch vụ theo hướng đa dạng, bền vững, dịch vụ tổng hợp hiện đại, chất lượng cao, phấn đấu tăng trưởng ngành đạt 9,2%/năm.

Quy hoạch, thu hút đầu tư các khu dịch vụ logistics để xây dựng Bắc Ninh trở thành trung tâm logistics lớn của khu vực miền Bắc và cả nước với hệ thống hạ tầng dịch vụ vận tải đa phương thức; hệ thống giao thông công cộng thông minh, giao thông xanh, xây dựng và phát triển các khu thương mại tự do phi thuế quan, là đầu mối vận chuyển hàng hóa hàng không, cửa ngõ, trung tâm tiếp vận, cung ứng, trung chuyển hàng hóa, vận tải, kho bãi, vui chơi, giải trí, thể thao golf... của khu vực phía Bắc. Chú trọng phát triển hệ thống dịch vụ phục vụ phát triển công nghiệp; thúc đẩy phát triển kinh tế số, thương mại điện tử,...

Thu hút đầu tư phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, là một trong những trung tâm Văn hóa - Du lịch lớn của cả nước với đặc trưng về sản phẩm đa dạng, độc đáo, phát huy bản sắc văn hóa (*du lịch lễ hội, làng nghề lễ hội thủ công truyền thống, du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh, du lịch trải nghiệm nông nghiệp, du lịch sinh thái...*). Tiếp tục duy trì và phát triển các khu,

điểm du lịch, xây dựng chuỗi giá trị sản phẩm du lịch, trở thành điểm đến du lịch văn hóa - tâm linh - sinh thái đặc sắc của miền Bắc.

Phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng đô thị bảo đảm đủ khả năng phục vụ các hoạt động du lịch, văn hóa, thể thao quy mô cấp vùng và cấp quốc gia. Đẩy mạnh quá trình đô thị hóa gắn với phát triển đô thị theo mô hình đô thị hoàn chỉnh để phát triển đồng bộ hạ tầng xã hội với nhà ở. Tập trung phát triển các khu đô thị chất lượng cao dành cho người nước ngoài, hình thành các khu đô thị, khu dân cư tại các đô thị lớn, gần các khu, cụm công nghiệp với đầy đủ tiện nghi từ nhà ở thấp tầng, cao tầng đến thương mại dịch vụ, khách sạn, căn hộ khách sạn (condotel) nhằm đáp ứng nhu cầu sống, vui chơi giải trí, nghỉ ngơi của người dân và đội ngũ lãnh đạo, chuyên gia người nước ngoài làm việc trên địa bàn tỉnh.

Tập trung thực hiện đồng bộ linh hoạt các giải pháp huy động vốn và hoạt động cho vay; bảo đảm cung cấp đủ vốn tín dụng cho nền kinh tế, tập trung vào sản xuất kinh doanh, các lĩnh vực ưu tiên và các động lực tăng trưởng; tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng; kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động công nghệ thông tin.

*** Về phát triển thương mại nội địa và hạ tầng thương mại**

Phát triển kết cấu hạ tầng thương mại tỉnh Bắc Ninh phù hợp với định hướng phát triển ngành, lĩnh vực và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong mối liên kết chặt chẽ với vùng Thủ đô Hà Nội, vùng Đồng bằng sông Hồng và các hành lang kinh tế trọng điểm quốc gia.

Phát triển đa dạng các loại hình cơ sở vật chất - kết cấu hạ tầng thương mại, kết hợp hài hòa giữa thương mại truyền thống và thương mại hiện đại, phù hợp với trình độ phát triển thị trường và đặc thù đô thị - công nghiệp của tỉnh. Bên cạnh việc phát triển các trung tâm thương mại, siêu thị hiện đại, cần tiếp tục duy trì, cải tạo hệ thống chợ truyền thống, bảo đảm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân và người lao động.

- Xây dựng mới các chợ đầu mối và chợ hạng 1 theo quy hoạch đã được duyệt:

+ Quy hoạch và xây dựng mới chợ đầu mối cấp vùng tại phường Tiền Phong với quy mô 50,65ha (đô thị Bắc Giang)

+ Xây dựng mới Khu liên hợp - Chợ đầu mối Thuận Thành tại Phường Trạm Lộ, Thuận Thành quy mô 45ha (đô thị Gia Thuận)

+ Xây dựng mới chợ hạng 1 tại Phường Hạp Lĩnh, Võ Cường quy mô 9,3ha (đô thị Kinh Bắc)

Tiếp tục đầu tư xây dựng mới, nâng cấp và cải tạo hệ thống chợ hạng 2 và hạng 3 tại các xã, phường trên địa bàn tỉnh, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa bảo đảm các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, vệ sinh môi trường và an toàn phòng cháy chữa cháy. Phát triển hệ thống

chợ gắn với các khu dân cư, khu đô thị mới, khu công nghiệp và cụm công nghiệp nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng của người dân và người lao động; Khuyến khích chuyển đổi mô hình quản lý chợ theo hướng xã hội hóa, nâng cao hiệu quả khai thác và vận hành.

Đầu tư và khai thác có hiệu quả chợ đêm để thúc đẩy phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh. Nghiên cứu hình thành một số tuyến đường thương mại, phát triển các khu phố ẩm thực, chợ đêm mới để đẩy mạnh phát triển kinh tế ban đêm. Nghiên cứu xây dựng và phát triển các khu phức hợp chợ và dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

- Duy trì ổn định và phát triển hệ thống các siêu thị, trung tâm thương mại và cửa hàng tiện lợi hiện hữu trên địa bàn tỉnh, từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa hàng hóa và hiện đại hóa phương thức kinh doanh, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của người dân và lực lượng lao động trong các khu công nghiệp.

Trong thời kỳ quy hoạch đến năm 2030, tập trung hình thành và phát triển hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị tại các khu vực đô thị, khu vực có tốc độ đô thị hóa cao; đồng thời phát triển tại các khu vực đông dân cư, khu đô thị mới và khu vực tập trung nhiều khu công nghiệp. Việc phát triển các cơ sở bán lẻ hiện đại cần gắn với quy hoạch không gian đô thị và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương trong từng giai đoạn.

Thu hút đầu tư và xây dựng mới 02 Trung tâm thương mại quốc tế tại xã Gia Bình, phù hợp với định hướng phát triển Khu thương mại tự do, tạo động lực mới cho phát triển thương mại khu vực cảng hàng không quốc tế Gia Bình.

- Phát triển hệ thống trung tâm hội chợ, triển lãm trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh theo hướng hiện đại, đồng bộ, gắn với hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư và quảng bá hình ảnh địa phương, đặc biệt trong các lĩnh vực công nghiệp, công nghệ cao và dịch vụ. Trung tâm hội chợ, triển lãm được xác định là hạ tầng quan trọng hỗ trợ kết nối doanh nghiệp, thúc đẩy giao thương và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị trong nước và quốc tế.

Xây dựng mới Trung tâm Hội chợ triển lãm tỉnh Bắc Ninh tại phường Võ Cường, quy mô 15ha.

1.3. Phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới

Tiếp tục phát triển nông nghiệp theo hướng hiệu quả trên nền tảng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, nông nghiệp sinh thái, tuần hoàn, duy trì tốc độ tăng trưởng ngành đạt khoảng 1,5%/năm.

Phát huy lợi thế, vùng, miền, địa phương, tổ chức sản xuất, kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; chuyển mạnh tư duy từ sản xuất nông nghiệp sang phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với nhu cầu thị trường. Khuyến khích phát triển nông nghiệp công nghệ cao tại các khu, vùng ven đô gắn với thị trường tiêu

dùng đô thị và xuất khẩu.

Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách để huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho xây dựng nông thôn mới toàn diện, bền vững, gắn với đô thị hóa; trong đó ưu tiên nguồn lực cho phát triển sản xuất, nâng cao đời sống dân cư nông thôn, đặc biệt là các xã đặc biệt khó khăn. Phát triển các khu dân cư nông thôn theo định hướng xanh, sinh thái, bền vững, có khả năng thích ứng cao với biến đổi khí hậu.

Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, hiệu quả, ứng dụng công nghệ cao, theo tiêu chuẩn VietGAP, Global GAP, nông nghiệp hữu cơ; phát triển sản phẩm OCOP mới. Tăng cường các hoạt động kết nối cung - cầu, liên kết với các tập đoàn, tổng công ty, các thành phố lớn, các sàn thương mại điện tử, xây dựng các chuỗi liên kết từ sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm; đổi mới tổ chức sản xuất theo hướng hợp tác, liên kết chặt chẽ theo chuỗi giá trị từ sản xuất đến tiêu thụ giữa nông dân, hợp tác xã, tổ hợp tác, liên hiệp HTX với doanh nghiệp, nhất là tại các vùng sản xuất tập trung, chuyên canh các sản phẩm chủ lực, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò nòng cốt đưa khoa học công nghệ và trình độ quản trị vào chuỗi giá trị. Thực hiện tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng, phát triển kinh tế rừng gắn với du lịch sinh thái, bảo vệ môi trường.

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào xây dựng nông thôn mới để huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, người dân. Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư cho xây dựng nông thôn mới, trong đó ưu tiên nguồn lực cho phát triển sản xuất, phấn đấu hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới hiện đại theo chỉ đạo của Trung ương.

Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông nghiệp (*giao thông, đê điều, thủy lợi nội đồng, công trình nước sạch*) đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai, đảm bảo cho phục vụ cho phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung, quy mô lớn và phục vụ nước sạch cho người dân nông thôn trên địa bàn tỉnh; trong đó coi trọng đầu tư phát triển thủy lợi để hoàn chỉnh hệ thống kết cấu hạ tầng thủy lợi, đê điều phục vụ sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, đô thị, phòng chống thiên tai, nâng cao khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu; đảm bảo an toàn các hồ chứa, nâng cấp hệ thống đê sông; phát triển thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản, tưới cho cây trồng cạn, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, xây dựng các mô hình tưới tiên tiến, tiết kiệm nước.

Tỉnh Bắc Ninh đã ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, ngành nghề nông thôn. Trong đó có hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn, cụ thể như: Nghị quyết số 127/2025/NQ-UBND ngày 26/12/2025 quy định hỗ trợ về phát triển nông nghiệp, ngành nghề nông thôn trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2026-2030; Nghị quyết số 92/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 quy định mức chi cụ thể cho các hoạt động khuyến công địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh; Quyết định số 23/2024/QĐ-UBND

ngày 6/9/2024 Quy định nội dung và mức hỗ trợ kinh phí thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Bắc Ninh.

Tỉnh Bắc Ninh đã và đang triển khai nhiều giải pháp phát triển nông nghiệp nông thôn. Trong đó đã ban hành các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn, sản phẩm OCOP, sản phẩm công nghiệp nông thôn từ việc đầu tư nâng cao năng suất chất lượng, thương hiệu sản phẩm đến khâu xúc tiến thương mại, tiêu thụ đa kênh, đa nền tảng.

Tổ chức Hội chợ, hội nghị quốc tế, tổ chức các đoàn công tác nhằm xúc tiến tiêu thụ các nông sản chủ lực, đặc trưng, sản phẩm OCOP của tỉnh tới các thị trường như Trung Quốc, ASEAN, Nhật Bản, Hàn Quốc, Bắc Mỹ, Châu Âu...; Phối hợp với các nền tảng thương mại điện tử như TikTok Shop, Viettel Post, Shopee.... tổ chức các phiên livestream quảng bá sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của tỉnh cùng các TikToker, KOLs, KOC nổi tiếng với sự tham gia của lãnh đạo UBND tỉnh và các sở, ngành, địa phương.

1.4. Phát triển khoa học, công nghệ

Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Kế hoạch số 07-KH/TU ngày 25/7/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, các chương trình hành động của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương, kế hoạch của UBND tỉnh.

Bắc Ninh đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thật sự là đột phá quan trọng hàng đầu, động lực chính để đổi mới phương thức quản trị, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo hướng hiện đại, bền vững. Tập trung nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo; xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số minh bạch, hiệu quả; xây dựng hạ tầng số, đô thị thông minh, nền tảng số thống nhất, ổn định, bảo đảm liên thông, tái sử dụng về mặt dữ liệu, an toàn, bảo mật thông tin và an ninh mạng. Bắc Ninh sẵn sàng thử nghiệm các mô hình kinh tế mới, công nghệ mới chưa có quy định pháp lý rõ ràng; thành lập các trung tâm đổi mới sáng tạo liên kết chặt chẽ với Trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia để chuyển giao các công nghệ tiên tiến nhất về các nhà máy trên địa bàn; có chính sách thu hút nhân lực tinh hoa, miễn thuế thu nhập cá nhân cho các nhà khoa học, chuyên gia công nghệ hàng đầu khi đến làm việc tại Bắc Ninh.

Tập trung rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản về cơ chế chính sách, tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho sự phát triển của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Rà soát, bổ sung quy hoạch, chiến lược và các kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh đồng bộ với Quy hoạch tỉnh. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế đặc thù, ưu đãi đầu tư, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, cơ quan, tổ chức, doanh

nghiệp trong hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo. Tăng tỉ lệ chi ngân sách cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng chương trình đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Thu hút, ưu tiên các doanh nghiệp công nghệ hàng đầu thế giới đặt nhà máy, chi nhánh trụ sở tại tỉnh.

Thúc đẩy các hoạt động khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo, phát triển và chuyển giao công nghệ, đưa Bắc Ninh trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo của khu vực miền Bắc, là địa phương luôn đứng trong top đầu về chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII). Phát triển hạ tầng số, hạ tầng đô thị thông minh, đô thị xanh phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, chính quyền các cấp; phong trào “Bình dân học vụ số” trong toàn Nhân dân.

Đẩy nhanh tiến độ triển khai thực hiện hạ tầng khu công nghệ thông tin tập trung của tỉnh; khu nghiên cứu phát triển khoa học và công nghệ tập trung; viện nghiên cứu khoa học, công nghệ cao cấp vùng; khu công nghiệp chế biến nông sản công nghệ cao, kết hợp với trung tâm nghiên cứu, sản xuất thiết bị, máy móc công nghệ cao phục vụ nông nghiệp; hình thành Trung tâm tính toán thông minh của tỉnh; triển khai, ứng dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT) vào các lĩnh vực trọng điểm của tỉnh. Thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học trên các lĩnh vực.

1.5. Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng ngân sách Nhà nước, hiệu quả đầu tư công

Quyết liệt thực hiện công tác thu NSNN, phân đấu hoàn thành vượt mức dự toán thu được giao để đảm bảo nguồn lực thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Quản lý chặt chẽ nguồn thu, phân đấu tăng thu để bù đắp số thu bị giảm do thực hiện các chính sách miễn giảm thuế; triển khai quyết liệt đồng bộ các biện pháp quản lý thuế, chống thất thu thuế. Triển khai các biện pháp đôn đốc, xử lý nợ và cưỡng chế thu hồi nợ thuế, nợ tiền thuê đất, tiền sử dụng đất... của các doanh nghiệp, các dự án có số nợ lớn thời gian kéo dài.

Chủ động rà soát các quy định, cơ chế, chính sách phù hợp với tình hình mới; phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành trong thực hiện các nhiệm vụ, kịp thời có giải pháp tháo gỡ khó khăn trên các lĩnh vực, thúc đẩy tăng trưởng đề tăng thu ngân sách bền vững. Triển khai kịp thời các giải pháp, chính sách về gia hạn, miễn, giảm thuế, tiền thuê đất. Chú trọng công tác phân tích, dự báo những tác động ảnh hưởng tăng, giảm đến nguồn thu trên địa bàn, gắn với việc đánh giá tăng trưởng kinh tế.

Điều hành chi ngân sách chủ động, linh hoạt, tiết kiệm, hiệu quả; trong phạm vi dự toán giao, chặt chẽ, đúng chế độ quy định; phù hợp với tiến độ thu ngân sách; dành nguồn lực cho những trường hợp bất khả kháng, thiên tai, dịch bệnh; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đã ban hành; đảm bảo an ninh - quốc phòng và cân đối ngân sách địa phương.

Xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030, trong đó, tập trung đầu tư các công trình, dự án trọng tâm, trọng điểm vào các lĩnh vực then chốt như giao thông, đô thị, công nghiệp, giáo dục, y tế... theo định hướng lớn của tỉnh đáp ứng tiêu chí đô thị loại I và trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030. Tập trung thực hiện giải ngân vốn đầu tư công, nhất là các công trình, dự án trọng điểm quan trọng và các Chương trình mục tiêu quốc gia. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong giải ngân đầu tư công. Theo quy định hiện hành, kịp thời điều chỉnh vốn từ dự án chậm giải ngân sang dự án có tiến độ giải ngân nhanh hơn, có nhu cầu vốn.

Thực hiện nghiêm các yêu cầu về tiết kiệm, chống lãng phí; siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính, ngân sách trong thực thi công vụ; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát và công khai, minh bạch trong thu, chi NSNN, quản lý sử dụng tài sản công, đất đai, tài nguyên.

1.6. Đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng, phát triển đô thị

Huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, tăng cường thu hút đầu tư xã hội. Chú trọng đầu tư đồng bộ hạ tầng giao thông, công nghiệp, đô thị, cấp, thoát nước. Tập trung trung nguồn lực đầu tư các dự án giao thông, trọng tâm là các tuyến kết nối đối ngoại với các tỉnh, thành phố giáp ranh; đầu tư các tuyến đường tỉnh theo quy hoạch. Tập trung đầu tư, phối hợp đầu tư hoàn thành, đưa vào sử dụng các công trình trọng điểm quốc gia trên địa bàn, như: Cảng Hàng không quốc tế Gia Bình, đường Vành đai 4, Vành đai 5, đường kết nối Cảng Hàng không quốc tế Gia Bình với Thủ đô Hà Nội, với trung tâm hành chính - chính trị tỉnh, đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, đường sắt tốc độ cao Hà Nội - Quảng Ninh, đường sắt đô thị... hình thành các hạ tầng giao thông khung đô thị để kết nối và hình thành các vùng động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các vùng, địa bàn.

Quyết liệt thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, thu hút đầu tư, đẩy nhanh tiến độ đầu tư hạ tầng các khu công nghiệp được thành lập. Gắn kết khu công nghiệp với khu đô thị, dịch vụ có kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ, hiện đại. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu ngành công nghiệp theo hướng thu hút các ngành công nghiệp điện tử, công nghiệp bán dẫn, chế biến, chế tạo có giá trị gia tăng cao và giảm tỷ trọng gia công, lắp ráp. Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, hoàn thiện đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các KCN theo kế hoạch. Mở rộng quỹ đất sạch công nghiệp, đáp ứng nhu cầu thu hút đầu tư.

Tập trung huy động mọi nguồn lực đẩy mạnh phát triển đô thị, kinh tế đô thị, đưa các đô thị trở thành trung tâm, đầu tàu tăng trưởng của khu vực và vùng lân cận. Đầu tư hoàn thiện, nâng cao tiêu chí phân loại đô thị để tỉnh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030.

Tiếp tục rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hoàn thiện cơ chế, chính sách,

nghiên cứu ban hành các quy định, đề ra các giải pháp đột phá thúc đẩy phát triển đô thị và kinh tế đô thị; làm tốt công tác dự báo phát triển, thị trường bất động sản để có định hướng phù hợp, khả thi, hiệu quả.

Thu hút các nhà đầu tư lớn, có kinh nghiệm, năng lực tài chính đầu tư một số đô thị đồng bộ, hiện đại tạo điểm nhấn, lan tỏa phát triển các khu vực khác. Đẩy mạnh phát triển các đô thị nén (tăng tỷ lệ nhà cao tầng, giảm đất ở liền kề) để nâng cao hiệu quả sử dụng đất, dành quỹ đất phát triển các không gian chung, công trình tiện ích xã hội, đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển lâu dài. Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, ưu tiên đầu tư hệ thống hạ tầng khung để làm cơ sở thực hiện các dự án phát triển đô thị.

Tiếp tục đổi mới tư duy, nâng cao chất lượng công tác quy hoạch đô thị. Các quy hoạch đô thị phải đảm bảo đồng bộ, hiện đại, có tầm nhìn dài hạn; chú trọng việc phát triển đô thị gắn với nét đặc trưng riêng của từng vùng. Triển khai có hiệu quả Chương trình phát triển nhà ở, Kế hoạch phát triển nhà ở và Đề án phát triển nhà ở xã hội dành cho công nhân đã được phê duyệt. Đẩy mạnh việc xây dựng nhà ở xã hội, theo mục tiêu Thủ tướng Chính phủ giao giai đoạn 2026-2030 hoàn thành 135.000 căn hộ nhà ở xã hội trên địa bàn.

Triển khai thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng điện lực, bảo đảm cung ứng đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt của Nhân dân.

1.7. Thu hút đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế

Tiếp tục thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, phân đấu huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2026-2030 đạt khoảng 1.600 nghìn tỷ đồng. Tập trung rà soát, rà soát, xây dựng, hoàn thiện hệ thống các quy định, cơ chế chính sách để tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt hiện nay, nhất là trong cải cách hành chính, đầu tư hạ tầng, giải phóng mặt bằng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực... gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực thi. Các chủ trương, chính sách vừa đáp ứng nhu cầu bức thiết vừa có tầm nhìn dài hạn, không bị hạn chế bởi “tư duy nhiệm kỳ”.

Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, duy trì thứ hạng chỉ số PCI trong nhóm các tỉnh đứng đầu cả nước. Tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương “*đồng hành cùng doanh nghiệp*”; nâng cao trách nhiệm giải trình của người đứng đầu các cơ quan đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư thông qua việc giải đáp những kiến nghị, khó khăn, vướng mắc liên quan đến lĩnh vực ngành, địa phương mình quản lý. Kịp thời giải quyết phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp một cách thiết thực, hiệu quả.

Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Khuyến khích phát triển các loại hình kinh tế tư nhân; xây dựng đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân cả về số lượng và chất lượng. Đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp, tạo điều kiện

thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển. Thực hiện “ứng xử” công bằng giữa các thành phần kinh tế để các thành phần kinh tế phát huy hết tiềm năng. Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh thâm nhập và mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển. Khuyến khích phát triển các loại hình kinh tế tư nhân; xây dựng đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng.

Đẩy mạnh giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ; nâng cao tỉ lệ hồ sơ trực tuyến, tỉ lệ thanh toán trực tuyến; tiếp tục thực hiện việc số hóa kết quả TTHC để nâng cao tính công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí.

Tiếp tục thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp có vốn Nhà nước; hỗ trợ, xây dựng các mô hình KTTT, HTX kiểu mới phù hợp với bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0. Hỗ trợ xây dựng một số mô hình HTX điển hình tiên tiến, ứng dụng công nghệ cao. Xem xét, lựa chọn, giao cho HTX thực hiện nhiệm vụ thu gom vận chuyển rác thải khu vực nông thôn.

1.8. Về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu

Nâng cao hiệu quả công tác quản lý Nhà nước về đất đai, tài nguyên, khoáng sản. Quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hợp lý, có hiệu quả và bền vững tài nguyên đất, tài nguyên khoáng sản; tạo không gian và khơi thông nguồn lực, động lực mới gắn với nhu cầu phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc bảo đảm công khai, minh bạch trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên khoáng sản, đất đai, nhà ở, bất động sản... tăng cường quản lý xử lý lấn chiếm đất, giao, bán trái thẩm quyền và đất dân cư dịch vụ.

Tăng cường kiểm tra tình hình sử dụng đất đối với tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất có dấu hiệu vi phạm. Có giải pháp tạo chuyển biến trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng; đồng thời chủ động trong việc bố trí nguồn đất san lấp mặt bằng để triển khai thực hiện các dự án, nhằm tạo quỹ đất “sạch”, chủ động đón làn sóng đầu tư nước ngoài trong thời gian tới.

Tiếp tục rà soát các vướng mắc, bất cập liên quan đến các quy định, cơ chế, quy trình, thủ tục hành chính trong lĩnh vực khoáng sản gắn với đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền, tăng cường trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc bảo đảm công khai, minh bạch trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên khoáng sản.

Thường xuyên rà soát, hoàn thiện, bổ sung các quy định, chính sách cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của đảng, Nhà nước về bảo vệ môi trường phù hợp với điều kiện thực tiễn, bảo đảm đồng bộ, khả thi và chỉ đạo thực hiện quyết liệt. Tăng cường công tác phòng ngừa, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm đối với các dự án sản xuất công nghiệp có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao. Kiểm

soát chặt chẽ, ngăn ngừa triệt để tình trạng xả thải nước thải chưa qua xử lý, xả trộm trực tiếp ra môi trường của các nhà máy. Quan tâm hơn nữa công tác lựa chọn công nghệ sạch, thân thiện môi trường trong lựa chọn các dự án đầu tư. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong công tác bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh phát động và triển khai các phong trào vệ sinh môi trường tại các cộng đồng dân cư, thu hút sự tham gia đông đảo của người dân.

Xây dựng và thực hiện các kế hoạch chủ động phòng, tránh thiên tai, các giải pháp thích ứng, đối phó với những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu. Tăng cường liên kết vùng trong ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

2. Định hướng phát triển văn hóa - xã hội

2.1. Phát triển giáo dục, đào tạo

Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, đây là nhiệm vụ then chốt để vừa thúc đẩy phát triển nhân lực chất lượng cao, đồng thời, thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng với sự đóng góp cao của khoa học và công nghệ; Quyết định số 73/QĐ-TTg ngày 10/02/2023 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2025 phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Quyết định số 452/QĐ-TTg ngày 27/02/2025 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và sư phạm thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và các chiến lược, quy hoạch có liên quan. Đồng thời, bổ sung các chỉ tiêu về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyển đổi số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong giáo dục; phát triển giáo dục STEM/STEAM, nâng cao năng lực ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; phát triển giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao gắn với nhu cầu nhân lực của các ngành công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp bán dẫn, trí tuệ nhân tạo và công nghiệp số; tăng cường liên kết giữa giáo dục phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học với doanh nghiệp, khu công nghiệp và các cơ sở nghiên cứu, đào tạo. Qua đó, bảo đảm hệ thống giáo dục và đào tạo của tỉnh phát triển đồng bộ, hiện đại, hội nhập, đáp ứng yêu cầu xây dựng Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương có chất lượng nguồn nhân lực và trình độ phát triển giáo dục thuộc nhóm dẫn đầu cả nước.

Rà soát, hoàn thành sắp xếp, quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục bảo đảm phù hợp tình hình thực tế và việc tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp. Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất trường học các cấp chuẩn hóa, hiện đại. Cùng cố, nâng cao chất lượng giáo dục đại trà và mũi nhọn các cấp, giữ vững, phát huy vị thế luôn nằm trong nhóm dẫn đầu cả nước về chất lượng giáo dục và đào tạo; phân đầu xây dựng nền giáo dục tiên tiến, hiện đại ngang tầm với khu vực và thế giới; bảo đảm công bằng về cơ hội học tập cho mọi người dân, nhất là đối tượng

yếu thế. Phát triển đội ngũ giáo viên đủ về số lượng và cơ cấu, đồng đều về chất lượng giữa các vùng, khu vực. Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng nâng chuẩn, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên các cấp.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số toàn diện, phổ cập trong ngành giáo dục; tận dụng tiến bộ công nghệ để thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong dạy và học, nâng cao chất lượng và hiệu quả quản lý giáo dục; xây dựng nền giáo dục mở thích ứng trên nền tảng số; triển khai Đề án Phát triển giáo dục STEM/STEAM trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông tỉnh Bắc Ninh giai đoạn 2025 - 2030, định hướng đến năm 2035. Tăng cường việc dạy và học ngoại ngữ, từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Khuyến khích, thu hút, huy động các nguồn lực cộng đồng, xã hội hóa phát triển hệ thống cơ sở giáo dục ngoài công lập các cấp nhằm đa dạng hóa và nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục, đáp ứng nhu cầu học tập của Nhân dân.

Tiếp tục phát triển giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, hiệu quả, hội nhập, gắn với thị trường lao động, chú trọng cả số lượng, cơ cấu, chất lượng đào tạo, quan tâm công tác đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho người lao động để thích ứng với sự thay đổi của nhu cầu thị trường và công nghệ sản xuất; tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh thiếu niên ngay từ bậc học phổ thông; đẩy mạnh phân luồng, tăng số lượng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp; thực hiện đào tạo nghề, dạy văn hoá, hình thành năng lực nghề nghiệp cho người học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp; quan tâm đầu tư, phát triển một số cơ sở giáo dục nghề nghiệp, ngành, nghề đào tạo đạt trình độ tương đương với khu vực và thế giới.

Tập trung đầu tư chiều sâu, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực chất lượng cao đối với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học công lập ở một số ngành, nghề, lĩnh vực mang tầm cỡ khu vực và quốc tế nhằm tạo đột phá, chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện về chất lượng đào tạo nguồn nhân lực trình độ cao gắn với nghiên cứu, phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chuyển đổi số quốc gia và hội nhập quốc tế; chú trọng các ngành, lĩnh vực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, nhất là các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật, công nghệ và các ngành mới như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, bán dẫn,...

2.2. Phát triển văn hóa, thể thao

Thực hiện tốt chủ trương gắn kết chặt chẽ, đồng bộ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, xây dựng con người Bắc Ninh phát triển toàn diện, kết hợp chặt chẽ, hài hoà giá trị truyền thống và giá trị hiện đại. Tiếp tục đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng hoạt động phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh” và các phong trào thi đua ở khu dân cư. Tăng cường tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện tốt các quy định về nếp sống

văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội, một số lễ nghi, sinh hoạt cộng đồng. Thực hiện tốt công tác kế hoạch hóa gia đình và phòng, chống bạo lực gia đình.

Quan tâm thực hiện bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di sản, văn hoá dân tộc, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể; đẩy mạnh phát triển “*công nghiệp văn hóa*” gắn với chiến lược ngoại giao văn hóa, quảng bá hình ảnh của tỉnh và phát triển du lịch. Xây dựng mối quan hệ liên tỉnh hợp tác và xác định sản phẩm chủ lực, xây dựng thương hiệu, lấy điểm nhấn là dân ca Quan họ, nghệ thuật Chèo và các làng nghề truyền thống, tài nguyên văn hóa đặc sắc của đồng bào các dân tộc thiểu số. Triển khai xây dựng đầu tư sân vận động tỉnh, rạp nghệ thuật truyền thống tại Nhà hát Chèo, Nhà hát dân ca Quan họ. Phát triển hệ thống thư viện từ tỉnh đến cơ sở theo hướng thư viện điện tử, thư viện số. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ, thể thao phục vụ các nhiệm vụ chính trị, các ngày lễ lớn, ngày kỷ niệm của đất nước và của tỉnh.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước về di sản văn hóa; tiếp tục triển khai thực hiện hiệu quả Đề án bảo tồn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021 - 2030. Ưu tiên bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa đã được UNESCO ghi danh; di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia, di tích xếp hạng bị xuống cấp, các di tích có giá trị phát triển du lịch; các bảo vật quốc gia, di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, di sản văn hóa các dân tộc thiểu số có nguy cơ mai một.

Phát triển thể thao toàn diện, cả thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao; đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa thể dục thể thao; phát triển thể thao thành tích cao, chú trọng các môn Olympic, môn thể mạnh, phát triển các loại hình kinh tế thể thao, kết hợp dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí, nghỉ dưỡng, sân golf...

Nâng cao chất lượng công tác báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, bảo đảm thông tin đầy đủ, kịp thời về tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, cả nước, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tăng cường công tác quản lý đối với hoạt động xuất bản, bảo đảm đúng quy định. Quản lý chặt chẽ báo chí, thông tin điện tử; giám sát, quản lý thông tin trên mạng xã hội. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để phân tích dự báo xu thế thông tin và những vấn đề nổi cộm trên mạng xã hội liên quan đến tỉnh.

2.3. Phát triển sự nghiệp y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân

Triển khai đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân.

Phát triển đội ngũ cán bộ y tế đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh và bảo vệ sức khỏe Nhân dân. Nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng, y tế cơ sở, phát huy thế mạnh của y học cổ truyền; bảo đảm khả năng dự báo, khống chế kịp

thời, hiệu quả các dịch bệnh, ứng phó kịp thời với các tình huống khẩn cấp, đặc biệt là các dịch bệnh nguy hiểm, dịch bệnh mới. Đầu tư theo lộ trình, phát triển hệ thống y tế dự phòng đủ khả năng dự báo, kiểm soát các bệnh lây nhiễm, bệnh không lây nhiễm, bệnh nghề nghiệp, bệnh truyền qua thực phẩm; nâng cao kỹ năng đáp ứng tình huống y tế khẩn cấp, năng lực xét nghiệm phục vụ công tác phòng, chống dịch.

Quan tâm đầu tư xây dựng, nâng cấp các cơ sở y tế theo hướng chuyên sâu, thúc đẩy liên kết giữa bệnh viện, viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo và doanh nghiệp nhằm phát triển y học công nghệ cao, chuyên sâu; tập trung phát triển một số trung tâm y tế chuyên sâu chất lượng cao ngang tầm khu vực, quốc tế để thu hút, phát triển du lịch chữa bệnh, giảm tình trạng người dân ra nước ngoài chữa bệnh. Triển khai ít nhất một bệnh viện đạt cấp chuyên sâu; có bệnh viện lão khoa hoặc bệnh viện đa khoa có chuyên khoa lão khoa; phát triển các cơ sở chăm sóc người cao tuổi. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống dịch vụ phục hồi chức năng; kết hợp hiệu quả giữa các cơ sở y tế và các cơ sở chăm sóc người cao tuổi. Từng bước rút ngắn khoảng cách chênh lệch về tiếp cận dịch vụ y tế giữa khu vực thành thị và nông thôn. Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động khám, chữa bệnh của các cơ sở y tế ngoài công lập; công tác vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường năng lực, nâng cao chất lượng và hiệu quả của y tế cơ sở, y tế dự phòng. Tập trung hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trạm y tế cấp xã theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập, bảo đảm cung ứng dịch vụ cơ bản, thiết yếu về phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu và các dịch vụ chăm sóc xã hội. củng cố, nâng cao năng lực đồng bộ cho trạm y tế cấp xã về nhân lực, bảo đảm cơ cấu, đủ số lượng bác sĩ theo chức năng, nhiệm vụ; duy trì đội ngũ nhân viên y tế thôn, tổ dân phố, cô đỡ thôn bản, cộng tác viên dân số theo chức năng, nhiệm vụ; bảo đảm cơ sở vật chất, thuốc, thiết bị y tế cơ bản, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Trong giai đoạn 2026-2030, mỗi năm thực hiện luân phiên, luân chuyển, điều động ít nhất 40 bác sĩ về làm việc có thời hạn tại trạm y tế cấp xã; bổ sung bác sĩ cơ hữu tại trạm y tế cấp xã, đến năm 2030 có đủ bác sĩ theo chức năng, nhiệm vụ. Mỗi trạm y tế cấp xã được đầu tư đủ thiết bị y tế cơ bản theo quy định.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám, chữa bệnh (*bệnh án điện tử; bệnh viện thông minh; khám, chữa bệnh từ xa; chụp chiếu không cần in phim..*). Tiếp tục thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số y tế toàn diện. Hoàn thành việc xây dựng các cơ sở dữ liệu y tế bảo đảm tiêu chuẩn kết nối, chia sẻ và liên thông đồng bộ. Vận hành hiệu quả sổ sức khỏe điện tử, bệnh án điện tử, đơn thuốc điện tử; kết nối đồng bộ, quản lý dữ liệu sức khỏe người dân theo vòng đời. Khẩn trương xây dựng cơ sở dữ liệu toàn tỉnh về y tế, hệ thống kết nối liên thông dữ liệu lĩnh vực y tế, bảo hiểm y tế với cơ sở dữ liệu quốc gia. Xây dựng cơ chế chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu hiệu quả, bảo đảm an ninh, an toàn. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), blockchain và

dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT) trong lĩnh vực y tế nhằm tăng cường tính minh bạch, hiệu quả trong việc cung cấp, sử dụng các dịch vụ y tế

Nâng cao toàn diện chất lượng dân số, thích ứng với già hoá dân số; triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 24-KH/TU ngày 12/9/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 6 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.

Đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa y tế. Đa dạng hóa các hình thức hợp tác công - tư, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở y tế, tập trung vào cung cấp dịch vụ cao cấp, dịch vụ theo yêu cầu và đầu tư xây dựng các cơ sở dịch vụ chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật.

2.4. Về các vấn đề xã hội

Thực hiện đồng bộ, toàn diện và có hiệu quả các chương trình, chính sách, dự án giảm nghèo; tạo cơ hội cho người nghèo tiếp cận các chính sách về hạ tầng phục vụ sản xuất, đất đai, tín dụng, dạy nghề, tạo việc làm, khuyến nông, khuyến lâm và các chính sách hỗ trợ tín dụng cho hộ nghèo. Ưu tiên đầu tư hạ tầng giao thông, thủy lợi ở các khu vực tập trung số hộ nghèo cao, tạo điều kiện thuận lợi để giao lưu, phát triển kinh tế - xã hội. Huy động thêm các nguồn lực để thực hiện công tác giảm nghèo, phấn đấu đến hết năm 2027 trên địa bàn tỉnh không còn hộ nghèo (*Theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025*).

Ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng, giảm nghèo và phát triển nguồn nhân lực ở vùng dân tộc thiểu số. Đảm bảo hộ nghèo, người nghèo tiếp cận và sử dụng hiệu quả các dịch vụ xã hội cơ bản trước hết về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh. Phát triển mạnh kinh tế rừng để đảm bảo giảm nghèo bền vững.

Đẩy mạnh phong trào đền ơn đáp nghĩa; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đối với người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số, người dân các xã đặc biệt khó khăn, xã nghèo, vùng thu hồi đất nông nghiệp. Thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo, các chương trình, dự án đầu tư cho miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Tập trung giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến công tác quản lý đất đai, thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, ô nhiễm môi trường, các vấn đề xã hội tại các KCN như: Xây dựng nhà ở công nhân; cấp nước sinh hoạt tập trung; xử lý rác thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường; xây dựng chợ, điểm mua sắm và xây dựng nhà trẻ, trường mầm non... thông qua việc đầu tư từ ngân sách Nhà nước và huy động các nguồn lực xã hội hóa, trọng tâm là nguồn lực của các doanh nghiệp đầu tư tại các KCN.

Nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước về lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội đối với các doanh nghiệp, đảm bảo quyền lợi chính đáng của người lao động, xử lý các doanh nghiệp nợ BHXH của người lao động.

2.5. Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Tiếp tục nghiên cứu tình ban hành chính sách riêng của tỉnh để đầu tư, hỗ trợ vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tuyên truyền vận động đồng bào dân tộc thiểu số chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng thích ứng với biến đổi khí hậu, đẩy mạnh trồng rừng gỗ lớn, cây bản địa, tăng diện tích rừng kinh tế được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn quốc tế (FSC). Tiếp tục làm tốt công tác bảo vệ và phát triển rừng, nhất là đối với rừng tự nhiên là rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn. Duy trì và nhân rộng các mô hình, dự án hỗ trợ phát triển sản xuất có hiệu quả kinh tế cao.

Huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó nguồn lực nhà nước giữ vai trò quan trọng, quyết định để huy động các nguồn lực khác. Đổi mới, thực hiện có hiệu quả các chính sách tín dụng của ngân hàng chính sách xã hội theo hướng tăng định mức, mở rộng đối tượng vay đến các dự án sản xuất kinh doanh tạo sinh kế cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Quy hoạch sắp xếp, di dời, bố trí 100% hộ dân đang cư trú phân tán, rải rác trong rừng đặc dụng, các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc, chính sách dân tộc. Tăng cường xây dựng, củng cố hệ thống chính trị, xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân vững chắc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

2.6. Công tác xây dựng chính quyền

Tiếp tục rà soát các quy định về phân cấp, phân quyền, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với cải cách hành chính, chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương hai cấp bảo đảm tinh, gọn, mạnh, năng động, chuyên nghiệp, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ trình độ, năng lực, tính chuyên nghiệp cao, đáp ứng tốt yêu cầu trong tình hình mới.

Nâng cao năng lực điều hành, quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước. Đẩy mạnh xây dựng chính quyền điện tử tỉnh. Đẩy mạnh cải cách hành chính; tăng cường công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình của chính quyền các cấp. Tiếp tục tiến hành sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Chuẩn bị các điều kiện tổ chức thành công cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026-2030. Xây dựng cơ chế đánh giá năng lực, phân loại cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm đánh giá đúng người, đúng việc, đúng vị trí việc làm dựa trên hiệu quả và chất lượng công việc. Tăng cường kiểm tra công vụ, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương hành chính; xử lý nghiêm các tổ chức và cá nhân vi phạm chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Tập trung rà soát, nghiên cứu, tham mưu sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới hệ thống thể chế, chính sách phù hợp yêu cầu phát triển gắn với thực hiện

Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, nhất là tập trung nghiên cứu, hoàn thiện thể chế tổ chức bộ máy chính quyền địa phương theo hướng phân định rõ hơn tổ chức bộ máy chính quyền đô thị, nông thôn, giải quyết sớm những vấn đề khó khăn, vướng mắc cho cấp xã.

Đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao thứ hạng các chỉ số đánh giá cấp tỉnh, xây dựng chính quyền điện tử. Triển khai, nhân rộng thực hiện các sáng kiến, mô hình hay về cải cách hành chính, đặc biệt là những mô hình các tác động trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp. Tăng cường công tác kiểm tra định kỳ, đột xuất về công tác CCHC, việc thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

2.7. Công tác đối ngoại, liên kết, hợp tác phát triển

Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả, toàn diện đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế, trong tâm là Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 của Bộ Chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Chú trọng quảng bá, xây dựng hình ảnh nhằm nâng cao, khẳng định vị thế, thương hiệu của địa phương; huy động tối đa các nguồn lực phục vụ sự phát triển của tỉnh. Tăng cường hợp tác, thúc đẩy phát triển với các tỉnh giáp ranh; thiết lập, mở rộng quan hệ hợp tác với một số địa phương của các nước trong khu vực và trên thế giới.

Tiếp tục triển khai toàn diện và mạnh mẽ công tác đối ngoại địa phương trên các lĩnh vực, gồm: ngoại giao văn hóa, thông tin đối ngoại, công tác người Việt Nam ở nước ngoài, công tác biên giới lãnh thổ, công tác lãnh sự, bảo hộ công dân, công tác ký kết và thực hiện thỏa thuận quốc tế, quản lý hội nghị hội thảo quốc tế, công tác phi chính phủ nước ngoài

Các cấp, các ngành tăng cường phối hợp đề xuất với các bộ, ngành Trung ương trong việc phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là trong việc phối hợp với các tỉnh trong khu vực thực hiện các quy hoạch vùng, liên vùng; đề nghị các bộ, ngành Trung ương hỗ trợ trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Nghiên cứu xây dựng các chương hợp tác với các địa phương lân cận trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi và theo đúng pháp luật nhằm hình thành và phát triển mối quan hệ lâu dài, bền vững làm cơ sở phát huy lợi thế, khai thác các tiềm năng của từng địa phương, góp phần đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế-xã hội, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

3. Công tác bảo đảm quốc phòng, an ninh

3.1. Công tác bảo đảm an ninh

- Tập trung lãnh đạo toàn diện công tác bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Lãnh đạo tiếp tục thực hiện Đề án “Đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an tỉnh Bắc Ninh thật sự trong sạch, vững mạnh,

chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới”.

- Nhận diện sớm các nguy cơ và chủ động dự báo sát, đúng tình hình; tăng cường các giải pháp bảo vệ an ninh chế độ, an ninh kinh tế, an ninh tài chính, an ninh mạng, an ninh dữ liệu, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, an ninh thực phẩm; ngăn ngừa, đẩy lùi từ sớm các nhân tố gây mất ổn định chính trị từ bên trong. Xây dựng thế trận bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội rộng khắp, đa tầng trong hoạt động kinh tế, đối ngoại.

- Tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phòng ngừa, kéo giảm các loại tội phạm và vi phạm pháp luật; xây dựng xã hội trật tự, kỷ cương, an toàn, lành mạnh, văn minh, hài hòa, phát triển và xây dựng địa bàn không có tội phạm ma túy.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về an ninh, trật tự. Tăng cường công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy; kiểm chế, kéo giảm tai nạn giao thông, cháy, nổ. Tập trung các giải pháp nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra tại Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Đề án số 06 của Chính phủ.

- Xây dựng lực lượng Công an tỉnh Bắc Ninh thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới theo hướng “tinh toàn diện, xã vững mạnh, bám cơ sở”. Tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, phương tiện, công cụ hỗ trợ cho lực lượng Công an.

- Huy động hiệu quả mọi nguồn lực xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân vững mạnh, toàn diện, xuyên suốt, chặt chẽ và xây dựng lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở vững mạnh, rộng khắp, ngang tầm yêu cầu, nhiệm vụ. Phát huy hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ ANTT trên địa bàn tỉnh, với nhiều mô, cách làm hay sáng tạo góp phần chung vào công tác bảo vệ An ninh Quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

3.2. Nhiệm vụ bảo đảm quốc phòng

Quán triệt thực hiện có hiệu quả các quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới. Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh vững mạnh toàn diện; củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc; thực hiện tốt công tác quân sự địa phương; chủ động nắm chắc tình hình, phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý có hiệu quả mọi nguy cơ, yếu tố tiềm ẩn phức tạp về an ninh, trật tự từ sớm, ngay tại cơ sở, không để lan rộng, kéo dài.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục quốc phòng và an ninh; phát huy vai trò, trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức doanh nghiệp và Nhân dân trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

- Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh trong từng quy hoạch, chương trình, dự án kinh tế bảo đảm giữ vững thế trận trong KVPT, có tính lưỡng dụng, sẵn sàng phục vụ quốc

phòng, an ninh khi cần thiết. Đầu tư xây dựng và phát triển về khoa học và công nghệ, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân, thể trận lòng dân vững chắc, khu vực phòng thủ tỉnh ngày càng vững mạnh, chủ động thích ứng với yêu cầu quản lý, bảo vệ an ninh, trật tự của đô thị lớn, du lịch di sản tâm linh và trung tâm kinh tế - chính trị.

- Xây dựng lực lượng vũ trang tỉnh cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; nâng cao chất lượng tổng hợp và khả năng sẵn sàng chiến đấu, năng lực tham mưu, chỉ huy điều hành và xử lý hiệu quả các tình huống phát sinh, không để bị động bất ngờ.

- Nâng cao năng lực phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, sự cố, thảm họa, cứu hộ, cứu nạn; đầu tư, hiện đại hoá trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh. Xây dựng môi trường ổn định, an toàn, thuận lợi để thu hút đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững, góp phần xây dựng tỉnh Bắc Ninh văn minh, hiện đại và giàu mạnh.

4. Phát triển đô thị thông minh

a) Mục tiêu

- Mục tiêu tổng quát

Tổ chức triển khai phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh theo hướng lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực cốt lõi, lấy người dân làm trung tâm; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ, bảo đảm môi trường sống an toàn, tiện nghi, tăng hiệu quả quản lý đô thị và năng lực cạnh tranh của tỉnh theo định hướng phát triển bền vững.

Ưu tiên tập trung vào các lĩnh vực: Giáo dục, khoa học công nghệ, hạ tầng công nghệ thông tin, công nghệ số.

- Mục tiêu đến năm 2030

- + Hoàn thiện cơ chế điều phối cấp tỉnh và thiết lập mô hình quản trị đô thị thông minh dựa trên dữ liệu; vận hành hiệu quả hệ thống giám sát, điều hành đô thị thông minh cấp tỉnh và tại các đô thị trọng điểm khi đủ điều kiện.

- + Xây dựng và triển khai Đề án phát triển đô thị thông minh cấp tỉnh, trên cơ sở đó ban hành các kế hoạch triển khai theo ngành, lĩnh vực và theo từng địa phương.

- + Tích hợp nội dung đô thị thông minh vào các cấp độ quy hoạch đô thị; từng bước thiết lập, vận hành Mô hình thông tin đô thị (CIM) phục vụ phân tích, hỗ trợ ra quyết định và quản lý phát triển đô thị, hướng tới tích hợp vào bản sao số đô thị (Digital Twin).

- + Phát triển đồng bộ hạ tầng số và các dịch vụ tiện ích đô thị thông minh; ưu tiên phát triển về y tế, chăm sóc sức khỏe, quản lý môi trường, nước thải, rác thải, cấp nước, giao thông và các lĩnh vực thiết yếu; bảo đảm trung lập công

nghệ, khả năng mở rộng.

+ Xây dựng và triển khai Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Bắc Ninh, bảo đảm khả năng tương tác, tuân thủ Khung kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh quốc gia; áp dụng nguyên tắc API mở, mô hình dữ liệu chung theo quy định và hướng dẫn có liên quan.

+ Thiết lập, áp dụng đồng bộ biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, phân loại và bảo vệ dữ liệu, xác định cấp độ an toàn hệ thống; lồng ghép yêu cầu “an toàn ngay từ khâu thiết kế” trong các dự án đô thị thông minh sử dụng vốn nhà nước.

+ Nghiên cứu phát triển đô thị thông minh tỉnh Bắc Ninh nằm trong TOP 50 bảng xếp hạng đô thị thông minh uy tín toàn cầu (ví dụ: IMD Smart City Index), phát triển theo định hướng lấy con người làm trung tâm .

b) Các nhiệm vụ trọng tâm:

Để triển khai có hiệu quả và đồng bộ các định hướng phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, UBND tỉnh đã đề ra 16 nhiệm vụ trọng tâm cho các cơ quan, ban, ngành và các địa phương triển khai thực hiện. Trong đó có 4 nhóm nhiệm vụ chính, cụ thể như sau:

Hoàn thiện thể chế và kiến trúc nền tảng (*Giai đoạn 2026 - 2027*):

- Thiết lập Hội đồng điều phối đô thị thông minh cấp tỉnh; xây dựng Đề án, Kế hoạch phát triển đô thị thông minh xuyên suốt từ cấp tỉnh đến cấp xã, phường.

- Xây dựng Kiến trúc ICT phát triển đô thị thông minh tỉnh Bắc Ninh, đồng thời ban hành Quy chế quản lý hoạt động thử nghiệm có kiểm soát (Sandbox) nhằm tạo hành lang pháp lý thuận lợi, thúc đẩy các giải pháp công nghệ đổi mới sáng tạo.

Phát triển đồng bộ hạ tầng số và hạ tầng kỹ thuật thông minh (*Giai đoạn 2026 - 2030*):

- Phát triển hạ tầng số đô thị thông minh, đẩy mạnh đầu tư hạ tầng viễn thông và Internet, hạ tầng dữ liệu (trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây), Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI)...vào các lĩnh vực thiết yếu.

- Xây dựng hạ tầng kỹ thuật đô thị thông minh như: Giao thông thông minh; Năng lượng thông minh; Chiếu sáng công cộng thông minh; Cấp, thoát nước thông minh...Đồng thời, lồng ghép các nội dung phát triển đô thị thông minh trong quy hoạch, xây dựng đô thị.

Triển khai các dịch vụ và tiện ích xã hội thông minh (*Giai đoạn 2026 - 2030*):

- Phát triển các dịch vụ tiện ích thông minh phục vụ người dân và doanh nghiệp trong các lĩnh vực ưu tiên như: Nông nghiệp; Môi trường; Y tế; Giáo dục; Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Xây dựng mô hình các Khu công nghiệp thông minh nhằm tối ưu hóa công tác quản lý và nâng cao năng lực cạnh tranh, thu hút đầu tư của tỉnh.

Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; phát triển nguồn nhân lực và hợp tác quốc tế (*Thường xuyên*):

- Triển khai đồng bộ các biện pháp để bảo đảm trật tự an toàn xã hội, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu trong phát triển đô thị thông minh.
- Tập trung phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, phổ cập và nâng cao kỹ năng số cho toàn xã hội để đáp ứng yêu cầu vận hành đô thị thông minh.
- Chủ động mở rộng hợp tác quốc tế để tranh thủ nguồn lực, kinh nghiệm và công nghệ tiên tiến phục vụ quá trình chuyển đổi số của tỉnh.

Đối với công tác phát triển Hạ tầng số, đến nay 100% xã đã kết nối Mạng truyền số liệu chuyên dùng và 100% dân số được phủ sóng di động. Toàn tỉnh lắp đặt khoảng 849 trạm BTS 5G, vùng phủ 5G đạt trên 92,12% dân số toàn tỉnh. Hạ tầng viễn thông được nâng cấp, mở rộng, chất lượng phủ sóng, dịch vụ viễn thông được nâng cao. 100% thôn, bản, tổ dân phố có hạ tầng Internet cáp quang băng rộng cố định. Tỉnh Bắc Ninh hiện đang duy trì hoạt động ổn định 02 Trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh, từng bước nâng cấp, bảo đảm an toàn thông tin; bố trí 495 đường truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan Đảng, Nhà nước thông suốt từ tỉnh đến xã để phục vụ triển khai các phần mềm dùng chung, hội nghị truyền hình trực tuyến phục vụ chính quyền 2 cấp. Bên cạnh mạng truyền số liệu chuyên dùng, duy trì song song các đường truyền Internet tốc độ cao trên nền tảng IPv6 đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chuyển đổi số và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung đáp ứng tốt các yêu cầu về an toàn thông tin, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp, các ngành.

4. Phát triển đô thị chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Mục tiêu

Tiếp tục thực hiện Kết luận số 224-KL/TW và Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Kế hoạch số 21-KH/TU của Tỉnh ủy Bắc Ninh. Theo đó:

- Xác định các nhiệm vụ, giải pháp nhằm đẩy nhanh tốc độ và nâng cao chất lượng đô thị hoá, phát triển đô thị bền vững đảm bảo tối ưu việc sắp xếp không gian phát triển phù hợp sau khi sáp nhập tỉnh và mô hình chính quyền địa phương hai cấp.
- Đảm bảo việc kết nối đô thị với nông thôn, giữa các đô thị với nhau, kết nối đô thị với hệ thống hạ tầng giao thông chiến lược (sân bay, đường cao tốc, đường sắt, đường thủy...), kết nối với khu vực Vùng Thủ đô và Vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, bảo đảm phát triển hài hòa, tương đồng giữa các khu vực, địa phương.
- Kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội được đầu tư đồng bộ, hiện đại; bộ máy chính quyền đô thị hoạt động hiệu lực, hiệu quả; chất lượng cuộc sống đô thị ngày càng nâng cao, đảm bảo an sinh, phúc lợi xã hội, an toàn và trật tự đô thị; đảm

bảo quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Nhiệm vụ

- Kiểm soát chặt chẽ quá trình phát triển đô thị, chú trọng việc phát triển đô thị gắn với nét đặc trưng riêng của từng vùng; hình thành các trung tâm đô thị xanh, thông minh, có tính biểu tượng cao mang tầm Châu Á - Thái Bình Dương.

- Khuyến khích phát triển các đô thị có tỷ lệ cao về nhà cao tầng, hạ tầng đồng bộ gắn với phát triển thương mại, dịch vụ; ưu tiên phát triển các đô thị tạo động lực thúc đẩy phát triển các loại hình dịch vụ logistics, khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, kinh tế thương mại,... theo hướng sinh thái, thông minh, hiện đại.

- Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo vệ môi trường đô thị; tập trung đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung đối với các đô thị chưa có hệ thống xử lý; kết hợp linh hoạt, lựa chọn các hình thức xử lý nước thải (tập trung, cục bộ, tại nguồn) phù hợp với từng đô thị;

- Nghiên cứu triển khai ứng dụng khoa học công nghệ để xử lý nước thải tại nguồn ở các đô thị hiện hữu không thể tách riêng hệ thống thoát nước thải và nước mưa;

- Có cơ chế, chính sách hỗ trợ đầu tư các công trình xử lý môi trường khu vực nông thôn, làng nghề, hoàn thành việc di dời các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường theo lộ trình, kế hoạch.

- Nghiên cứu, phát triển đô thị bền vững, có năng lực chống chịu, thích ứng với biến đổi khí hậu; triển khai các giải pháp chống ngập úng đô thị, sử dụng các loại vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường, có tính thẩm cao; khai thác, sử dụng có hiệu quả nguồn nước ngầm, tránh tác động tiêu cực, sụt lún cục bộ.

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển hạ tầng số, hạ tầng đô thị thông minh, đô thị xanh phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, bảo đảm nguyên tắc lấy người dân là trung tâm, dữ liệu và hạ tầng thông minh là nền tảng.

- Tăng cường công tác quản lý trật tự đô thị, trật tự xây dựng tại các đô thị hiện hữu và khu vực đang trong quá trình đô thị hoá; tăng cường vai trò giám sát cộng đồng; tăng cường phân cấp cho các địa phương trong quản lý đô thị phù hợp với điều kiện thực tế. Nâng cao hiệu quả và tính chuyên nghiệp của chính quyền đô thị các cấp.

5. Giải pháp huy động vốn đầu tư

5.1. Nhu cầu vốn đầu tư

Để hiện thực hóa mục tiêu đưa Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương và đạt tiêu chuẩn đô thị loại I, việc xác định chính xác nhu cầu vốn và xây dựng giải pháp huy động hiệu quả là yếu tố mang tính then chốt. Nhu cầu vốn đầu tư trong giai đoạn tới là rất lớn, tập trung đột phá vào hệ thống hạ tầng khung, các dự án giao thông liên vùng, hạ tầng số và các tổ hợp dịch vụ - công nghiệp

công nghệ cao nhằm tạo ra diện mạo của một đô thị hiện đại, thông minh. Để đáp ứng nguồn lực khổng lồ này, Bắc Ninh cần triển khai đồng bộ nhóm giải pháp huy động vốn dựa trên nguyên tắc "đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư", trong đó ngân sách nhà nước đóng vai trò vốn môi để kích hoạt các dòng vốn từ khu vực tư nhân và các mô hình hợp tác công - tư (PPP). Bên cạnh đó, tỉnh cần chủ động thu hút dòng vốn FDI thế hệ mới thông qua việc cải thiện đẳng cấp đô thị và môi trường quản trị minh bạch, đồng thời đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, số hóa quy hoạch để khơi thông nguồn lực trong dân. Việc kết hợp chặt chẽ giữa nhu cầu đầu tư có trọng điểm và các kênh huy động vốn đa dạng sẽ tạo ra đòn bẩy tài chính vững chắc, đảm bảo Bắc Ninh không chỉ đạt được các tiêu chí đô thị loại I về hình thức mà còn phát triển bền vững về nội lực kinh tế.

5.2. Định hướng quản lý, thu hút và sử dụng vốn đầu tư

Tiếp tục thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, phấn đấu huy động vốn đầu tư phát triển toàn xã hội giai đoạn 2026-2030 đạt khoảng 1.600 nghìn tỷ đồng. Tập trung rà soát, rà soát, xây dựng, hoàn thiện hệ thống các quy định, cơ chế chính sách để tháo gỡ các điểm nghẽn, nút thắt hiện nay, nhất là trong cải cách hành chính, đầu tư hạ tầng, giải phóng mặt bằng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực... gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thực thi. Các chủ trương, chính sách vừa đáp ứng nhu cầu bức thiết vừa có tầm nhìn dài hạn, không bị hạn chế bởi "tư duy nhiệm kỳ".

Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, duy trì thứ hạng chỉ số PCI trong nhóm các tỉnh đứng đầu cả nước. Tiếp tục thực hiện nhất quán chủ trương "*đồng hành cùng doanh nghiệp*"; nâng cao trách nhiệm giải trình của người đứng đầu các cơ quan đối với doanh nghiệp, nhà đầu tư thông qua việc giải đáp những kiến nghị, khó khăn, vướng mắc liên quan đến lĩnh vực ngành, địa phương mình quản lý. Kịp thời giải quyết phản ánh, kiến nghị của nhà đầu tư, doanh nghiệp một cách thiết thực, hiệu quả.

Triển khai thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân. Khuyến khích phát triển các loại hình kinh tế tư nhân; xây dựng đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân cả về số lượng và chất lượng. Đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển. Thực hiện "ứng xử" công bằng giữa các thành phần kinh tế để các thành phần kinh tế phát huy hết tiềm năng. Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh thâm nhập và mở rộng thị trường trong và ngoài nước. Đẩy mạnh hoạt động khởi nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển. Khuyến khích phát triển các loại hình kinh tế tư nhân; xây dựng đội ngũ doanh nghiệp, doanh nhân cả về số lượng và chất lượng.

Đẩy mạnh giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ; nâng cao tỉ lệ hồ sơ trực tuyến, tỉ lệ thanh toán trực tuyến; tiếp tục thực hiện việc số hóa kết quả TTHC để nâng cao tính công khai, minh bạch, rút ngắn thời gian, tiết kiệm chi phí.

Tiếp tục thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp có vốn Nhà nước; hỗ trợ, xây dựng các mô hình KTTT, HTX kiểu mới phù hợp với bối cảnh cuộc cách mạng công nghệ 4.0. Hỗ trợ xây dựng một số mô hình HTX điển hình tiên tiến, ứng dụng công nghệ cao. Xem xét, lựa chọn, giao cho HTX thực hiện nhiệm vụ thu gom vận chuyển rác thải khu vực nông thôn.

PHẦN THỨ NĂM

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Từ những căn cứ và yêu cầu nêu trên, có thể khẳng định việc thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương trên cơ sở địa giới hành chính tỉnh Bắc Ninh là bảo đảm điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Với thực trạng phát triển kinh tế - xã hội và quá trình đô thị hóa của tỉnh Bắc Ninh diễn ra nhanh chóng, liên tục có sự chuyển đổi mang tính đột phá, đặc biệt tăng tốc trong những năm gần đây và đối chiếu theo quy định hiện hành của pháp luật, tỉnh Bắc Ninh đã đáp ứng đủ các tiêu chuẩn của Thành phố quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 112/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; phù hợp với yêu cầu khách quan của quá trình phát triển, chủ trương, định hướng lớn của Đảng và Nhà nước về tổ chức không gian phát triển và xây dựng hệ thống đô thị quốc gia; đồng thời thống nhất với các quy hoạch chiến lược đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Việc nâng cấp lên thành phố sẽ tạo điều kiện hình thành cơ chế phát triển vượt trội, nâng cao năng lực điều phối, thúc đẩy tăng trưởng, đồng thời củng cố vai trò là cực tăng trưởng, đóng góp nhiều hơn cho sự phát triển chung khu vực Đồng bằng sông Hồng và cả nước.

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh kính trình Chính phủ, Bộ Nội vụ xem xét, trình Quốc hội quyết định thành lập thành phố Bắc Ninh trực thuộc Trung ương theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Quốc hội, Chính Phủ;
- Bộ Nội vụ (*báo cáo*);
- TTTU, HĐND, UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Đảng ủy, HĐND, UBND xã, phường;
(đăng tải xin ý kiến trang/công thông tin)
- Văn phòng UBND tỉnh (đăng công báo);
- Lưu Văn phòng UBND tỉnh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN